

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: NGUYỄN NGỌC HẠNH
Sinh ngày: 13/04/1981
Giới tính: Nữ
Nghề nghiệp: Công chức
Dân tộc: Kinh
Đảng: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam
Đoàn: Đoàn viên Công đoàn
Đơn vị công tác: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ
Nơi thường trú: 174/19/40A Khu phố 3, Phường Trung Dũng,
Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại: 0613.822297 (8111) – 0909.760813
Email: hanh13481@yahoo.com

LỜI NÓI ĐẦU

Nếu kể từ năm 1698, khi Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đàng Trong, lấy đất Đồng Nai lập phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long với dinh Trấn Biên và huyện Tân Bình với dinh Phiên Trấn làm mốc, thì đến năm 2018, vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai tròn 320 tuổi.

Người Việt vào vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai vẫn mang trong người truyền thống 4.000 năm của dân tộc, luôn canh cánh nỗi nhớ về cội nguồn dân tộc:

"Ai đi về Bắc ta theo với
Thăm lại non sông giống Lạc Hồng
Từ độ mang gươm đi mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long"
(Huỳnh Văn Nghệ)

Với tinh thần đoàn kết, lao động sáng tạo không ngừng, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai đã xây dựng nên vùng đất phát triển về kinh tế, để lại một dấu ấn khá đặc sắc về văn hóa, nghệ thuật, truyền thống lịch sử và truyền thống đấu tranh kiên cường chống ngoại xâm đáng tự hào với "Hào khí Đồng Nai", tô thêm truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Chúng ta vô cùng trân trọng và tự hào về sự cống hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, đồng chí trong suốt ba mươi năm ròng rã chiến đấu ngoan cường, và đã để lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu.

Trải qua 320 năm hình thành và phát triển, với bao thăng trầm của lịch sử đã tạo nên một vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai gian lao mà anh Dũng, một vùng đất với nhiều dân tộc đem lại những nét đặc trưng văn hóa, với nhiều tính ngưỡng tập quá đa dạng và phong phú.

Đến với Hội thi tìm hiểu văn hóa lịch sử năm 2018 của tỉnh Đồng Nai, bản thân tôi hiểu biết thêm về những cuộc chiến vẻ vang của quân, dân của vùng đất Biên Hòa Đồng Nai và những tín ngưỡng tập quán dân gian của con người trên vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

KHÁI QUÁT VÙNG ĐẤT – CON NGƯỜI ĐỒNG NAI XƯA VÀ NAY

Đồng Nai là một tỉnh ở miền Đông Nam bộ có lịch sử lâu đời. Lịch sử khai phá vùng đất Đồng Nai là một bộ phận của lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ. Nhân dân Đồng Nai cùng với cả nước ra sức khai phá, xây dựng và phát triển thành khu vực có nền kinh tế năng động, hiện nay Đồng Nai là một trong những Tỉnh đi đầu trong chủ trương, chính sách công nghiệp hoá – hiện đại hoá của đất nước.

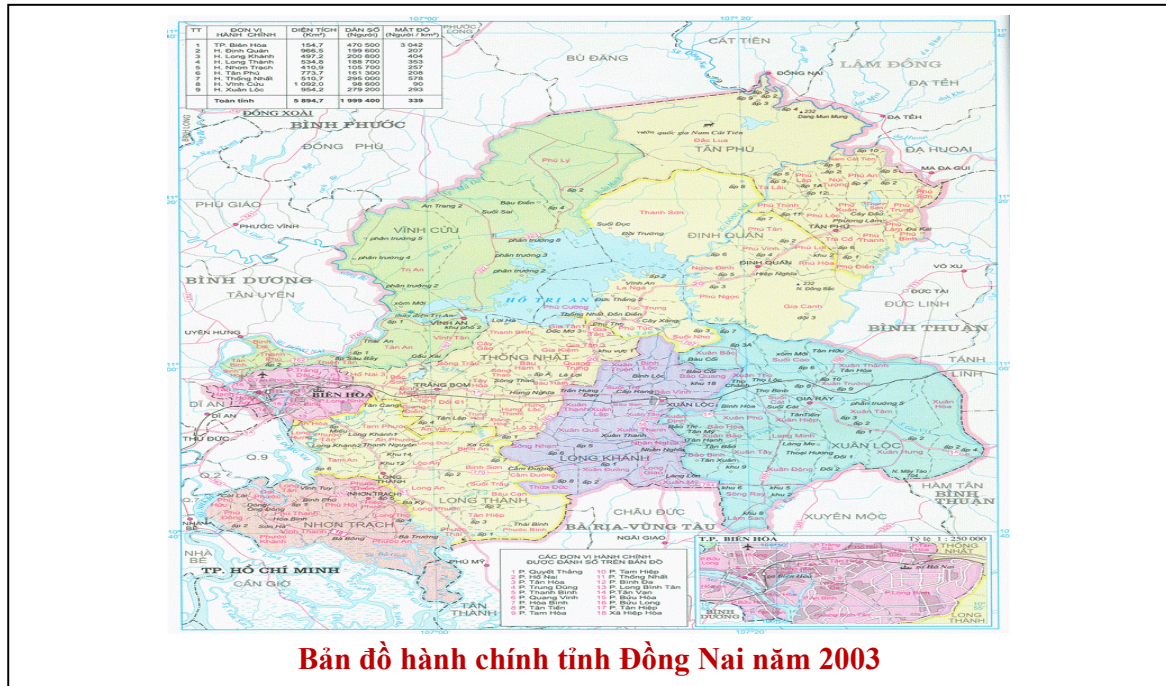
Từ cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII người Việt bắt đầu có những đợt di cư vào vùng đất Đồng Nai. Tiến trình nhập cư của cư dân người Việt vào đất Đồng Nai – Gia Định đã diễn ra liên tục trong suốt gần một thế kỷ. Đến năm 1698, khi Nguyễn Hữu Cảnh theo lệnh của Nguyễn Phúc Chu vào kinh lược, Chuyển kinh lược này, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đã thực thi một việc vô cùng quan trọng; đó là thiết lập một hệ thống tổ chức bộ máy hành chính ở vùng đất mới. Cụ thể là Ông “lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long dựng dinh Trấn Biên, lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn; thiết lập hệ thống quản lý hành chính, tổ chức việc khai thác đất đai và ổn định trật tự xã hội.

Cùng với việc nhập cư của người Việt, một nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên dẫn đầu cũng đến khai phá ở vùng đất Cù lao Phố, xây dựng thương cảng đầu tiên của vùng đất phương Nam. Cuối thế kỷ XVIII Nông Nại đại phố là một đô thị xuất hiện sớm trên vùng đất Đồng Nai. Quang cảnh mua bán đã được Trịnh Hoài Đức mô tả: “Xưa nay thuyền buôn đến đây hạ neo xong, thì lên bờ thuê phố ở, rồi đến nhà chủ mua hàng, lại đây kê khai những hàng hoá trên thuyền và khuân cất lên, thương lượng giá cả, chủ mua hàng định giá mua bao tất cả những hàng hoá tốt xấu, không bỏ sót lại thứ gì. Đến ba ngày trưng buồm trở về, gọi là hồi đường, chu thuyền có yêu cầu mua giúp vật gì thì người buôn cũng chiều ý ước đơn mua giùm chờ đến trước kỳ giao hẹn, hai bên chủ khách chiếu tính hoá đơn thanh toán rồi cùng nhau đàn ca vui chơi.

Cùng với việc chăm lo phát triển kinh tế những con người của đất Đồng Nai còn chú trọng mở mang dân trí, vun đắp đời sống văn hóa tinh thần. Vào năm 1715 đã xây dựng văn miếu Trấn Biên – văn miếu đầu tiên của đất Nam bộ là nơi đào tạo nhân tài.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, qua bao lần sắp xếp chia tách địa giới hành chính, hiện nay tỉnh Đồng Nai gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và 9 huyện Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch với diện tích 5.903,942 km².

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”



Là một tỉnh nằm trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam, Đông giáp tỉnh Bình Thuận. Đông Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng. Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước. Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh; có hệ thống giao thông thuận tiện với nhiều tuyến đường huyết mạch quốc gia đi qua như quốc lộ 1A, quốc lộ 20, quốc lộ 51; tuyến đường sắt Bắc - Nam; gần cảng Sài Gòn, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế trong vùng cũng như giao thương với cả nước đồng thời có vai trò gắn kết vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên.

Thiên nhiên ưu đãi cho Đồng Nai khí hậu ôn hòa, địa hình đa dạng nhiều vùng đất đỏ bazan màu mỡ cùng với dòng sông Đồng Nai hiền hòa, rất thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp và cây ăn trái như cao su, cà phê, tiêu, chôm chôm, sầu riêng,...

Hiện nay, Đồng Nai có 31 khu công nghiệp đang hoạt động, những nhà máy, xí nghiệp, mọc san sát nhau. Bên cạnh các khu công nghiệp, khu vực miền núi, nông thôn phát huy thế mạnh trồng trọt, chăn nuôi với những trang trại nuôi heo, gà, bò sữa... rộng lớn, vừa cung cấp cho thị trường trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu.

Ngoài ra Đồng Nai còn có nhiều nghề nghiệp thủ công nghiệp truyền thống như đan lát, mây tre lá nhờ nguồn tài nguyên là các rừng lá buông của địa phương Gia công đồ mỹ nghệ, làm các sản phẩm từ gỗ công nghệ, chế biến nông sản, sản xuất gạch ngói, đúc đồng, đúc gang... là những ngành nghề truyền thống nổi tiếng của Đồng Nai. Năm bắt được thế mạnh này, Đồng Nai ra sức bảo vệ

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

nghề truyền thống và thành lập các cụm công nghiệp nghề truyền thống, mở các lớp đào tạo nghề truyền thống là giải pháp then chốt và mới mẻ nhưng có tính cách lâu dài và là bước đi đúng đắn bảo vệ ngành nghề truyền thống trước sức ép phát triển của quá trình đô thị hóa, hội nhập kinh tế và đầu tư nước ngoài cho các ngành công nghiệp và dịch vụ hiện đại

Sông Đồng Nai là con sông lớn nhất ở miền Đông Nam bộ bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên (với nhiều phụ lưu như sông La Ngà, Sông Bé, sông Sài Gòn và Sông Vàm Cỏ) đoạn chạy qua Đồng Nai dài 290 km.

Đồng Nai còn có nhiều khoáng sản như đá ở núi Dinh, núi Da Qui, Sóc Lu, Bửu Long; cát ở cát sông suối là nguồn vật liệu xây dựng. Đất sét để phát triển nghề làm gạch ngói và đồ gốm ở nhiều nơi. Cát trắng ở Bình Châu rất tinh khiết là nguyên liệu cho ngành thủy tinh. Đá quý ở Xuân Lộc được dùng làm đồ trang sức mỹ nghệ. Suối Nghệ, suối Đan Com (xã Phú Bình), suối nước nóng Bình Châu là những suối khoáng có thể khai thác quy mô lớn để phục vụ sức khỏe nhân dân.

Đồng Nai nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, sáu tháng mùa khô và sáu tháng mùa mưa. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa trung bình hằng năm 1.700 mm. Về mùa này thường có những cơn mưa dông, mưa rào xối xả như trúc nước, rồi lại tạnh ngay. Đồng Nai ít khi bị lụt. Từ đầu thế kỷ 20 chỉ có một trận lụt gây thiệt hại lớn (năm Nhâm Thìn – 10 -1952). Mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4. Về mùa này hầu như không có mưa, buổi trưa trời thường rất nóng, nhưng về chiều tối lại dịu mát và có khi se lạnh vào những đêm cuối tháng mười hai đến đầu tháng giêng (dương lịch). So với nhiều miền đất khác trong nước, khí hậu Đồng Nai tương đối thuận hòa.

Để phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược, từ thời Pháp đến thời Mỹ, mảnh đất Đồng Nai - với vị trí chiến lược của nó – đã có những biến đổi rõ rệt so với nhiều tỉnh khác ở miền Nam. Đồng Nai là tỉnh duy nhất ở miền Nam có khu công nghiệp lớn hiện đại – Khu công nghiệp Biên Hòa, khu công nghiệp này được hình thành và phát triển mạnh từ năm 1965, chủ yếu làm nhiệm vụ hậu cần tại chỗ cho cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Sau giải phóng, chính quyền nhân dân đã tiếp tục phát triển khu công nghiệp này. Các sản phẩm công nghiệp của Biên Hòa chiếm một vị trí quan trọng trong sản xuất và đời sống của nhân dân.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ tỉnh Đồng Nai cùng các tỉnh trong khu vực Miền Đông hợp thành “Miền Đông gian lao và anh dũng” với những căn cứ địa cách mạng lừng lẫy như Chiến khu Đ, Chiến khu rừng Sác... Quân và nhân dân Đồng Nai đã lập nhiều chiến công hiển hách như chiến thắng sân bay Biên Hòa, chiến thắng tổng kho Long Bình...và mùa xuân 1975 quân và dân Đồng Nai đã đập tan tuyến phòng thủ vững chắc “cách cửa

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

thép Xuân Lộc” mở cửa ngõ – tuyến phòng thủ về hướng đông bắc Sài Gòn, mở đường cho bộ đội tấn công Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

Về giao thông, ngoài hệ thống đường biển, đường sông, Đồng Nai có một mạng lưới đường bộ dày đặc. Các trục lộ lớn là Quốc lộ 1, 15, 20 và các đường liên tỉnh 2, 3, 16, 23, 24, 25. Quốc lộ 1 chạy qua Đồng Nai tới Sài Gòn, một trung tâm lớn về kinh tế, chính trị và quân sự. Ngoài ra để quốc Mỹ đã cho xây dựng xa lộ Biên Hòa – Sài Gòn, rộng 14m và dài 32 km, để tạo thuận lợi cho việc cơ động lực lượng bảo vệ cửa ngõ phía đông của “thủ đô Sài Gòn”.

Bên cạnh đường bộ, Đồng Nai còn có một hệ thống đường không. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp xây dựng một sân bay tại Biên Hòa. Khi Mỹ nhảy vào thay chân Pháp, Mỹ đã mở rộng và hiện đại hóa thành sân bay quân sự lớn nhất ở Miền Nam. Ngoài ra, chúng còn xây dựng 18 sân bay dã chiến khác. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, một tuyến đường sắt Thống Nhất nhanh chóng được xây dựng lại; Đồng Nai có thêm 90 km đường sắt chạy xuyên qua tỉnh.

Đồng Nai với khu vực Biên Hòa, khu vực Bà Rịa nối liền với biển và đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo, khu vực Xuân Lộc và căn cứ cách mạng chiến khu Đ tạo thành khu tam giác có ý nghĩa chiến lược ở phía đông Sài Gòn. Cùng với một hệ thống đường thủy, đường bộ, đường sắt, đường không, từ Đồng Nai có thể đi xuống miền Tây Nam Bộ, đi lên Tây Nguyên, đi ra miền Trung, miền Bắc, đi sang Campuchia và Hạ Lào... một cách dễ dàng và thuận lợi. Chính vì thế trong chiến tranh Đồng Nai là địa bàn tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch.

Dân số Đồng Nai hiện nay khoảng 3.031,3 nghìn người (số liệu năm 2017) thuộc nhiều dân tộc khác nhau qui tụ lại. Người Việt chiếm 92,8%. Một số dân tộc Chơ-ro, Mạ, Xtiêng, Kơ-ho, Tày, Nùng, Thái, Dao... sống ở vùng đồi núi với những phong tục riêng biệt.

Đồng Nai có nhiều tôn giáo: Đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, đạo Ixlam (đạo Hồi). Đạo Phật vào Đồng Nai đã từ lâu đời, có quan hệ nhiều với cách mạng.

Về thành phần dân cư, nông dân là thành phần có mặt lâu đời và đông đảo nhất. Trước cách mạng tháng Tám, Đồng Nai là vùng đất đang được khai phá. Hàng năm, có thêm nhiều người dân từ nơi khác đến đây lập nghiệp. Nhiều vùng đất hoang biến thành những mảnh ruộng rẫy tươi tốt thuộc quyền sở hữu của họ, một số đã trở thành trung nông. Đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa khiến người nông dân sinh sống thuận lợi, ít người phải cầm cố ruộng cho địa chủ. Còn nếu bị mất đất về tay địa chủ, phú nông, họ có thể tìm đến mảnh đất

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

khác trong tình thế khai phá, lập nghiệp lại từ đầu. Tầng lớp trên ở nông thôn đa số là địa chủ nhỏ và phú nông, ít địa chủ lớn.

Nông dân Đồng Nai, với lòng yêu nước, vẫn một lòng đi theo cách mạng và là lực lượng chủ yếu cung cấp sức người sức của trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Năm 1906, thực dân Pháp bắt đầu lập các đồn điền Cao su ở Đồng Nai và tuyển mộ công nhân ở nhiều nơi trong nước tập trung về đây. Tầng lớp công nhân cao su trong tỉnh ra đời từ đó. Đến 1930, tại tỉnh đã có 15.000 công nhân cao su. Họ xuất thân chủ yếu là những nông dân đã bị địa chủ, thực dân tước đoạt hết ruộng đất, cùng đường sinh sống phải đăng ký vào làm trong những đồn điền cao su. Cuộc đời của công nhân cao su “đi dễ, khó về”. Đói rét, bệnh tật, đòn roi của bọn chủ cai đã làm cho nhiều người gục ngã, xác của họ cùng với niềm mong ước được trở lại quê hương đã bị chôn vùi dưới những gốc cao su của bọn chủ Pháp.

Nổi cùng cực biến thành sự phản kháng. Tuy chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ so với dân cư trong tỉnh, công nhân cao su luôn đi đầu trong các phong trào đấu tranh cách mạng. Những cuộc bãi công, đình công, đấu tranh với chủ, có tiếng vang trong và ngoài tỉnh.

Bên cạnh công nhân cao su còn có công nhân làm việc trong các xưởng, các nhà máy. Số công nhân này đông lên từ sau 1965. Họ là lực lượng nòng cốt lôi kéo theo một bộ phận khá đông tầng lớp tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, giáo chức và dân nghèo thành thị vào những hoạt động cách mạng.

Ngoài ra, ở Đồng Nai còn có giai cấp tư sản. Trước năm 1954, giai cấp tư sản còn nhỏ bé (chủ yếu là Hoa kiều). Sau năm 1954, giai cấp tư sản đông dần lên. Một số xuất thân từ những tên địa chủ, nhờ chính sách “cải cách điền địa” của Ngô Đình Diệm mà trở thành tư sản, một số “phất” lên nhờ chiến tranh. Giai cấp tư sản, đặc biệt tư sản mại bản là chỗ dựa của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ.

Buổi bình minh của lịch sử Đồng Nai bắt đầu cách đây đã hàng ngàn năm. Những di chỉ khảo cổ tìm được ở Xuân Lộc và một số nơi khác trong tỉnh cho phép khẳng định nơi đây là những vùng đất đã có người cổ đại sinh sống. Với một nền văn minh đặc sắc, tiêu biểu là bộ đàn đá Bình Đa, bộ qua đồng Long Giao.

Cho đến thế kỷ 16, 17, những người dân nghèo miền Bắc, miền Trung mới tìm đến lập nghiệp, đặt những nhát cuộc khai phá đầu tiên ở vùng Mô Xoài, Nông Nại. Những làng xóm của người Việt cùng người dân tộc bản địa (Choro, Mạ, Xtiêng...) được lập nên, “sống hòa hợp với nhau, cư xử với nhau rất thẳng thắn thật thà”.



NHỮNG CUỘC KHÁNG CHIẾN ĐÃ TRẢI QUA TRÊN VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TRONG 320 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Đồng Nai là tỉnh miền Đông Nam bộ có vị trí chiến lược trọng yếu về quân sự và kinh tế. Với 320 hình thành và phát triển, trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, mảnh đất này là nơi đung đầu quyết liệt, nơi diễn ra cuộc đấu tranh liên tục và toàn diện giữa ta và địch.

I. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP LẦN THỨ NHẤT

1. Các cuộc khởi nghĩa của sĩ phu yêu nước.

Ngày 31-8-1858, chiến thuyền của Rigault de Grenouilly nã súng vào Đà Nẵng mở đầu cuộc xâm lược chính thức nước ta. Gặp sức kháng cự quyết liệt của quân triều đình, binh lính bị địch tử, sốt rét chết nhiều, thực dân phải chuyển hướng tấn công vào Gia Định. Ngày 4-2-1859, De Grenouilly tập trung 2.000 quân Pháp và Tây Ban Nha ở Vũng Tàu. Ngày hôm sau, quân Pháp từ biển tiến công đồn Phúc Thắng (núi Ghềnh Rái, Biên Hòa), vị trí tiền tiêu của Gia Định. Các ngày sau, chúng lần lượt hạ các đồn khác như Lương Thiện (vùng thuộc Phú Mỹ).

Trong khi quân triều đình ở Gia Định do Tôn Thất Hiệp "án binh bất động", quân Trương Định đã tung ra đánh du kích trong nội ngoại vi thành Gia Định.

Ngày 4-2-1861, sau khi kết thúc chiến tranh với Trung Quốc, liên quân Pháp và Tây Ban Nha (500 quân) do tướng Charner chỉ huy tiến công đồn Chí Hòa do Nguyễn Tri Phương chỉ huy. Chỉ trong một ngày, đại đồn Chí Hòa bị đánh chiếm. Nguyễn Tri Phương rút quân về Biên Hòa để phòng thủ.

Tháng 1-1861, Bonard, chuẩn đô đốc, thay Charner đến Sài Gòn tuyên bố: "Chúng ta sẽ tiến công Biên Hòa, nếu cần sẽ tiến công Huế".

Tỉnh Biên Hòa lúc này bao gồm cả tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Bình Dương ngày nay. Tỉnh thành Biên Hòa do tuần phủ Nguyễn Đức Hoan phụ trách, có khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi, được vua Tự Đức phái vào tiếp viện phòng thủ Biên Hòa sau khi Nguyễn Tri Phương bị thương(146) phụ trách. Từ Sài Gòn lên Biên Hòa có hai đường thủy và bộ. Trên đường bộ có hai đồn án ngữ là Mỹ Hòa và Gò Công Trao Trao (nay thuộc địa phận phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ Mỹ Hòa cách

Biên Hòa 8 km có khoảng gần 3.000 quân đóng giữ. Sông Đồng Nai đã bị ngăn bởi một kè đá và 9 vật cản bằng gỗ rất chắc. Ngoài ra, hai bên bờ sông còn được bố trí nhiều đồn nhỏ để hỗ trợ lẫn nhau.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Ngày 13-12-1861, tướng Bonard, chỉ huy trưởng quân Pháp ở Sài Gòn đã ký huân lệnh về kế hoạch đánh chiếm Biên Hòa. Theo huân lệnh này, lực lượng đánh chiếm Biên Hòa gồm đại đội khinh binh, do đại tá Foucault chỉ huy; đạo quân trừ bị gồm 300 lính thủy quân lục chiến, 100 quân Tây Ban Nha và hai đại bác do đại tá Domenech Diego chỉ huy, đạo quân thứ ba gồm hạm thuyền (2 hạm thuyền) và lực lượng đổ bộ do thiếu tá Lebris chỉ huy. Trong kế hoạch, địch chia làm ba bước, trong đó có việc đánh chiếm Bến Gỗ để làm bàn đạp tiến quân về Biên Hòa.

Ngày 14-12-1861, quân Pháp tiến đánh tỉnh Biên Hòa bằng cả đường bộ và đường thủy. 7 giờ 30 cùng ngày, Gò Công Trao Trảo rơi vào tay giặc (đại tá Comte chỉ huy). Ngày 15-12-1861, quân Pháp do Comte và Diego tiến lên đồn Mỹ Hòa, quân triều đình rút chạy. Trên đường sông Đồng Nai, hai cánh quân do Lebris và Harel chỉ huy gặp sự chống trả khá quyết liệt của quân triều đình. Tàu Alarme trúng 54 phát thần công, gãy cả cột buồm. Phá được cản, quân Pháp tiến đánh phá các pháo đài ven sông, quân triều đình chống trả đến giữa đêm thì rút chạy.

Sáng ngày 17-12-1861, quân thủy bộ của Pháp đã đến trước tỉnh thành Biên Hòa. Địch thân đô đốc Bonard theo chiến hạm Ondine chỉ huy trận tấn công. Chỉ sau ba loạt đạn pháo bắn rất quyết liệt, tuần phủ Nguyễn Đức Hoan và án sát Lê Khai Cẩn đã bỏ thành rút chạy, khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi mang quân chạy ra Bình Thuận.

Trong báo cáo gửi Bộ trưởng Quốc phòng Pháp, Chuẩn đô đốc Bonard viết: "Triệt phá cứ điểm Biên Hòa cách Sài Gòn 3 dặm, chiếm được 3 lũy phòng ngự, làm nổ tung một đồn khác. Binh lính của Tự Đức rút toàn bộ ra khỏi tỉnh Biên Hòa, nhưng lo sợ con đường ra Huế bị cắt đứt, đã rút chạy lộn xộn vào núi, bỏ lại tất cả các đồn lũy, đốt hết kho tàng. Quân Pháp thu được 48 khẩu đại bác, một kho gỗ quý và 15 chiến thuyền của quân triều đình Huế, trong đó có 10 chiếc trọng tải 200 tấn nô..." (*PGS Nguyễn Phan Quang dẫn - Hội thảo Biên Hòa 300 năm tháng 6-1997*).

Như vậy chỉ sau 4 ngày, chỉ với 1.000 quân, thực dân Pháp đã dễ dàng chiếm lấy tỉnh thành Biên Hòa, trong lúc quan quân triều đình nhà Nguyễn ở Biên Hòa có đến 15.000 quân phòng giữ. Và đến 7-1-1862, Pháp chiếm được Bà Rịa.

Trên thực tế, Pháp chỉ chiếm đóng được ở các tỉnh lỵ Biên Hòa, Bà Rịa, Long Thành, Vũng Tàu. Nhân dân gần chỗ Pháp đóng quân ở Bình An, Nghĩa An, Long Thành đã bỏ đi đến 74 thôn (bằng 1/3 tổng số làng xã lúc đó)

Số quân của triều đình còn lại ở Biên Hòa do Hiệp tán quân vụ Thân Văn Nhiếp và Khâm phái quân vụ Nguyễn Túc Trưng theo lệnh triều đình rút về Tân Hòa để hiệp cùng quân Trương Định. Nhưng do Túc Trưng sợ giặc không dám mở rộng chiến đấu ngoài Tân Hòa, nên Trương Định đưa nghĩa quân ra hoạt động vượt khỏi căn cứ.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Tháng 2 Nhâm Tuất 1862, thế lực của nghĩa quân Trương Định phát triển mạnh và được nhân dân Biên Hòa, miền Đông ủng hộ tích cực. Một số văn thân ở Biên Hòa như Tri phủ Phước Tuy Nguyễn Thành Ý, Tuy phái Phan Trung, mỗi người đã mộ được 2.000 quân kéo đến hợp tác với nghĩa quân Trương Định.

Đỗ Trình Thụy, nguyên là tri huyện Long Thành đã bị triều đình cách chức, mộ được 300 nghĩa quân, cùng nghĩa quân Trương Định tấn công đồn Thuận Tắc (Gò Công). Ông và 18 nghĩa quân đã hy sinh tại mặt trận.

Ngày 5-6-1862, triều đình Huế nhu nhược đã ký hòa ước Nhâm Tuất nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông (Biên Hòa-Gia Định-Định Tường). Nhân dân Biên Hòa và miền Đông kiên quyết chống Pháp đã tôn Trương Định làm "Bình Tây đại nguyên soái" để tiếp tục kháng Pháp. Trong bài hịch truyền đi cho nhân dân kêu gọi kháng chiến, ông viết:

"Tuồng có lời ca rằng:

Nước có nguồn, cây hoa có gốc Huống chi người sinh ra có da có tóc, Mà sao không biết chúa biết cha, Huống chi người sinh có nóc có gia, Mà sao không biết trung, biết hiếu...

Hai vai nặng trĩu: gánh chi bằng gánh cương thường! Tấc dạ trung lương: gồng chi bằng gồng xã tắc....

Làm người sao khỏi thác

Thác trung thân thác cũng thom danh Làm người ai chẳng ham danh

Lòng địch khái xin cho rõ hết."

Với lời hịch này, Trương Định đã thể hiện ý nguyện của toàn dân miền Đông quyết chiến đấu để giành độc lập, không đầu hàng giặc Pháp. Ba lần Phan Thanh Giản gửi thư dụ ông buông súng, không chống thực dân Pháp đều bị ông thẳng thắn từ chối.

Đêm 17-12-1862 rạng sáng 18-12-1862, nghĩa quân Trương Định với 1.200 tay súng chia làm hai mũi đánh chiếm đồn Đồng Môn (Long Thành), tên tri huyện tay sai của thực dân Pháp bị bắt sống.

Từ đầu tháng 1-1863, nghĩa quân ở Biên Hòa gồm cả người Việt và người dân tộc liên tục tiến công các vị trí quân Pháp ở đông bắc Biên Hòa, thực sự gây khó khăn và nhiều thiệt hại cho chúng. Đặc biệt, phong trào toàn dân kháng chiến ở Biên Hòa rất phát triển. Trong "Lịch sử cuộc chinh phạt ở Nam kỳ 1861" (Histoire de L'expédition de Cochinchine 1861), tác giả Léopold Pallu de la Barrière viết: "Thực tế đâu đâu cũng là trung tâm kháng chiến chia nhỏ ra vô cùng, có bao nhiêu người An Nam thì có bấy nhiêu người kháng chiến. Muốn nói cho đúng hơn nữa thì phải nói rằng cần xem mỗi người dân cày đi gặt lúa là một trung tâm kháng chiến". Tinh thần kháng chiến của nghĩa quân được địch thú nhận: "Người Việt Nam đã tỏ ra dạn dày chiến đấu, họ đã đảo lộn: giờ đây họ đã tiến công chúng ta ngay trong những vị trí của chúng ta".

Đầu tháng 1-1863, nghĩa quân ở Biên Hòa đã phá hoại, cắt đứt đường dây điện thoại Biên Hòa - Bà Rịa - Sài Gòn - Cap Saint Jacques. Hạ tuần tháng 1-1863, nghĩa quân Biên Hòa gồm cả người Việt, người dân tộc đã liên tục tiến công các căn cứ giặc Pháp, làm cho chúng không dám ra khỏi đồn lũy. Tinh thần gan dạ đoàn kết chiến đấu của đồng bào Kinh và Thượng thể hiện rất cao trong kháng chiến. Chính giặc Pháp thú nhận: "Quân khởi nghĩa đã thành công trong việc lôi kéo những bộ lạc người Thượng ở biên giới Biên Hòa, Bà Rịa; trước đó những bộ lạc này vẫn đứng ngoài cuộc chiến đấu. Việc tham gia của những bộ lạc này, chứng tỏ cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa đã có một sự trợ lực quan trọng".

Ngày 20-8-1864, do tên đội Huỳnh Công Tấn phản bội, địch đánh úp căn cứ nghĩa quân Trương Định ở Tân Phước; không để bị bắt, ông đã dùng gươm tự sát. Khi đó ông mới 44 tuổi.

Sau khi Trương Định mất, Phan Chính rút về Giao Loan (Rừng Lá, ranh giới Biên Hòa - Bình Thuận) xây dựng căn cứ. Con trai Trương Định là Trương Quyền, 20 tuổi, cũng đưa nghĩa quân về phối hợp với Phan Chính. Ngoài căn cứ Giao Loan, nghĩa quân Biên Hòa còn xây dựng căn cứ Bàu Cá (Trảng Bom). Nhân dân Biên Hòa và các tỉnh miền Đông đã về đây để tham gia chiến đấu, thường xuyên tấn công địch ở Biên Hòa - Gia Định.

Đầu năm 1865, thiếu tá De Larousse chỉ huy quân Pháp tấn công vào căn cứ Giao Loan. Phó tướng Lê Quang Quyền tử trận. Địch phải khó khăn vì các chướng ngại do nghĩa quân xây dựng và chịu nhiều tổn thất. Căn cứ Giao Loan bị thất thủ. Đồng thời một cánh quân Pháp khác cũng đánh chiếm căn cứ Bàu Cá. Phan Chính rút chạy, một thời gian sau ra hàng giặc Pháp. Trương Quyền đưa nghĩa quân về Tây Ninh phối hợp cùng nghĩa quân của Pô-Cam-Pô tiếp tục kháng chiến. Cuộc kháng chiến ở Biên Hòa do các văn thân lãnh đạo tạm thời lắng lại.

Trong lúc triều đình Huế đã ký hiệp ước Nhâm Tuất 1864, nhân dân Biên Hòa và miền Đông vẫn kiên quyết chiến đấu. Điều này cho thấy tinh thần và ý chí độc lập của nhân dân Biên Hòa và nhân dân ba tỉnh miền Đông là rất cao.

Năm 1884, triều đình Huế lại ký hòa ước Pa-tơ-nôt, biến nước ta thành thuộc địa của Pháp; mở đầu cho thời kỳ khai thác, bóc lột thuộc địa của tư bản Pháp ở Việt Nam. Nhân dân Biên Hòa và miền Đông Nam bộ bước vào một giai đoạn đấu tranh giành độc lập trong điều kiện triều đình Huế đã trở thành vương triều bù nhìn. Trong điều kiện đó, các tổ chức hội kín đã ra đời và phát triển ở Biên Hòa.

2. Đoàn Văn Cự (1835-1905)

Lịch sử chống ngoại xâm oanh liệt của dân tộc Việt Nam đã tạo nên biết bao nhiêu đền thờ, tượng đài anh hùng liệt sĩ, mà mỗi một đền đài, tượng đài lại gắn bó với bao tên tuổi, cuộc đời cao cả sáng ngời.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Đoàn Văn Cự - người con anh hùng của quê hương Biên Hòa là một trong những nghĩa sĩ tiêu biểu trong phong trào chống thực dân Pháp ở Nam bộ đầu thế kỷ 20.

Đoàn Văn Cự sinh năm 1835, quê ở làng Bình An (Thủ Đức). Cha cụ là một bậc túc nho có chí khí và lòng yêu nước nồng nàn. Gia đình cụ luôn bị thực dân Pháp theo dõi, cụ phải rời quê hương đến trú ngụ tại rừng Bung Kiệu, thôn Vĩnh Cửu (nay thuộc phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa).

Tiếp nối truyền thống của gia đình, Đoàn Văn Cự theo nghề cha dạy học và làm thuốc để giúp đỡ dân nghèo. Chính vì thế, cụ đã tạo được uy tín và điều kiện để tiếp xúc tuyên truyền, khơi dậy lòng yêu nước trong các tầng lớp nhân dân lao động. Lợi dụng địa thế rừng, cụ xây dựng Bung Kiệu thành căn cứ để mưu cầu đại sự.

Là người thông minh, tài trí, cụ đã khéo léo dùng hình thức hoạt động tôn giáo để thu phục nhân tâm, qua đó tuyên truyền thức tỉnh lòng yêu nước, tinh thần xả thân vì đại nghĩa của dân tộc. Các tín đồ và đồng chí của cụ có mặt khắp miền Đông, nhưng đông nhất là vùng Bình An, Chợ Chiếu cho tới khu vực núi Nứa (Long Thành). Tổ chức Hội kín do cụ thành lập quy tụ nhiều danh tài hảo hán, tinh thông võ nghệ, coi việc nghĩa là việc đại sự, một lòng vì nước, vì dân. Lực lượng nghĩa quân phát triển ngày một lớn mạnh; lương thực, khí giới được tích trữ chuẩn bị cho việc dấy binh.

Nhưng hoạt động của cụ không còn giữ được bí mật, giặc Pháp đã nắm được tin. Ngày 8-4 âm lịch (tức ngày 11-5-1905), chính quyền thực dân cho một tiểu đội lính bí mật đến bao vây thôn Vĩnh Cửu.

Được tin, Đoàn Văn Cự đã triệu tập hàng trăm nghĩa quân tổ chức mai phục sẵn sàng đánh địch. Phục kích cả ngày không thấy địch đến, tưởng địch đã rút lui,



Đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh
(phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa).
Ảnh baodongnai.com.vn

đến tối, cụ cho nghĩa quân rút về căn cứ ăn cơm. Lúc này giặc mới ập đến, vây chặt căn cứ Bung Kiệu. Tên đại úy chỉ huy quân Pháp dẫn một tốp lính xông thẳng vào nhà cụ. Biết khó lòng thoát hiểm, cụ điềm tĩnh vận bộ trang phục uy nghi, đầu chít khăn lụa điều, mình buộc thắt lưng màu hồng, giắt đoản đao đầu hồ, làm lễ trước bàn thờ tổ chờ địch đến. Khi toán lính bước vào nhà, cụ vung thanh đoản đao sáng loáng chém bị thương tên chỉ huy. Hắn bắn trả một loạt đạn. Cụ Đoàn Văn Cự trúng đạn, ngã xuống trước bàn thờ tổ.

Quân Pháp tấn công vào doanh trại của nghĩa quân và đốt phá kho lương thực. Rừng Bung Kiệu ngập khói lửa kín cả một góc trời. Mười sáu nghĩa quân anh dũng hy sinh. Số còn lại đều chạy thoát vào rừng. Hôm sau, giặc Pháp bắt nhân dân khiêng xác tử sĩ và chôn chung vào một hầm lớn. Cụ Đoàn Văn Cự cùng 16 nghĩa quân hy sinh anh dũng và nằm chung một ngôi mộ.

Hôm nay và mãi mãi về sau, họ vẫn còn đó, lung linh khói hương tưởng niệm của các thế hệ con cháu Biên Hòa- Đồng Nai.

Hiện nay, ngôi mộ của cụ cùng 16 nghĩa quân nằm yên nghỉ tại Bung Kiệu thuộc phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa. Đền thờ cụ ở phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa.

3. Trại Lâm Trung.

Trại Lâm Trung là một tổ chức yêu nước nằm trong hình thái Hội kín rất phổ biến và phát triển ở Nam bộ đầu thế kỷ 20. Mục đích của các Hội kín này là tập hợp nhân dân, xây dựng lực lượng để kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tại Biên Hòa, một nhóm người yêu nước đã thành lập ra Trại Lâm Trung, căn cứ đóng tại xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu). Trại thành lập trong lúc chiến tranh thế giới lần thứ nhất đang diễn ra quyết liệt; thực dân Pháp càng ra sức bóc lột, vơ vét tài nguyên bằng sưu thuế nặng nề để trang trải chiến phí và tăng cường bắt thanh niên Việt Nam đi lính để "hy sinh cho mẫu quốc" Pháp. Trại do các nhân vật yêu nước tinh thông võ nghệ như: Năm Hy, Tư Hồ, Ba Hàu, Hai Lực, Bảy Đen, Ba Vạn, Hai Cầm... Trại tổ chức luyện tập võ nghệ, trại viên được trang bị vũ khí thô sơ như gậy, dao, gươm và một ít súng điều thương.

Trại đã được nhân dân Vĩnh Cửu, Tân Uyên ủng hộ giúp đỡ, tích trữ lương thực. Hoạt động của Trại Lâm Trung bí mật, các đội viên liên lạc với nhau đều bằng mật hiệu, khẩu hiệu.

Đầu năm 1916, Trại Lâm Trung đề ra kế hoạch hoạt động với hai mục tiêu:

Tiến đánh thành Săng Đá để tiêu diệt quân Pháp.

Tiến đánh khám đường Biên Hòa, giải thoát các người yêu nước và thanh niên bị Pháp bắt đi lính.

Đêm 12-1 Âm lịch năm 1916 (nhằm đêm 16-2-1916), Trại phát động tấn công. Trong đêm, trống mõ trong các làng đồng loạt nổi lên, thúc giục trại viên xuống đường tiến công các mục tiêu: Nhà làng Tân Trạch, Tân Lương, Tân Khánh, Bến Cá... Một số thanh niên đã được giải thoát.

Các ông Mười Sốt, Mười Tiết chỉ huy mũi tiến đánh khám Biên Hòa. Tuy có bất ngờ, nhưng vì vũ khí thô sơ, địch lại được lính từ thành Săng đá tiếp viện nên việc không thành. Hai ông Mười Sốt, Mười Tiết bị bắt sống, các trại viên còn lại chạy thoát. Một số đông phạm nhân bên trong nhân cơ hội nổi dậy phá khám chạy thoát được.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Giặc Pháp ở Biên Hòa đã tổ chức lùng sục vào các làng tìm bắt các lãnh tụ Trại Lâm Trung. Chúng dùng cả thủ đoạn bắt cha mẹ, vợ con các vị để buộc các ông phải ra hàng.

Nhờ có bọn tay sai chỉ điểm, tháng 3-1916, các ông cầm đầu Lâm Trung Trại đã sa vào tay giặc Pháp như: Năm Hy, Hai Lựu, Lào Lọt, Hai Sở, Ba Vạn, Bảy Phát, Hai Danh, Hai Hầu...

Khoảng tháng 6-1916, thực dân Pháp đã xử bắn 9 người lãnh đạo Trại Lâm Trung tại ngã ba Dốc Sỏi (xóm Bình Thành), trước sự chứng kiến của hàng trăm bà con xung quanh vùng. Cả 9 ông đều bị trói chặt hai tay vào một cột trụ. Trước cái chết, ông Hương hào Hầu đồng dạy: "Ta sinh làm tướng, chết làm thần, chào bà con ở lại mạnh giỏi ".Anh Hai Sở hiên ngang: " Cứ bắn ta đi ! Sở này không sợ đâu. Cái chết ta thị như quy tân gia ".

Thực dân Pháp đưa thi thể 9 lãnh tụ của Trại Lâm Trung chôn chung một nấm mồ tại " Cây Gõ cụt " cách nơi hành hình khoảng 50 mét.

Năm 1918, nhân dân đã xây dựng một miếu thờ dưới gốc đa ở ngã ba Dốc Sỏi, hàng ngày nhang khói đề cầu siêu và tưởng nhớ gương nghĩa liệt của các ông. Đến năm 1920, ngôi miếu chuyển về phía đông và được xây cất lại thành ngôi chùa với tên "Bửu Hưng Tự". nhưng nhân dân Biên Hòa vẫn thường gọi là "Chùa Cô Hồn".



Bửu Hưng tự (còn có tên gọi là chùa Cô hồn) hiện tọa lạc tại phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa. Năm 1920, người dân địa phương đã dựng lên ngôi chùa này để thờ những nghĩa sĩ của Lâm Trung trại hy sinh vào tháng 2-1916 trong trận tấn công vào các công sở của chính quyền thực dân ở Biên Hòa. (Ảnh tác giả chụp)

Những năm trước Cách mạng tháng Tám 1945, một số đảng viên cộng sản ở Biên Hòa đã nhiều lần về chùa Cô Hòn hội họp, bàn bạc công tác vận động quần chúng cướp chính quyền tại tỉnh Biên Hòa. "Chùa Cô Hòn" - Bửu Hưng Tự đã được Bộ Văn hóa Thông tin nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam xếp hạng "Di tích quốc gia".

4. Phú Riềng Đỏ.

Phú Riềng Đỏ là một trong những phong trào công nhân đầu tiên tại Việt Nam được thực hiện bởi các công nhân cao su tại đồn điền Phú Riềng, Biên Hòa (nay thuộc địa phận tỉnh Bình Phước).

Từ những năm 1925, 1926 trở đi, tỉnh Biên Hòa cũng như nhiều địa phương khác ở Nam bộ bắt đầu một phong trào yêu nước mang một sắc thái mới. Phong trào đó được soi sáng bởi một đường lối cách mạng tiên tiến: Con đường cách mạng vô sản do Nguyễn Ái Quốc, người con ưu tú, người chiến sĩ cách mạng lỗi lạc của dân tộc ta, tiếp thu và truyền bá vào Việt Nam.

Tháng 6-1924, tổ chức "Thanh niên cách mạng đồng chí hội" được thành lập tại Quảng Châu, Trung Quốc. Đây là một tổ chức tiên thân chuẩn bị cho sự ra đời của một đảng Mác-xít - Lênin-nít ở Việt Nam. Nhiều hội viên sau khi được học tập huấn luyện đã trở về nước hoạt động.

Tháng 10-1926, các đồng chí Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi được cử về Sài Gòn xây dựng cơ sở. Năm 1927, kỳ bộ Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Nam kỳ được thành lập. Năm 1928, thực hiện chủ trương "vô sản hóa", nhiều hội viên của kỳ bộ đã đi vào làm phu, làm thợ ở các nhà máy, đồn điền... để tuyên truyền vận động và xây dựng tổ chức cách mạng, đồng thời cũng để tự rèn luyện lập trường giai cấp công nhân.

Tại Biên Hòa, một số đồng chí đã về hoạt động và xây dựng cơ sở ở các đồn điền cao su Phú Riềng, đề pô xe lửa Dĩ An, nhà máy cưa BIF... Một trong số những hội viên tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Văn Vĩnh (tức Nguyễn Xuân Cừ) được cử đi "vô sản hóa" ở đồn điền cao su Phú Riềng, Biên Hòa (nay thuộc huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước).

Tháng 4-1928, chi bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập gồm 5 hội viên, do Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư. Đây là một trong 19 chi bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Nam kỳ lúc bấy giờ.

Từ những hạt giống đỏ này, đội ngũ cán bộ, cơ sở cách mạng ở Biên Hòa ngày một tăng thêm. Họ là những nhân cốt tổ chức, vận động đông đảo quần chúng lao động bước vào một thời kỳ đấu tranh mới có sự lãnh đạo của tổ chức cách mạng. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh dấy lên ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào đấu tranh của công nhân ở các đồn điền cao su.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Tháng 10-1929, trên cơ sở tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội, chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập. Chi bộ gồm 6 đảng viên, do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư.

Ngày 3-2-1930, tại Cửu Long - Trung Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba tổ chức cộng sản đã hình thành trong nước trước đó là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam và mở đầu một thời kỳ mới, thời kỳ do giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng Mác - Lênin lãnh đạo. Việc thống nhất các tổ chức Đảng ở Nam bộ cũng được tiến hành sau đó một thời gian ngắn.

Ở Biên Hòa, nhiều thanh niên công nhân, trí thức tiên bộ đã nhanh chóng tiếp thu tư tưởng mới, ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Một số sớm giác ngộ cách mạng đã đứng vào hàng ngũ của Đảng, làm người chiến sĩ tiên phong đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa, đặc biệt là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân diễn ra sôi động trong những tháng đầu năm 1930.

Ngay những ngày thành lập Đảng (từ 30-1-1930 đến 6-2-1930) dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, 5.000 công nhân cao su đồn điền Phú Riềng đã nổi dậy đấu tranh với các yêu sách: Đòi thực hiện đúng hợp đồng giao kèo giữa chủ sở với công nhân; cấm đánh đập, cúp phạt; miễn sưu thuế; trả lương thai sản cho nữ công nhân; thực hiện ngày làm 8 giờ, kể cả thời gian đi và về; bồi thường cho công nhân bị tai nạn lao động; ốm đau phải được trị bệnh và được hưởng lương cùng một số kiến nghị khác.

Trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ và áp lực của đông đảo quần chúng công nhân, giám đốc sở buộc phải chấp nhận các yêu sách. Biên bản được ký tại chỗ giữa đại biểu công nhân và chủ đồn điền. Việc chủ tư bản hạ bút ký "cam kết" thực hiện những kiến nghị của công nhân là một thắng lợi vô cùng to lớn ở đồn điền cao su Phú Riềng từ trước cho đến thời điểm này.

Thế nhưng do chưa có kinh nghiệm đấu tranh, quá say sưa với thắng lợi bước đầu, một số cán bộ công đoàn nảy sinh tư tưởng "manh động", tiếp tục tổ chức bạo động đấu tranh. Chi bộ Đảng từ chỗ hoạt động bí mật lại chuyển ra hoạt động công khai. Hầu hết các đồng chí đảng viên trong chi bộ và cơ sở cốt cán đều bị địch phát hiện. Sau đó chúng lần lượt bắt hơn 100 người đưa về Biên Hòa giam giữ.

Ở nhà lao Biên Hòa, anh em công nhân đã tuyệt thực nhiều ngày, hò hét đấu tranh phản đối nhà cầm quyền thực dân đánh đập, tra tấn dã man công nhân, đòi cải thiện chế độ lao tù, đòi phải có chiếu nằm, nước tắm cho tù nhân...

Tên giám đốc đê lao, vốn là tên khét tiếng gian ác, đã phải khiếp phục và giải quyết một số yêu sách của anh em. Trước tòa án Biên Hòa, các đồng chí đảng viên: Trần Tử Bình, Nguyễn Mạnh Hồng, các đồng chí Tạ, Doanh... bằng những phát biểu hùng hồn, lý lẽ sắc bén đã vạch trần sự bóc lột dã man của bọn tư bản thực dân, làm cho các quan tòa Pháp tỏ ra lúng túng, bị động phải vội vàng tuyên án và chuyển vụ án về tòa đại hình ở Sài Gòn.

Như vậy, mặc dù có một số tổn thất, cuộc đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng đã giành được thắng lợi. Đây là cuộc đấu tranh lớn nhất trong số các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam lúc bấy giờ, tạo được tiếng vang trong cả nước.

Tiếng vang của "Phú Riềng đỏ" lan nhanh đến các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền, tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa và miền Đông Nam bộ.

5. Chi bộ Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa

Cộng sản lãnh đạo trong những tháng đầu năm 1930, thực dân Pháp và tay sai đã tập trung mọi lực lượng khủng bố, đàn áp khốc liệt. Chúng thẳng tay tàn sát những chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước. Từ tháng 10-1930, nhiều cơ sở Đảng ở Nam kỳ bị phá vỡ, nhiều đảng viên ưu tú bị giặc giết hại, tù đày. Phong trào cách mạng nói chung và phong trào ở Biên Hòa nói riêng bước vào giai đoạn "thoái trào", tạm thời lắng xuống.

Ở Biên Hòa, sau một thời gian tạm lánh đi nơi khác để tránh địch lùng bắt, năm 1933 đồng chí Lưu Văn Việt (Tur Chà) trở về quê hương (quận Châu Thành) tiếp tục xây dựng cơ sở, vận động cách mạng. Đồng chí đã tuyên truyền, giác ngộ và kết nạp một số thanh niên ưu tú vào Đảng như đồng chí Huỳnh Văn Phan, Lưu Văn Văn...

Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu (tức Vỹ) quê ở Tiền Giang, được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động ở Biên Hòa. Đồng chí xin vào làm thợ ở nhà máy cơ khí Trường Tiền (tỉnh lỵ Biên Hòa). Từ đây, đồng chí đã bước đầu xây dựng được một số cơ sở trong nhà máy, đồng thời thăm dò liên lạc với nhóm cơ sở Đảng do đồng chí Lưu Văn Việt tổ chức xây dựng trước đó. Sau khi đã móc nối và thống nhất lại với nhau, đồng chí Hoàng Minh Châu đã vận động thành lập chi bộ Đảng lấy tên là chi bộ Bình Phước - Tân Triều (vì phần lớn đảng viên quê ở hai xã này). Chi bộ do đồng chí Hoàng Minh Châu làm bí thư, Huỳnh Văn Phan làm phó bí thư. Các đảng viên gồm: Lưu Văn Việt, Lưu Văn Văn, Quách Sanh, Trần Minh Triết... Sau đó, một số thanh niên ưu tú được tiếp tục kết nạp Đảng như các đồng chí: Phạm Văn Thuận, Huỳnh Dân Sanh, Huỳnh Văn Lũy...

Sự ra đời của chi bộ Bình Phước-Tân Triều và các cơ sở của Đảng giữa năm 1935 đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

trào cách mạng tỉnh Biên Hòa. Đây là chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên đã được thành lập trên địa bàn tỉnh Biên Hòa (Đồng Nai hiện nay), là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương và là nòng cốt để hình thành tổ chức Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa sau này. Từ giữa năm 1936, trong phong trào mặt trận. Dân chủ Đông Dương, phong trào cách mạng ở Biên Hòa phát triển lại ngày càng mạnh mẽ.

Tháng 8-1939, Ủy ban trừ bị Đông Dương đại hội được thành lập tại Sài Gòn và các ủy ban hành động của các tỉnh ở Nam kỳ cũng nhanh chóng được tổ chức.

Xứ ủy Nam kỳ và ủy ban trừ bị Đông Dương đại hội cử các đồng chí Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Nghĩa về Biên Hòa trực tiếp tổ chức và chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương.

Trở về Biên Hòa, quê hương của mình, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã móc nối liên lạc ngay với các đảng viên trong chi bộ Bình Phước - Tân Triều và một số đồng chí thân quen như: Huỳnh Văn Lũy, Nguyễn Văn Ký, Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại, Lưu Văn Văn... để tổ chức vận động cách mạng.

Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa được thành lập, do đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm chủ tịch. Ủy ban hành động của các quận: Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên, Long Thành cũng được tổ chức và hoạt động công khai, thu hút đông đảo các tầng lớp dân chúng tham gia, nhất là giới nhân sĩ, trí thức, thanh niên, học sinh và công nhân.

Nhiều cuộc mít tinh, tuần hành được tổ chức khắp nơi, hàng vạn truyền đơn, tài liệu của Đảng được phát hành rộng rãi trong nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đòi dân sinh dân chủ của các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa nổ ra liên tục, mạnh mẽ, nhất là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, điểm tập trung sôi động là nhà máy cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa và các đồn điền cao su ở Xuân Lộc. Cuối năm 1946, Liên Tỉnh ủy miền Đông cử đồng chí Trương Văn Bang (Ba Bang) nguyên bí thư Xứ ủy Nam kỳ 1933-1935 và đồng chí Cao Hồng Lĩnh về Biên Hòa hoạt động, trực tiếp tổ chức, vận động thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Biên Hòa và xây dựng tổ chức một số chi bộ Đảng ở các cơ sở địa phương trong tỉnh.

Đầu năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa được thành lập do đồng chí Trương Văn Bang trực tiếp làm bí thư. Các đồng chí Tỉnh ủy khác gồm có: Trần Minh Triết, Huỳnh Văn Phan, Lê Văn Tôn, Huỳnh Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ.

Nhiều đồng chí đảng viên ở các nơi khác cũng lần lượt về Biên Hòa móc nối liên lạc hoạt động, tổ chức các chi bộ Đảng cơ sở. Công tác xây dựng Đảng từ đây có những bước phát triển mới, một số chi bộ được thành lập. Tại nhà máy cưa BIF, có hai chi bộ Đảng được thành lập là chi bộ khối nhà máy và chi bộ khối lao động đơn giản, mỗi chi bộ có 3 đảng viên. Ở xã Bửu Long cũng hình thành một

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

chi bộ. Hai xã Tân Phong và Bình Ý, chi bộ liên xã cũng được thành lập trong thời kỳ này.

Ở quận Xuân Lộc, đến tháng 2-1937, thành lập được một chi bộ do đồng chí Nguyễn Văn Lắm (Ba Nghệ) công nhân cao su làm bí thư. Một số sở cao su dọc liên tỉnh lộ số 2 (Xuân Lộc-Bà Rịa) cũng tổ chức được chi bộ Đảng như: đồn điền Cuộc-tơ-nay (Cầm Mỹ).

Ngoài ra, Tỉnh ủy còn chỉ đạo thành lập các tổ chức bí mật, hợp pháp, bán hợp pháp để tập hợp lực lượng, tuyên truyền giác ngộ cách mạng, phát động quần chúng đấu tranh. Tổ chức Công hội đỏ được bí mật xây dựng ở nhà máy cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa, các sở cao su ở Long Thành, Xuân Lộc.

Ở các xã Bình Phước, Bình Ý, Bình Thạnh... (quận Châu Thành) một số tiểu tổ Công hội đỏ cũng được thành lập. Phổ biến nhất là các hội ái hữu như: hội chùa, hội miếu, hội đá bóng, hội lân, hội cày, hội cấy được tổ chức ở nhiều nơi, thu hút hàng vạn người tham gia.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa, phong trào đấu tranh cách mạng của các tầng lớp nhân dân tiếp tục diễn ra sôi nổi trong các năm 1937, 1938, 1939.

Qua phong trào đấu tranh cách mạng, nhiều công nhân, nông dân, thanh niên, trí thức ưu tú được kết nạp vào Đảng, trở thành những nhân tố cốt cán trong việc tuyên truyền, vận động phát triển phong trào cách mạng ở các địa phương trong tỉnh.

Sự ra đời của Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa và những thành quả đã giành được trong cao trào cách mạng 1936-1939 của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Biên Hòa, đánh dấu một bước phát triển quan trọng, tạo cơ sở vững chắc cho phong trào đấu tranh cách mạng trong những năm kế tiếp, nhất là cao trào Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

6. Cách mạng tháng Tám 1945 ở Biên Hòa.

Ngày 9-3-1945, phát xít Nhật đảo chánh thực dân Pháp để độc chiếm Đông Dương. Ở Biên Hòa, ngay sáng ngày 10-3-1945, bộ máy thống trị của thực dân Pháp lọt vào tay phát xít Nhật.

Ngay trong đêm Nhật đảo chánh Pháp, Ban thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị mở rộng tại Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh. Hội nghị đề ra nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân lúc này là phát động phong trào chống Nhật cứu nước, đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Tháng 5-1945, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Nam kỳ, tổ chức thanh niên Tiền phong được thành lập tại Sài Gòn, do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, đảng viên Đảng Cộng sản làm thủ lĩnh.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Ở Biên Hòa, tổ chức Thanh niên Tiền Phong do Huỳnh Thiệu Nghệ làm thủ lĩnh, đã phát triển nhanh chóng từ tỉnh đến cơ sở làng, xã xí nghiệp, đồn điền cao su, nhà máy.

Cũng trong tháng 5-1945, tại ấp Vĩnh Cửu, xã Tam Hiệp, quận Châu Thành, Biên Hòa, Liên Tỉnh ủy miền Đông triệu tập cuộc họp cán bộ Đảng toàn miền Đông để phổ biến chủ trương của Trung ương về tình hình nhiệm vụ mới, trọng tâm là vấn đề chuẩn bị lực lượng để tham gia cuộc tổng khởi nghĩa trên phạm vi toàn quốc.

Tiếp đó, tháng 7-1945 tại chùa Tân Mai, quận Châu Thành, đồng chí Hà Huy Giáp đại diện Xứ ủy Nam kỳ đã họp với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Biên Hòa để phổ biến chủ trương của Xứ ủy là gấp rút xây dựng phát triển lực lượng cách mạng. Hội nghị nhấn mạnh việc khẩn trương phát triển các tổ chức đoàn thể Việt Minh, nắm chắc lực lượng Thanh niên Tiền phong, chuẩn bị phát động quần chúng nhân dân trong toàn tỉnh nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 15-8-1945, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Tin Nhật đầu hàng lan truyền nhanh chóng. Bọn sĩ quan và binh lính Nhật ở Biên Hòa hoang mang, rệu rã. Ngọn lửa cách mạng bùng lên mạnh mẽ. Bầu không khí tiền khởi nghĩa sôi động khắp thành thị và nông thôn. Ngày cũng như đêm, trên khắp các nẻo đường, xóm ấp ở Biên Hòa rộn rã tiếng hát, lời ca cách mạng. Những ca khúc "Tiếng hát thanh niên", "Bạch Đằng giang", "Chi Lăng" giục giã lòng người, bùng bùng khí thế vùng dậy đấu tranh để cởi bỏ gông xiềng nô lệ.

Ngày 19-8-1945, cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội đã giành được thắng lợi rực rỡ.

Ngày 20-8, Xứ ủy Nam kỳ họp hội nghị tại Chợ Đệm để phổ biến kế hoạch khởi nghĩa ở Nam bộ.

Ngày 3-8-1945, tại căn nhà số 2 dãy phố Sáu Sứ, xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa, đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp với các đồng chí cán bộ trong tỉnh để bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền, trọng điểm là tỉnh lỵ Biên Hòa. Hội nghị đã bàn bạc thống nhất và quyết định một số việc cấp bách sau đây:

Tập trung lực lượng tiến hành khởi nghĩa trước ở tỉnh lỵ, phân công một số cán bộ về các quận huy động quần chúng về thị xã tham gia cướp chính quyền.

Trung lập hóa quân Nhật. Giao nhiệm vụ cho đồng chí Hồ Văn Đại và một số đồng chí khác vận động lính mã tà, lính thủ hộ... nộp súng cho cách mạng, tránh xung đột vũ trang.

Thành lập Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Hoàng Minh Châu phụ trách.

Giao trách nhiệm cho ông Nguyễn Văn Tàng, Kinh lý ở Tòa bố, tiếp xúc vận động Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý bàn giao chính quyền cho cách mạng.

Giao trách nhiệm cho đồng chí Lê Ngọc Liệu và Nguyễn Đình Ưu tổ chức đưa 500 quần chúng về Sài Gòn tham gia khởi nghĩa.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Huy động lực lượng xung kích trong công nhân, Thanh niên Tiên phong tự trang bị vũ khí, nhân dân may cờ, khẩu hiệu sẵn sàng nổi dậy, biểu dương lực lượng cướp chính quyền.

Ngay trong đêm 23 rạng sáng ngày 24-8-1945, trong nội thành thị xã Biên Hòa, nhân dân đã treo cờ đỏ sao vàng, cờ búa liềm, cờ vàng sao đỏ (cờ Thanh niên Tiên phong), dán khẩu hiệu khắp các phố thị... Trụ sở ủy ban khởi nghĩa đặt gần ga xe lửa Biên Hòa luôn tập nập các đoàn cán bộ ở các địa phương về nhận chỉ thị khởi nghĩa. Lúc này, hầu hết các tầng lớp nhân dân đều sục sôi cách mạng, tinh thần quyết tâm giành độc lập dâng cao hơn bao giờ hết.



Di tích Nhà hội Bình Trước, phường Thanh Bình, TP. Biên Hòa nơi diễn ra hội nghị cán bộ tỉnh Biên Hòa, đồng chí Hà Huy Giáp, đại diện Xứ ủy Nam Kỳ đã đến dự. Ảnh tác giả chụp

Sáng sớm ngày 24-8, dưới sự lãnh đạo của chi bộ nhà máy cửa BIF, chi bộ ga xe lửa Biên Hòa, công nhân và nhân dân các ấp Tân Mai, Tân Thành, Vĩnh Thị đã nổi dậy làm chủ các cơ sở trên, đồng thời lập lực lượng xung kích làm lực lượng nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa.

Đêm 24-8, tại rạp hát Trần Diển (thị xã Biên Hòa), một cuộc mít tinh lớn được tổ chức với hàng trăm quần chúng tham gia. Các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa đã diễn thuyết, kêu gọi đồng bào tham gia Mặt trận Việt Minh, tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền.

Suốt đêm 24-8, lực lượng Thanh niên xung kích rầm rập đi tuần tra trên các đường phố thị xã. Lực lượng cách mạng đã làm chủ nội thành và ngoại thành Biên Hòa.

4 giờ sáng ngày 25-8, chuyến xe lửa đầu tiên trong ngày do ông Ba Miều lái từ ga Biên Hòa đã đưa hơn 500 người, bao gồm đại diện công nhân các nhà máy, nhân dân các ấp thuộc xã Bình Trước, quận Châu Thành về Sài Gòn cùng tham gia giành chính quyền. Thắng lợi Sài Gòn càng làm nức lòng cán bộ, nhân dân Biên Hòa. Lực lượng xung kích đã chiếm giữ hầu hết các công sở trong thị xã Biên Hòa. Sáng sớm ngày 26-8-1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã tập họp hàng

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

trăm quần chúng tiến thẳng vào Tòa bố Biên Hòa, treo lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên tại dinh tỉnh trưởng. Đông đảo đồng bào tập trung trước Tòa bố reo hò vang dậy.

Đến 11 giờ trưa cùng ngày, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn và một số đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa tiếp tục đến Tòa bố buộc tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý cùng các viên chức đứng đầu các công sở trong tỉnh bàn giao chính quyền cho cách mạng.

Ngày chiều hôm đó (14 giờ), lực lượng cách mạng đã bắt giữ tên cò Phước - chỉ huy lực lượng cảnh sát tỉnh Biên Hòa, tịch thu 40 khẩu súng các loại của bọn lính mã tà tại cửa tiền (khám lớn). Lực lượng xung kích nhanh chóng chiếm lĩnh, tiếp quản các cơ quan, công sở còn lại ở quận Châu Thành.

Sáng sớm ngày 27-8-1945, tại quảng trường Sông Phố, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức. Gần một vạn người từ khắp các huyện về tham dự. Sau lễ chào quốc kỳ, đồng chí Dương Bạch Mai, cán bộ Xứ ủy Nam kỳ đại diện Mặt trận Việt Minh ở Nam bộ, diễn thuyết được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Tiếp đó, đồng chí Hoàng Minh Châu, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa, đọc diễn văn tuyên bố chính quyền về tay nhân dân và công bố thành phần Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa, gồm các đồng chí:

- + Hoàng Minh Châu, Chủ tịch.
- + Huỳnh Văn Hớn, Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban tuyên truyền.
- + Nguyễn Văn Long, phụ trách Cảnh sát.
- + Ngô Hà Thành, Ủy viên phụ trách Quốc gia tự vệ cuộc.
- + Nguyễn Văn Tàng, Ủy viên phụ trách Ban quản trị tài sản quốc gia tỉnh.

Kết thúc cuộc mít tinh là lễ tuyên thệ, gần một vạn người thay mặt cho hơn

15 vạn đồng bào trong tỉnh đã long trọng đưa cao nắm tay thề sẵn sàng hy sinh tính mạng, tài sản, kiên quyết bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc, bảo vệ những thành quả của cách mạng vừa giành được. Đến 12 giờ trưa, cuộc mít tinh kết thúc. Quần chúng phấn khởi hô vang các khẩu hiệu: "Việt Nam độc lập muôn năm", "Việt Minh muôn năm"... tiếp tục diễu hành tỏa về các địa phương biểu dương lực lượng. Tỉnh Biên Hòa từ thị xã đến nông thôn, nhà máy, đồn điền thực sự là một ngày hội lớn. Khắp các nẻo đường, đâu đâu cũng sôi động cả một rừng người và cả một rừng cờ, ai ai cũng hân hoan cảm động đến trào nước mắt.

Sau khi giành chính quyền ở tỉnh, chính quyền ở các quận, xã còn lại ở các quận Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên cũng nhanh chóng về tay nhân dân vài ngày sau đó.

Từ thân phận nô lệ lầm than, nhân dân tỉnh Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng đã cùng cả nước vùng dậy, đập tan bộ máy thống trị của thực dân, giành lấy độc lập tự do cho Tổ quốc.

Phấn khởi tự hào trước thắng lợi giành được, Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa đã đoàn kết một lòng, khắc phục những khó khăn trở ngại, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

II. KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP LẦN THỨ HAI.

1. Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu.

Tháng 9-1945, Tỉnh ủy Biên Hòa đã thành lập trường huấn luyện cán bộ quân sự đầu tiên ở Miền Đông, bấy giờ gọi là trại Du kích Vĩnh Cửu.

Lãnh đạo tổ chức trại gồm: Phan Đình Công - Thường vụ Tỉnh ủy Biên Hòa phụ trách quân sự, Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định, giáo sư Phạm Thiều, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Đình Ưu, Huỳnh Văn Hớn Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Biên Hòa.

Địa điểm được chọn để mở trường huấn luyện là ấp Vĩnh Cửu thuộc xã Tam Hiệp, quận Châu Thành, Biên Hòa (nay là phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa). Ấp Vĩnh Cửu chỉ cách thành phố Biên Hòa khoảng 6 km theo đường kiếm đất đỏ, ra quốc lộ 15 chỉ 800 mét. Vĩnh Cửu (lúc này) có địa hình rừng chồi, rừng già chỉ cách 2 km, trong ấp có khoảng vài chục căn nhà lợp lá của dân. Ngôi nhà ngói duy nhất của ấp Vĩnh Cửu là nhà thầy giáo Hồ Văn Thê, dựa lưng rừng chồi và Suối Linh. Ông giáo Thê đã nhường ngôi nhà này để làm văn phòng Ban chỉ huy của trại. Trước nhà là mảnh ruộng lớn dùng làm bãi tập quân sự. Học viên của trại được bố trí ăn ở ngay trong nhà dân. Hàng ngày Ủy ban nhân dân tỉnh đều có hai xe ca chở lương thực tiếp tế cho trại.

Ngày 26-9-1945, trại mở khóa học đầu tiên. Trường không chỉ tập hợp thanh niên ưu tú ở các địa phương trong tỉnh, mà còn thu hút nhiều tổ chức, cá nhân từ các địa phương khác:

- Phân đội nhà máy cưa Biên Hòa (BIF).
- Phân đội Tân Phong do Nguyễn Chức Sắc chỉ huy (ông nguyên là công chức Sở Đạc điền Biên Hòa)
- Một tiểu đội lính Nhật theo kháng chiến 10 người từ Tân Vạn lên tham gia.
- 20 người, gồm cả đảng viên cộng sản ở hộ 6 Sài Gòn.
- Công nhân xe lửa Sài Gòn (7 người).
- Thanh niên các xã và nhiều công, tư chức ở Biên Hòa, Sài Gòn...

Điều đáng nói là tuy trường mới thành lập, nhưng lại có số lượng súng khá lớn (78 khẩu) đủ để huấn luyện và chiến đấu. Số lượng vũ khí này tập hợp từ nhiều nguồn:

- Súng do anh Nguyễn Đình Ưu cung cấp. Nguyễn Đình Ưu quê ở Nghi Lộc (Nghệ An), tốt nghiệp trường Cao đẳng thương mại Hà Nội, năm 1941 được bổ nhiệm làm Giám đốc Nông phố ngân hàng Biên Hòa (Office Indochinois de crédit agricole mutuel - OICAM). Khi Nhật bị thua trận trong

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

chiến tranh thế giới lần thứ hai, một sĩ quan Nhật quen biết với Ưu đã cho anh một số súng đạn. Ưu cất kỹ trong cơ quan, khi trại du kích Vĩnh Cửu thành lập, anh đã chuyển giao gồm 40 khẩu súng trường, 4 khẩu súng phóng lựu, đạn, lựu đạn, mìn chống tăng, gươm Nhật.

- 20 khẩu súng săn 12 ly, 16 ly, tịch thu của thực dân Pháp sau tháng 8 - 1945 do Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển giao.

- 10 khẩu súng trường Nhật do tiểu đội "Việt Nam mới" mang theo cùng đồng chí Lắm từ Tân Vạn về gia nhập trại.

- Đoàn Thanh niên cứu quốc Biên Hòa mang 4 khẩu súng trường.

Giảng viên chính của trại gồm: Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định (dạy quân sự). Nguyễn Xuân Diệu nguyên là Bí thư chi bộ hộ 6 ở Sài Gòn; còn Nguyễn Trí Định (quê ở Hương Sơn, Hà Tĩnh) là đảng viên chi bộ Hòa Hưng (Sài Gòn), được đào tạo ở trường Thiếu sinh quân của Pháp (Enfants de troupe), đã từng làm đội cho Pháp trong đồn Chí Hòa. Tham gia huấn luyện quân sự còn có nhóm "Việt Nam mới".

Tài liệu giảng dạy gồm có quyển: "Chiến thuật du kích" của Nguyễn Ái Quốc, quyển Infanterie militaire (bộ binh) của Pháp.

Phân công trong ban lãnh đạo của trại:

- + Phan Đình Công, phụ trách chung.
- + Nguyễn Xuân Diệu, phụ trách nội chính, huấn luyện.
- + Nguyễn Trí Định, giảng viên huấn luyện tác chiến.
- + Bác sĩ Văn, phụ trách y tế.
- + Nhà sư Đào Đăng Nam, phụ trách do thám.
- + Phạm Thiều, Thanh Sơn, giảng viên chính trị.

Nội dung huấn luyện quân sự gồm: huấn luyện đội ngũ, chiến thuật chiến đấu cá nhân, chiến đấu tiểu đội, trung đội; cách sử dụng các loại vũ khí (súng trường, trung liên, lựu đạn, phóng lựu). Đặc biệt, học viên còn được dạy cách đánh xe tăng bằng mìn chống tăng do Hòa Xang, nguyên là lính lái xe tăng trước đây của Nhật hướng dẫn. Học viên còn được học võ Judo, kỹ thuật đánh cận chiến bằng lưỡi lê...

Chương trình huấn luyện chính trị gồm các nội dung: năm bước công tác cách mạng (điều tra, tuyên truyền, huấn luyện, tổ chức, đấu tranh); đạo đức cách mạng, hy sinh vì Tổ quốc, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, dân chủ và kỷ luật, quan hệ với dân, khí tiết cách mạng; nước Việt Nam thời Pháp thuộc, Nhật thuộc; cách mạng dân chủ mới; chương trình Mặt trận Việt Minh; chính quyền cách mạng dân chủ nhân dân.

Tháng 10-1945, quân Nhật ở Biên Hòa theo lệnh Đồng Minh lũng tục vào Vĩnh Cửu, Ban chỉ huy trại quyết định chuyển trường về bên kia quốc lộ 15, đóng ở đồi An Hảo, trong một ngôi biệt thự của chủ xí nghiệp gạch ngói

người Pháp. Nhưng 5 ngày sau, trường lại dời về đình Bình Đa. Đình Bình Đa vừa là trung tâm chỉ huy của trường, vừa là hội trường để lên lớp cho các học viên. Khi trường dời về đình Bình Đa, chính là lúc đoàn quân Nam tiến do đồng chí Nam Long chỉ huy vào đến Biên Hòa. Trường được tăng cường thêm một số giảng viên quân sự, chính trị đã tốt nghiệp trường Quân chính Việt Bắc như: Đỗ Hy Vọng, Mạnh Liên, Quang Phục...

Trường đã mở được hai khóa huấn luyện, mỗi khóa 15 ngày.

Tuy thời gian huấn luyện ngắn nhưng những chiến sĩ tốt nghiệp tại trường du kích Vĩnh Cửu vừa biết chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, quản lý đơn vị, biết làm công tác chính trị, binh vận, dân vận... Đó chính là những cán bộ quân đội kiêu mới. Hầu hết các học viên sau này đều là những cán bộ nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang ở các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Ngoài huấn luyện quân sự, chính trị, tăng cường cán bộ cho các địa phương, trường còn phối hợp với lực lượng quân Nam tiến đánh chiếm cầu Bình Lợi, ngăn chặn quân Pháp mở rộng lấn chiếm ra ngoài Sài Gòn (20-10-1945).

Ngày 25-10-1945, quân Pháp đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa, một lần nữa, trường phải chuyển về khu vực Suối Linh (Vĩnh Cửu). Nhà thầy giáo Thế, giáo Tỏi, giáo Tòng, những người hết lòng ủng hộ, giúp đỡ cho trường hoạt động bị địch cho xe tăng ủi sập, phá hủy toàn bộ. Trường chỉ ở Suối Linh vài ngày, sau đó để có thể tiếp tục huấn luyện lâu dài, Ban chỉ huy quyết định đưa trường về Tân Tịch (Tân Uyên).

Hơn hai tháng thành lập, huấn luyện, trại Du kích Vĩnh Cửu, trường quân chính đầu tiên của Biên Hòa và miền Đông đã đào tạo trên 100 cán bộ quân sự, chính trị. Đây là lực lượng nòng cốt để phát động phong trào du kích ở Biên Hòa và một số tỉnh miền Đông. Đây cũng là những cán bộ quân đội nòng cốt của nhiều đơn vị vũ trang như chi đội 10, trung đoàn 310 Biên Hòa, chi đội 16, trung đoàn 307 Bà Rịa, trung đoàn 812 Bình Thuận...

Trường huấn luyện du kích Vĩnh Cửu, Bình Đa, chính là tiền thân của trường Quân chính Quân khu 7 trong kháng chiến chống Pháp.

Thực chất trại Vĩnh Cửu, trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu là một tổ chức quân sự tập trung có quân số khá đông (4 phân đội 100 người), có tổ chức chỉ huy. Đó là một đội quân có quy củ, được trang bị mạnh ngay từ những ngày đầu kháng chiến, có sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Trại là một trong những lực lượng quan trọng hợp thành chi đội 10 Biên Hòa sau này.

2. Trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa (2-1-1946).

Nhân dân Biên Hòa chỉ được hưởng độc lập từ ngày 26-8-1945 đến ngày 24-10-1945, tức chỉ được 1 tháng 28 ngày. Trong gần hai tháng đó, Tỉnh ủy lâm thời mới được thành lập (qua hội nghị Bình Trước), chính quyền mới ra đời

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

còn rất non trẻ, vừa phải lo ổn định đời sống, sản xuất cho dân, vừa tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng chống thực dân Pháp trở lại cướp nước ta lần thứ hai như lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945, bằng bất cứ giá nào cũng phải giữ lấy độc lập tự do...

Thực dân Pháp âm mưu xâm lược lại nước ta lần nữa, khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Lợi dụng danh nghĩa Đồng Minh, tháng 8-1945 quân Pháp theo chân quân Anh đổ bộ vào Sài Gòn và liên tục gây hấn. Rạng sáng ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Cuộc kháng chiến ở Nam bộ đã bùng nổ. Lời kêu gọi kháng chiến của Xứ ủy, Ủy ban Kháng chiến Nam bộ đã thể hiện rõ quyết tâm của toàn dân ta nói chung và nhân dân Nam bộ nói riêng "Hỡi đồng bào! Từ giờ phút này, nhiệm vụ của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp, tiêu diệt tay sai của chúng. Hỡi anh em binh sĩ, dân quân tự vệ ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp cứu nước".

Cuối tháng 10-1945, Pháp phá vỡ vòng vây ở Sài Gòn. Và mục tiêu lần chiếm kế tiếp là Biên Hòa, tỉnh có vị trí quan trọng để mở đường chiếm các tỉnh miền Đông Nam bộ, ra cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Trước đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Biên Hòa một mặt xây dựng lực lượng vũ trang, đưa lực lượng vũ trang Kinh-Thượng xuống cùng nhân dân Sài Gòn Gia Định chống Pháp; vừa phát động vườn không nhà trống, phát lệnh toàn dân "tiêu thổ kháng chiến". Các cơ quan lãnh đạo và các đoàn thể đều rút ra vùng căn cứ Tân Uyên và vùng ven thị xã, xây dựng căn cứ du kích như Bình Đa, Hố Cạn (Tân Phong).

Ngày 24-10-1945, thực dân Pháp với quân Anh hỗ trợ đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa. Chúng đưa quân trấn giữ các đầu mối giao thông, chiếm thành Săng Đá, chiếm đóng các công sở như Tòa bố, bưu điện, kho bạc, tòa án... bắt tay xây dựng lại bộ máy chính quyền tay sai ở tỉnh lỵ và thị xã. Tuy nhiên, phạm vi chiếm đóng của thực dân Pháp đến cuối tháng 12-1945 vẫn là khu vực xã Bình Trước, giới hạn bởi các con đường 16 (đi Tân Uyên), đường 24 (đi Vĩnh Cửu), quốc lộ 1 (về Sài Gòn), đường 15 (đi Long Thành). Các ấp ven thị xã như Lân Thị, Gò Me, Vĩnh Thị, Núi Đất..., các xã ven như Hiệp Hòa, Tân Vạn, Tam Hiệp, Tân Phong..., các đội du kích, tự vệ chiến đấu và xung phong cảm tử Châu Thành vẫn liên tục hoạt động, đột nhập thị xã và các xã ven, các xã dọc lộ 1, 15 diệt tề trừ gian, gây cho địch nhiều thiệt hại về người.

Trong lúc đó, tại Biên Hòa, từ cuối tháng 10-1945, nhiều lực lượng vũ trang đã về đứng chân: Liên chi 2-3 Bình Xuyên ở hướng Rừng Sác, Vệ quốc đoàn Biên Hòa (bộ đội Huỳnh Văn Nghệ) ở Tân Uyên và Châu Thành; Xung phong cảm tử quận Châu Thành ở Bình Thảo (Bình Phước); Vệ quốc đoàn Châu Thành ở Thiệt Tân, Vệ quốc đoàn Long Thành, lực lượng trường du

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

kích Vĩnh Cửu; quân Nam tiến ở Xuân Lộc. Và đến tháng 12-1945, chiến khu 7 thành lập do Nguyễn Bình làm Tư lệnh, lực lượng vũ trang miền Đông từng bước có sự chỉ huy và lãnh đạo thống nhất.

Thị xã Biên Hòa lúc này được thực dân Pháp xây dựng, tổ chức thành một trung tâm chỉ huy đánh phá phong trào cách mạng ở miền Đông với nhiều cơ quan quân sự quan trọng. Cơ quan tuyên truyền của địch không ngớt ca ngợi "thành quả" lấn chiếm, mở rộng của Pháp nằm trong chiến lược "đánh nhanh, chiếm nhanh và bình định nhanh" Nam bộ.

Đề đập tan luận điệu tuyên truyền của thực dân Pháp, khẳng định sự tồn tại và phát triển của lực lượng kháng chiến ở miền Đông, cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân, Tư lệnh chiến khu 7 Nguyễn Bình quyết định tổ chức trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa. Đây là một chủ trương táo bạo và cần thiết.

Công tác trinh sát, nghiên cứu địch trong thị xã được giao cho Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Phân đội 4 do Nguyễn Chức Sắc chỉ huy. Phân đội trưởng phân đội 5 là Lê Thoa cùng các chiến sĩ công tác thành nhiều lần hóa trang, bí mật lọt vào nội ô tỉnh lỵ để nghiên cứu các mục tiêu, lên sơ đồ các điểm đóng quân của Pháp, các công sở của địch, trọng điểm là thành Săng Đá, sở hiến binh, bưu điện, nhà ga Biên Hòa, cầu Gành, hăng dầu...

Các lực lượng tham gia cuộc tập kích bao gồm: Vệ quốc đoàn Biên Hòa, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành, liên quân Hóc Môn – Gia Định, liên chi 2-3 Bình Xuyên.

Cuối tháng 12-1945, công tác tổ chức và phương án tiến công đã được thông qua. Các lực lượng vũ trang đã được điều về áp sát thị xã trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa... Thời gian được chọn là sau ngày tết dương lịch, ngày địch ít phòng bị nhất.

Đêm 1 rạng sáng ngày 2-1-1946, các lực lượng nổ súng tiến công vào thành Săng Đá, các tua gác ở đầu cầu Gành, nhà máy cưa BIF, các công sở của địch trong tỉnh lỵ Biên Hòa, nhà ga Biên Hòa.

Tiếng súng của các lực lượng kháng chiến trong nội ô tỉnh lỵ Biên Hòa như đánh thức ngay lòng người dân đang bị địch kìm kẹp trong nội ô. Thực dân Pháp hoàn toàn bị bất ngờ. Chúng không thể tin rằng quân kháng chiến ở Biên Hòa lại có khả năng tập hợp, di chuyển nhanh chóng sau khi rút khỏi thị xã. Đồng chí Nguyễn Văn Quảng (Năm Phòng), chiến sĩ phân đội 4 nhớ lại khung cảnh trận đánh như sau: "Khắp bầu trời thị xã như sôi lên ùng ục pha lẫn sấm sét. Lửa cháy sáng rực. Súng nổ rền trời. Lựu đạn đem theo tiếng nổ ùng ình như pháo đại. Những nơi ta định đến đều đến được, trừ một số hầm nhà cố thủ của bọn địch. Ta kiểm soát gần hết thị xã. Gần sáng, quân ta rút

về. Khói đen còn dựng cột giữa lòng thị xã. Tiếng súng còn lại lác đác nổ. Một đám tù binh Việt gian được trời dẫn lệch théch theo đoàn quân...”

Trận đánh vào tỉnh lỵ Biên Hòa đêm 1 rạng sáng 2-1-1946 là trận đột kích đầu tiên của Vệ quốc đoàn Biên Hòa có sự phối hợp của nhiều lực lượng vào một đô thị ở Nam bộ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu nào trong thị xã, nhưng trận đánh đã gây tiếng vang rất lớn. Đứng về mặt chiến lược, lời tuyên truyền là đã "bình định xong Nam kỳ" của thực dân Pháp hoàn toàn bị đập tan. Lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tuy mới thành lập, nhưng có đủ khả năng đánh hợp đồng khá xuất sắc. Và điểm quan trọng hơn là "Tiếng súng Biên Hòa" có sức cổ vũ, động viên rất lớn tinh thần kháng chiến của nhân dân miền Đông, nhất là nhân dân trong vùng địch còn kiểm soát, kêu gọi được các tầng lớp nhân dân yêu nước từ mọi nơi về Biên Hòa, về chiến khu Đ tham gia kháng chiến.

3. Trận La Ngà (1-3-1948).

La Ngà là tên một dòng sông, một chi lưu của sông Đồng Nai, mà Pháp ghi tên trên bản đồ là Lagna, cũng là một địa danh đã đi vào lịch sử dân tộc và lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trên quốc lộ 20 đi Đà Lạt từ cầu La Ngà lên Định Quán, ngày 1-3-1948, chi đội 10 Biên Hòa đã đánh trận giao thông La Ngà thắng lợi.

Chi đội 10 là lực lượng vũ trang của tỉnh Biên Hòa, thành lập vào tháng 6-1946. Đơn vị có 1.100 quân với 3 đại đội A, B, C hoạt động ở các huyện Tân Uyên, Châu Thành, Xuân Lộc và Long Thành.

Từ tháng 4-1947 đến tháng 7-1947, Chi đội 10 đã tổ chức một loạt trận đánh giao thông đường sắt Biên Hòa-Nha Trang thu nhiều thắng lợi như: Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh 1,2, Bàu Cá. Tháng 12-1947, chi đội đánh trận giao thông Đồng Xoài trên quốc lộ 14. Tháng 2-1948, chi đội đánh bại trận cản của thực dân Pháp vào chiến khu Đ. Một loạt trận đánh vũ trang thắng lợi cho thấy đơn vị đã trưởng thành cả về chỉ huy, chiến đấu, có đủ khả năng thực hiện những trận đánh tập trung có quy mô lớn.

Đầu tháng 2-1948, Ban chỉ huy Chi đội 10 nhận được tin quân báo (Bùi Trọng Nghĩa, Trưởng chi quân báo chi đội) từ nội thành cho hay cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3, thực dân Pháp sẽ tổ chức một cuộc hội nghị quân chính ở Đà Lạt. Một đoàn công voa sẽ hộ tống các sĩ quan, công chức cao cấp của thực dân và nguy quyền tay sai từ Sài Gòn đi dự hội nghị Đà Lạt.

Cân nhắc khá kỹ các điều kiện cần thiết, Ban chỉ huy chi đội quyết định tổ chức trận phục kích giao thông trên quốc lộ 20 để đánh đoàn công voa này. Tháng 2-1948, Huỳnh Văn Nghệ, Chi đội trưởng chi đội 10 được đề bạt Khu bộ phó Khu 7 Toàn bộ kế hoạch tổ chức, chỉ huy trận đánh do Nguyễn Văn Lung, Chi đội phó đảm trách.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Tổ chức một trận đánh tập trung toàn chi đội (tương đương một trung đoàn), trận địa cách căn cứ 80 km đường rừng đặt ra cho Ban chỉ huy nhiều vấn đề:

+ Làm thế nào giải quyết được lương thực cho trên 1.000 quân đủ ăn từ 7 đến 10 ngày?

+ Làm thế nào điều được đoàn xe đi theo đúng kế hoạch thời gian của Ban chỉ huy đề ra, để hạn chế sự phản kích bằng máy bay của địch?

+ Làm thế nào đảm bảo bí mật trận đánh, đánh nhanh giải quyết nhanh chiến trường?

Vấn đề lương thực chỉ được giải quyết bằng cách dựa vào nhân dân. Ban chỉ huy đã cử một phân đội trinh sát đặc biệt lên Định Quán kết hợp chặt chẽ với Huyện đội, Mặt trận Việt Minh Xuân Lộc đi vận động công nhân ở từng sở cao su, tổ chức kho dự trữ lương thực, thực phẩm cho bộ đội. Tuy đời sống rất khó khăn, nhưng công nhân đã bớt khẩu phần ăn, đóng góp lương thực, đồng bào dân tộc Châu ro, Stiêng cũng tích cực ủng hộ lương thực cho chi đội. Gần một tháng, chi đội đã lập được các kho lương thực đủ theo kế hoạch đề ra.

Ban trinh sát Chi đội 10 liên tục bám Quốc lộ 20 theo dõi các đoàn công voa địch đi về Biên Hòa, Đà Lạt, nắm chắc quy luật tổ chức đội hình các đoàn xe, tốc độ, thời gian cũng như khoảng cách từng xe một. Từ quy luật này, Ban chỉ huy quyết định tổ chức trận địa dài 9 km trên Quốc lộ 20 chia làm 3 trận địa A, B, C, đảm bảo chặn đầu, khóa đuôi cả đoàn xe. Trận địa giả được bố trí cách 3 km ở phía đông Quốc lộ 20 với những đống lửa lớn để thu hút lực lượng địch lên tiếp viện bằng không quân. Quốc lộ 20 đoạn từ cây số 104 đến 113 rất khúc khuỷu, trời chiều có sương mù, nếu đánh ban trưa không có lợi bằng đánh vào buổi chiều vì sương mù sẽ hạn chế tầm quan sát của máy bay. Ban chỉ huy đã giao nhiệm vụ cho Huyện đội Châu Thành, Xuân Lộc, bố trí bộ đội, du kích huyện bắn tỉa địch từ ngã ba Dầu Giây, cách trận địa gần 50 km; đốn ngã cây hai bên đường, đào đường, đắp chướng ngại vật để kéo dài thời gian hành quân của địch. Kế hoạch hành quân và tác chiến phải tuyệt đối bí mật, chỉ phổ biến đến cán bộ chỉ huy cấp đại đội.

Nhờ thu được nhiều máy vô tuyến của Pháp trong trận chống càn ở chiến khu Đ vào tháng 2-1948, Ban chỉ huy chi đội có điều kiện liên lạc bằng điện đàm thông suốt trên cả ba mặt trận kéo dài 9 km.

Đêm 26-2-1948, Chi đội 10 cùng liên quân 17 của Quân khu 7 hành quân từ Chiến khu Đ lên Quốc lộ 20. Một bộ phận khác từ Xuân Lộc cũng hành quân lên Định Quán. Đêm 28-2, lực lượng đến điểm tập kết và bố trí trên ba trận địa. Sở chỉ huy trận đánh đặt trên đồi 100 ở km 107. Bộ phận hậu cần phục vụ y tế, ăn uống ở tả ngạn sông Đồng Nai cách 6 km. Đồng chí Bùi Cát Vũ, Giám đốc Binh công xưởng và các chiến sĩ quân giới chi đội đã có sáng kiến

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

chôn địa lôi trên đường nhựa, dùng phân voi nghi trang bên trên. Quốc lộ 20 khúc khuỷu, hai bên là rừng, voi thường qua lại, phân voi rừng rất quen mắt với các đoàn công voa, địch ít chú ý.

Sáng 1 -3-1948, trên toàn tuyến trận địa, các chiến sĩ Chi đội 10 Biên Hòa đã sẵn sàng chiến đấu trong trạng thái căng thẳng chờ đợi địch.

Cùng sáng ngày đó, đoàn công voa 70 chiếc của Pháp có xe thiết giáp đi đầu khởi hành từ Sài Gòn. Khi đến Hồ Nai, du kích quận Châu Thành bắt đầu hoạt động, bắn tĩa, quấy rối, ngã cây ra đường... Đoàn xe địch phải thường xuyên dừng lại để lính hộ tống dọn đường, rà mìn, bắn trả lại du kích. Tinh thần địch hết sức căng thẳng, mỏi mệt. Quá 12 giờ, đoàn xe địch mới đến được ngã ba Dầu Giây rẽ vào Quốc lộ 20. Đến 14 giờ 20 phút, đoàn xe mới đến La Ngà. Trung úy Jeffrey, chỉ huy đại đội bảo vệ đoàn xe liên lạc với bót La Ngà. Tên sếp bót cho hay tình hình không có gì lạ. Jeffrey lại gọi điện cho đại tá Talès Chỉ huy trưởng khu vực Đồng Nai thượng đề nghị cho nghỉ lại hoặc cho thêm quân hộ tống. Talès trả lời dứt khoát: Đây là khu vực đã bình định, đoàn xe cứ đi, vừa đi vừa bắn mạnh vào hai bên đường. Cả đoàn xe lại lăn bánh vào trận địa trong tiếng súng nổ liên tục hai bên đường. Chiến sĩ chi đội 10 vẫn im lặng, kiên nhẫn chờ đợi.

15 giờ 02 phút, chiếc thiết giáp đi đầu bị trúng mìn ở trận địa A, tung bông lên khỏi mặt đất, lao thêm hơn 10 mét rồi bốc cháy, nằm bẹp dí trên đường. Đoàn xe địch phía sau vẫn tiến vào trận địa.

15 giờ 17 phút, mìn ở trận địa C lại nổ khóa đuôi đoàn xe địch. Cả đoàn công voa bị cắt làm ba khúc. Chi đội 10 và liên quân 17 từ các điểm cao dọc lộ xung phong mãnh liệt. Đại liên, trung liên, lựu đạn... của bộ đội làm cháy cả chục xe địch ngay phút đầu. Một số xe còn lại phía sau hốt hoảng quay đầu rút chạy về hướng cầu La Ngà.

Đoàn công voa của giặc như con rồng uốn khúc trên Quốc lộ 20, vật vã lờng lộn, oằn oại, bốc cháy ngả nghiêng. Xác quân Pháp ngổn ngang trên xe, dưới đường.

Trận đánh diễn ra quyết liệt và nhanh chóng trong vòng 55 phút. 150 lính lê dương bỏ mạng, 25 sĩ quan Pháp bị chết, trong đó có đại tá De Sérigné chỉ huy bán lữ đoàn lê dương thứ 13 của Pháp, đại tá Patrius Phó tham mưu trưởng quân Pháp ở Nam Đông Dương. Trận đánh đã kết thúc mà trên đoạn



Xác xe quân Pháp bị hỏng nặng trong trận La Ngà. Ảnh tư liệu (Ảnh từ nguồn <http://baobinhduong.vn>)

đường dài 9 km vẫn còn khói lửa ngút trời, tiếng nổ của đạn, bánh xe thỉnh thoảng lại vang lên giữa núi rừng.

50 hành khách gồm người lớn tuổi, trẻ em sau khi được giải thích đường lối kháng chiến của cách mạng, được phóng thích ngay buổi chiều về Sài Gòn. Hơn 200 hành khách còn lại và binh lính Pháp bị thương được bộ đội đưa vào khu rừng Suối Cát, cách Quốc lộ 20 trên 5 km về phía tây.

Nhờ có lương thực dự trữ, các hành khách gồm cả Pháp, Việt, Ấn, Hoa đều được phát cơm nắm, cá khô nướng, người bị thương đều được chăm sóc. Trước thái độ hiên ngang, ân cần, chu đáo của bộ đội, hàng trăm hành khách từ trạng thái lo sợ đã từng bước thân thiện, cảm phục quân kháng chiến "gian khổ mà hiên ngang".

Giáo sư sử học người Pháp tên Hoa Rô (có con trai là trung úy Hoa Rô Trưởng Phòng Nhì chi khu Xuân Lộc) sau một ngày ở "bung biển" cùng bộ đội đã bộc lộ suy nghĩ: "Những điều tai nghe, mắt thấy đưa chúng tôi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, hoàn toàn trái ngược với những điều chúng tôi biết được trước đây qua tuyên truyền chính thức của chính phủ Pháp. Là giáo sư sử học, tôi hiểu chính nghĩa thuộc về các bạn, các bạn nhất định thắng. Tự thâm tâm tôi chúc các bạn sớm thành công".

Trung úy Pháp Jeffrey bị thương gãy chân đã được săn sóc, đưa về chiến khu Đ điều trị cho đến khi lành vết thương và sau này được trao trả tại bót Cây Đào ở Vĩnh Cửu.

Sáng ngày 2-3-1948, tất cả các hành khách sau một đêm sống trong vùng kháng chiến được bộ đội đưa ra Quốc lộ 20 về Sài Gòn.

Chiến thắng La Ngà không chỉ thu thắng lợi lớn về quân sự, mà thực tế lời kể của hàng trăm hành khách khi trở về Sài Gòn đã làm các tầng lớp trung lưu, tư sản ở Sài Gòn hiểu được chính nghĩa cách mạng.

Từ vùng tạm chiếm ngày càng có nhiều người thoát ly ra khu kháng chiến, giúp đỡ, ủng hộ, tiếp tế cho kháng chiến. La Ngà là chiến thắng giao thông lớn nhất ở miền Đông bấy giờ; trận đánh đồng thời thể hiện được chính nghĩa và chủ nghĩa nhân đạo của cách mạng Việt Nam.

4. Biên Hòa, nơi sản sinh cách đánh đặc công.

Bị thất bại ở chiến trường Việt Bắc thu đông 1947-1948, thực dân buộc phải chuyển hướng chiến lược từ đánh nhanh thắng nhanh sang bình định Nam bộ, "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt giết người Việt".

Trên chiến trường miền Đông và Biên Hòa, tướng De Latour đã cho thực hiện chiến thuật "điểm và đường". Địch cho xây dựng một hệ thống đồn bót, tháp canh dọc các Quốc lộ 1, 15, 20, Tỉnh lộ 24, 16, nhằm bảo vệ giao thông của chúng, cắt đứt giao thông vận chuyển của kháng chiến. Tháp canh của Pháp gồm hai loại: tháp canh con (tháp nhỏ) cao từ 6 đến 8 mét do 1 bán đội canh

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

giữ; tháp canh lớn (tháp mẹ - tour de la mère) cao từ 10 đến 12 mét do 1 tiểu đội canh giữ. Các tháp canh được xây bằng tường hoặc đá, độ dày từ 0,6-0,8 mét, chia làm ba tầng, tầng trên cùng có nhiều lỗ châu mai. Các tháp canh cách nhau khoảng 300 mét tùy theo địa hình, có cái chỉ cách nhau 100, 150 mét để có thể bắn hỗ trợ lẫn nhau khi bị tấn công. Địa hình xung quanh các tháp canh đều được địch phát trồng, ban đêm có đèn soi, do đó việc đến gần tháp canh rất khó. Với độ cao của tháp canh, địch có lợi thế quan sát xa. Tường tháp canh lại dày, lực lượng vũ trang của ta chưa có vũ khí để công phá tường tháp. Địch cho tháp canh là rất an toàn. Dựa vào ưu thế này, thực dân Pháp còn dùng tháp canh như một phương tiện để mở rộng lấn chiếm vùng căn cứ, du kích, lấn chiếm đến đâu địch cho xây tháp canh đến đó. Chiến thuật tháp canh của Pháp còn được gọi là chiến thuật "tầm ăn lá dâu", "vết dầu loang" hay "chiến thuật De Latour".

Tính đến tháng 6-1949, ở miền Đông (cả Sài Gòn, Chợ Lớn, Khu 8), địch đã xây dựng được 200 tháp canh.

Hệ thống tháp canh của Pháp gây cho ta nhiều khó khăn, việc di chuyển qua lại trên đường của ta bị địch không chế.

Trên chiến trường miền Đông, theo sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh khu 7, nhiều tỉnh như Thủ Dầu Một, Bà Rịa... đều tổ chức nghiên cứu đánh tháp canh. Có nơi dùng vũ trang kết hợp binh vận; có nơi dùng hỏa công bằng cách dùng bụi nhùi cột vào đuôi trâu đốt cháy rồi lừa vào tháp canh; có nơi đào hào cho nước vào đồn..., nhưng tất cả đều không thành công. Đánh hạ tháp canh trở thành bài toán khó.

Trong lúc đó, đội du kích huyện Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy, dựa vào cơ sở nhân dân đã điều nghiên kỹ tháp canh cầu Bà Kiên trên tỉnh lộ số 16 và nhận thấy:

* Muốn đánh được tháp canh phải lọt vào tiếp cận tháp canh, bằng cách lợi dụng sơ hở của địch khi đổi gác, đốt thuốc...

* Phải hóa trang cho tiếp với màu đất xung quanh tháp, mắt không hướng lên khi địch soi đèn.

* Sử dụng thang để lên tháp canh ném lựu đạn vào lỗ châu mai. Ông chọn một cây độc mộc trong căn cứ, cho vài du kích leo lên cây soi đèn xuống các hướng, bên dưới du kích tập bò vào, rút kinh nghiệm làm lại nhiều lần đến khi người ngồi trên cây không phát hiện được người phía dưới khi đã vào sát tường.

Đêm 18 rạng 19-3-1948, tổ du kích Tân Uyên do Trần Công An, Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên lên đường đánh tháp canh, vũ khí gồm 1 súng trường, 8 lựu đạn (1 của Mỹ, 7 tự tạo) và một chiếc thang cây (dùng để hái trà, mơn của nhân dân). Cả ba du kích ở trên, dùng bùn non bôi lên người. Các anh

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

vượt qua hàng rào quanh tháp, áp thang vào tường (hai đầu thang có bọc vải để không gây tiếng động).

Cả ba anh đều leo lên thang, dùng lựu đạn đánh vào cả ba tầng tháp canh. Toàn bộ 11 tên lính trong tháp đều bị chết, ta thu 8 súng và 20 lựu đạn.

Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên gây tiếng vang lớn. Lần đầu tháp canh Đờ La-tua bị đánh hạ. Với lối đánh bí mật, tiếp cận, lợi dụng sơ hở của địch để tiến công mục tiêu, du kích Tân Uyên, Biên Hòa đã mở ra một cách đánh mới để hạ tháp canh. Cách đánh đó đòi hỏi lòng gan dạ, dũng cảm, trí thông minh, sáng tạo biết khắc phục khó khăn, biết tìm sơ hở của địch mà đánh.

Tháng 11-1949, Bộ Tư lệnh khu 7 mở hội nghị quân sự toàn khu tại Tân Hòa để bàn về chuyên đề đánh tháp canh. Từ kinh nghiệm trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên, hội nghị đã rút ra nhiều kinh nghiệm quý để từng bước hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu, tiếp cận mục tiêu, hóa trang và vượt các chướng ngại... Đồng thời Bộ tư lệnh chỉ đạo cho Binh công xưởng nghiên cứu, chế tạo thành công mìn FT có khả năng phá được tường tháp canh. Công tác huấn luyện cách đánh tháp canh được tiến hành tại chiến khu Đ với du kích Tân Uyên làm chiến sĩ mẫu.

Đêm 22-3-1950, ba trăm chiến sĩ, du kích chia làm 50 tổ đánh cùng lúc 50 tháp canh trên các Quốc lộ 1, 16, liên tỉnh 16, 24... Các tháp canh đều bị đánh thủng một lỗ to từ 0,8 mét đến 1,5 mét.

Sau trận đánh, Bộ Tư lệnh khu 7 tiếp tục rút kinh nghiệm, chỉ đạo cải tiến vũ khí bằng cách đánh bồi thêm một quả mìn bê-ta khi tường tháp bị đánh thủng.

Đêm 19-4-1950, tổ đánh tháp canh của Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy với FT và bê-ta, đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai. Sau đó, tháng 5-1950, tổ lại đánh sập tháp canh Vàm Giá (Quốc lộ 14). Với trận Vàm Giá, kỹ thuật đánh tháp canh đã hoàn thiện.

Hội nghị quân sự Khu 7 năm 1950 đã kết luận cách đánh tháp canh bằng cách tiếp cận mục tiêu, dùng mìn FT+bê-ta là cách đánh đặc công. Ngày 25-5-1950, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa được thành lập, được công nhận là đại đội đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Kỹ thuật đặc công từ Biên Hòa được phổ biến ra khắp miền Đông, góp phần đánh bại chiến thuật Đờ La-tua của Pháp. Từ 1952, cách đánh đặc công được phổ biến về miền Tây Nam bộ.... Nhiều trận đánh đặc công đã đạt hiệu suất cao, nhất là đánh vào kho tàng, cơ quan đầu não của địch như đánh kho Phú Thọ, sân bay Gia Lâm, Cát Bi, đánh đội A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ...

Như vậy từ Biên Hòa, cách đánh đặc công đã ra đời, đó là kết quả của phong trào du kích phát triển cao với tinh thần sáng tạo trong chiến đấu và chế tạo vũ khí thích hợp. Biên Hòa cũng là nơi xây dựng đơn vị đặc công đầu tiên ở

Nam bộ. Ngày 19-3-1948 sau này được lấy làm ngày truyền thống của binh chủng Đặc công.

5. Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất.

Suốt chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, câu "Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất" là lời đánh giá của kẻ thù với một vùng căn cứ cách mạng ở Biên Hòa, thể hiện rõ vai trò, vị trí và sự lợi hại của căn cứ này với toàn bộ cuộc kháng chiến ở miền Đông và Nam bộ.

Khởi phát của căn cứ địa cách mạng Chiến khu Đ là các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An của huyện Tân Uyên (nay thuộc tỉnh Bình Dương). Nơi đây từ năm 1940, đã hình thành đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa của tỉnh Biên Hòa. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, đội du kích do ông Nguyễn Văn Quý (Chín Quý) chỉ huy rút vào khu vực rừng Tân Uyên, bảo toàn được lực lượng cho đến khi Cách mạng tháng Tám thành công.

Khi thực dân Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa (25-10-1945), một bộ phận của Ủy ban kháng chiến miền Đông do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy về Tân Tịch, kết hợp cùng đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa và trại du kích Vĩnh Cửu, hình thành Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

Tháng 12-1945, Chiến khu 7 ra đời do Nguyễn Bình làm Tư lệnh về đóng tại Lạc An. Tháng 2-1946, sau hội nghị quân sự khu Đông, Bộ tư lệnh quyết định xây dựng căn cứ địa và đặt tên là Chiến khu Đ (theo thứ tự vùng căn cứ A, B, C, Đ) trung tâm là xã Lạc An. Từ tháng 3-1946, Bộ tư lệnh Khu 7 dời về Đông Thành, Chiến khu Đ trở thành căn cứ địa kháng chiến của tỉnh Biên Hòa. Phạm vi Chiến khu Đ gồm 5 xã, nam giáp sông Đồng Nai, bắc giáp sông Bé, tây giáp Tỉnh lộ 16.

Chiến khu Đ là nơi đóng cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa, Thủ Biên; các cơ quan Dân, Chính, Đảng của tỉnh, của huyện Tân Uyên; Chi đội 10, Trung đoàn 310, liên trung đoàn 301-310 cùng các cơ quan Binh công xưởng, Quân nhu với một hệ thống sản xuất gồm các nông trường ở Lạc An, vàm Sông Bé, Giáp Lạc...

Rừng bao la, dày đặc, nhiều suối với đủ loại cây, trái rừng, củ rừng (củ từ, củ năn, củ mài...), xen kẽ những trảng trống và đủ loại thú rừng từ voi, hổ, báo, bò rừng đến nai, hươu, khỉ, các giống chim, thú bò sát; những bầu Cá, bầu Phụng, bầu Sinh... Đó là những quà tặng của thiên nhiên với vùng căn cứ, đảm bảo được một phần nhu cầu lương thực, thực phẩm lúc khó khăn. Rừng chiến khu Đ trải dài từ bắc Biên Hòa đến rừng Tây Nguyên, tạo thành một hành lang nối liền miền Đông Nam bộ với Liên khu 5 và ra hậu phương lớn. Chiến khu Đ lại chỉ cách Biên Hòa - trung tâm chỉ huy đầu não của địch ở miền Đông, Sài Gòn thủ phủ nguy quyền Sài Gòn không xa. Bằng đường giao liên bí mật, công

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

khai, các lực lượng kháng chiến xâm nhập vào các thị xã, thị trấn, vùng tạm chiếm, tiến công các cơ quan đầu não, kho tàng của thực dân.

Từ Chiến khu Tân Uyên, đêm 1-1-1946, các lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tổ chức tiến công đầu tiên vào các công sở, nơi đóng quân của thực dân Pháp trong tỉnh lỵ Biên Hòa. Đòn tiến công bất ngờ này gây tiếng vang lớn ở Nam bộ.

Cuộc kháng chiến nơi chiến khu Đ đã làm nên những nhân vật sống mãi với lịch sử: Huỳnh Văn Nghệ, nhà thơ - chiến sĩ; Nguyễn Văn Quý - người giữ rừng miền Đông suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp và suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ đến năm 1968.

Từ căn cứ địa chiến khu Đ, Chi đội 10 Biên Hòa đã mở hàng loạt trận đánh giao thông đường bộ, đường sắt ngoài căn cứ phối hợp nhịp nhàng với chiến trường chung đánh bại cuộc hành quân của thực dân Pháp đánh vào Chiến khu Việt Bắc thu đông 1947. Đó là các trận Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh, Bàu Cá, Đồng Xoài, nhất là trận giao thông chiến nổi tiếng La Ngà.

Chiến khu Đ là nơi sản sinh ra cách đánh đặc công, lực lượng đặc công và phổ biến kỹ thuật tác chiến mới ra cả nước, cơ sở để hình thành binh chủng Đặc công sau này.

Trong kháng chiến 9 năm, Biên Hòa ở phía đông Sài Gòn, là nơi đóng các cơ quan đầu não của địch ở miền Đông, Chiến khu Đ tồn tại là mối đe dọa lớn cho thực dân Pháp ở Biên Hòa và Sài Gòn. Kẻ thù khiếp sợ Chiến khu Đ chính là vì thế trận "thiên la địa võng" của căn cứ. Làng kháng chiến đã hình thành khắp nơi trong căn cứ với hàng trăm loại chạ bẫy: chông tre, chông đinh, lựu đạn gài, mìn gài, đập lồi... để đánh bại bao cuộc hành quân càn quét lớn của địch vào căn cứ. Kẻ thù lần chiếm, phong tỏa, bao vây, đánh phá chiến khu bằng bom đạn, triệt phá kinh tế, biệt kích, gián điệp... hòng tiêu diệt cơ quan đầu não, dự trữ kinh tế kháng chiến nhưng đều bị thất bại, lại hao binh tổn tướng. Trận càn tháng 2-1948 với 2.000 quân của Pháp có hải quân, pháo binh, máy bay yểm trợ đã bị thất bại ê chề. Phương tiện chiến lợi phẩm ta tịch thu của Pháp trong trận này lại góp phần tăng thêm sức mạnh để bộ đội Biên Hòa làm nên chiến thắng La Ngà.

Chiến khu Đ trải qua không ít khó khăn, nhất là bão lụt tháng 10 năm Nhâm Thìn 1952. Địch càn quét liên tục 52 ngày đêm vào căn cứ, lực lượng ta chận đánh gây cho địch thương vong nặng phải rút lui. Ta tuy có khó khăn trong cơn bão lụt nhưng bộ đội đã chủ động tấn công bức rút đồn Rạch Đông, phá sập hệ thống tháp canh của địch ven căn cứ từ Rạch Đông đến Cây Đào.

Địch có thể phá hoại một vài cơ sở sản xuất lương thực, hậu cần trong căn cứ nhưng không thể làm chùn bước lực lượng kháng chiến. Đặc biệt, Chiến khu

Đ lại là nơi thể hiện cao tinh thần và ý chí bám trụ chiến đấu kiên cường của bộ đội Cụ Hồ.

Chiến khu Đ là hình ảnh một xã hội mới trong kháng chiến 9 năm. Nơi đây, dân quân đoàn kết một lòng chống giặc. Các phong trào văn hóa như nếp sống mới, xóa mù chữ, bỏ tục văn hóa, lao động sản xuất thu hút nhân dân từ các vùng. Cuộc sống mới ở căn cứ đã biến Chiến khu Đ thành biểu tượng của lòng tin vào cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.

Kết hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ (Đông xuân 1953-1954), từ Chiến khu Đ, các lực lượng vũ trang chủ lực, địa phương, du kích mở đợt tấn công địch, bao vây, bức rút các đồn bót địch ở Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc (huyện Tân Uyên), các đồn bót ven chiến khu như: Phước Hòa, Tân Định, Đại An, Rạch Đông, vây lấn địch mở rộng Chiến khu Đ ra giáp sông Đòng Nai, đường 16 lên giáp Sông Bé.

Tại Nhà Nai tháng 8-1954, Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức cuộc mít tinh lớn mừng thắng lợi cuộc kháng chiến. Các lực lượng vũ trang chia tay nhân dân để lên đường tập kết ra miền Bắc, hẹn hai năm sau gặp lại. Chiến khu Đ đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến chống thực dân Pháp. Rừng chiến khu Đ còn đó để chuẩn bị vào cuộc đấu tranh mới.

III.KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

1.Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp

Cuộc kháng chiến chống Mỹ giải phóng dân tộc của nhân dân ta đã kết thúc hơn hai thập kỷ qua. Trong cuộc chiến đấu này, kẻ thù Mỹ ngay đã dùng mọi thủ đoạn dã man để đánh phá phong trào, sát hại những người con yêu nước ở miền Nam. Nhưng dù trong những hoàn cảnh đen tối nào, quân dân miền Nam vẫn giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, giữ vững ý chí cách mạng và giữ trọn niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng tiên phong.

Trong huyền thoại những năm tháng đánh Mỹ ấy, cuộc nổi dậy phá ngục của các chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước ở nhà tù Tân Hiệp Biên Hòa là một minh chứng hùng hồn về ý chí gang thép, hành động dũng cảm quật cường, quyết chiến đấu và hy sinh vì độc lập và tự do của Tổ quốc.

Ngay sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ vừa được ký kết (tháng 7-1954), đế quốc Mỹ đã công khai phá hoại. Chúng thiết lập ngay bộ máy cai trị, lập chính phủ bù nhìn, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và tiền đồn chống cộng của chúng ở Đông Nam Á. Với sự chỉ đạo của quan thầy, ngay quyền Ngô Đình Diệm liên tục mở các chiến dịch "tố cộng, diệt cộng", mở rộng hệ thống nhà tù để giam cầm, đày ải, truy bức cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở miền Nam. Hàng trăm, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ cách mạng bị địch bắt đưa về giam giữ ở các nhà tù khắp miền Nam, trong đó có nhà tù Tân Hiệp, Biên Hòa.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Nhà tù Tân Hiệp được chúng gọi là "Trung tâm huấn chính" Biên Hòa có diện tích 3.600 mét vuông nằm cạnh Quốc lộ I (đối diện với Bệnh viện Tâm thần

Biên Hòa, thuộc phường Tân Tiến, cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 2 km về phía đông. Đây là một trong 6 nhà tù lớn của địch ở miền Nam lúc bấy giờ. Đến thời điểm tháng 12-1956, số lượng tù nhân bị địch giam giữ ở đây là 1.872 người trong đó có nhiều nhân sĩ trí thức yêu nước nổi tiếng như: Kỹ sư Lê Văn Thả; nhà văn, nhà báo Dương Tử Giang, Trần Ngọc Sơn, Lý Văn Sâm, Nguyễn Văn Mai, Phạm Thị Lạng...

Đến tháng 11-1956, kế hoạch nổi dậy phá khám Tân Hiệp cơ bản đã hình thành. Đảng ủy nhà tù do đồng chí Nguyễn Duy Đán (Nguyễn Trọng Tâm, nay là Anh hùng lực lượng vũ trang) làm Bí thư, hạ quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra. Công tác tiến hành được chuẩn bị tuyệt đối bí mật, chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm những đồng chí khoẻ mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên là Huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng; Lê Minh Toàn chính trị viên. Tổ liên lạc dẫn đường có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, nguyên Bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn vượt ngục trở về căn cứ. Giờ G nổi dậy phá khám được Đảng ủy quyết định vào chiều ngày chủ nhật 2-12-1956.

17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều đã ở trong tư thế sẵn sàng. Các tổ áp sát các mục tiêu đã được phân công. Mọi hoạt động của lực lượng chủ công đến giờ phút này vẫn giữ được bí mật hoàn toàn.

Trời vào mùa đông, thời tiết se lạnh. Mới 17 giờ 45 phút mà trời đã nhá nhem tối. Một số đồng chí trong các tổ xung kích mình trần, mặc quần đùi đi lại bên ngoài sân trại. Số các tù nhân ở các trại D, E, G là những anh em đã được phổ biến trước đều đứng hoặc ngồi trước cửa, thấp thỏm chờ giờ hành động.

17 giờ 50 phút, khi tên lính trực vừa đánh keng báo cho tù nhân vô trại, thì tiếng hô "xung phong" vang dậy khắp nơi. Các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu đã được phân công. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Nguyễn Văn Cội trực tiếp chỉ huy đã xông thẳng vào kho vũ khí, bắt trói tên trưởng trạm gác, thu toàn bộ vũ khí trong kho. Cùng lúc, một tổ khác xông vào nhà tên Tỉnh, giám đốc trại giam, không chế hấn và số lính lái xe, bảo vệ, sau đó tiến vào văn phòng trại giam bắt trói tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an, cắt đứt đường dây điện thoại.

Khi lệnh được phát ra, anh em tù nhân từ các trại D, E, G ồ ạt chạy về phía công. Trước làn sóng người tuôn ra như nước vỡ bờ, tên lính gác bên ngoài

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

cổng chính giương súng bắn một phát, lập tức bị một đồng chí quật ngã và đoạt lấy súng. Dòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Cả một không gian sôi động trong tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân rầm rập của hàng trăm người. Chỉ trong 15 phút đầu, lực lượng xung kích hoàn toàn làm chủ tình hình.

Bọn chỉ huy trại giam và toàn bộ lính canh gác bị bất ngờ và vô cùng hốt hoảng, chỉ lo bảo toàn tính mạng nên chưa có hành động nào chống trả.

Theo chủ trương của Đảng ủy là không giết một tên lính nào nhằm hạn chế việc khủng bố, trả thù của địch đối với những anh em còn ở lại hoặc không ra được. Từ đó, hơn 15 phút sau bọn chúng mới hoàn hồn, vội vã nổ súng và truy đuổi.

Theo kế hoạch, khi đã giải quyết xong các mục tiêu bên trong, lực lượng xung kích nhanh chóng rút ra ngoài triển khai chốt chặn ở hai đầu đường Quốc lộ I, dùng súng cướp được bắn áp chế các tháp canh xung quanh vòng rào để anh em tiếp tục chạy thoát. Song thực tế do có sự ùn tắc ở cổng chính, nên phương án trên không thực hiện được. Mặt khác, trong hoàn cảnh phải giữ bí mật tuyệt đối nên việc phổ biến kế hoạch tác chiến gặp nhiều khó khăn, thiếu cụ thể, nên có trường hợp nhiều tổ xung kích cùng tiến công một mục tiêu. Tuy vậy tất cả các mục tiêu chính như: kho súng, nhà giám đốc, văn phòng trại giam... lực lượng ta đều vào được và khống chế bọn địch ngay từ phút đầu.

Trước các làn đạn phản kích, bắn xối xả của địch, một số anh em ta chạy ra sau bị trúng đạn hy sinh (22 người) và bị thương khá nhiều, nằm trước cổng trại, sân banh và ven bờ suối. Trong số đó có nhà báo, nhà thơ Dương Tử Giang.

Cuộc nổi dậy phá khám diễn ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 phút, toàn bộ số tù nhân còn lại đều bị gom vào lại các trại. Do điện thoại ở nhà tù bị cắt đứt ngay phút đầu, tên phó giám đốc trại giam phải luồn lách hốt hoảng chạy bộ đến Bộ Tư lệnh sư đoàn đã chiến số 4 (cách đó khoảng 1 km) để cấp báo và xin cứu viện. Vì vậy một giờ sau cuộc nổi dậy, địch mới báo động được các nơi trong thị xã. 19 giờ, bọn lính Sư đoàn 4 đã chiến mới tới được trại giam cùng với bọn bảo an, hiến binh lo ổn định tình hình và nhận lệnh truy đuổi.

Trong bóng đêm dày đặc, quang cảnh trại giam sau cuộc nổi dậy trở nên xơ xác, đượm bầu không khí căng thẳng, ngột ngạt. Hơn 1.000 tù nhân còn lại trong các trại trung tâm ở trong tâm trạng lo lắng. Các anh chị vừa mừng lại vừa lo. Mừng vì biết rằng có thêm nhiều đảng viên, cán bộ trung kiên thoát được ra ngoài là nguồn lực bổ sung cho cách mạng đang trong thời kỳ khó khăn ác liệt. Lo là không biết rồi đây số phận những người còn lại sẽ như thế nào? Ngay từ bây giờ anh chị em phải chuẩn bị tư tưởng để tiếp tục đấu tranh với kẻ thù trong tình thế mới. Trước mắt là chịu đựng sự trả thù tàn bạo mà chắc chắn địch sẽ thực hiện. Bên ngoài trại giam, 22 thi thể đồng chí hy sinh và

6 người bị thương nặng nằm rải rác ngay trước cổng trại, sân banh và ven bờ suối Đồng Tràm.

Sau khi thoát khỏi trại giam, các đồng chí đã chia làm nhiều đoàn để tìm về căn cứ và các cơ sở cách mạng ở các địa phương trong toàn miền. Mặc dù địch tăng cường lực lượng truy đuổi bố ráp gắt gao, một số đồng chí đã anh dũng hy sinh hoặc kiệt sức trên đường chạy, nhưng nhờ sự đùm bọc che chở của nhân dân, sự chuẩn bị của tổ chức Đảng cơ sở bên ngoài, không một ai nản lòng thoái chí. 462 đồng chí thoát được, trong đó có hai nữ (Nguyễn Thị Lý và Vũ Thị Thọ) đã trở về được với Đảng, với dân.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ngày 2-12-1956 là một nét son chói lọi, là sự tiếp nối truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng và của nhân dân ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy bí mật nhà tù, gần 500 đảng viên cộng sản và đồng bào yêu nước bị kẻ thù giam giữ ở đây đã lập nên kỳ tích anh hùng: Với tay không, tự nổi dậy phá khám, cướp súng địch để trở về với Đảng, với dân.

Trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, đây là cuộc nổi dậy phá khám để tự giải phóng có quy mô lớn nhất, đưa được số lượng lớn cán bộ cốt cán của Đảng về với cách mạng và cướp được một số lượng vũ khí khá lớn (41 súng các loại). Thắng lợi của cuộc nổi dậy phá khám ở Tân Hiệp là nguồn bổ sung to lớn và vô cùng quý báu đối với lực lượng cách mạng miền Nam nói chung và các tỉnh miền Đông Nam bộ nói riêng trong những ngày đầu chuẩn bị cho phong trào khởi nghĩa vũ trang tiến lên Đồng khởi ở miền Nam.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp mãi mãi là niềm tự hào của những thế hệ chiến sĩ cách mạng đã qua và các thế hệ trẻ của Biên Hòa - Đồng Nai hôm nay và mai sau, đã và đang nối tiếp cha anh viết tiếp trang sử hào hùng của quê hương "Miền Đông gian lao mà anh dũng" trong đấu tranh và xây dựng.

2. Trận đầu diệt Mỹ.

Ít có đất nước nào mà lịch sử dân tộc lại gắn liền với lịch sử anh dũng chống ngoại xâm như đất nước Việt Nam. Ở đây, mỗi tên đất, tên làng đều trở thành những địa danh gắn liền với nhiều chiến công chói lọi. Từ buổi các vua Hùng dựng nước cho đến khi cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, dân tộc Việt Nam đã viết nên bao trang sử hào hùng. Thế kỷ XX khép lại bằng cuộc chiến thắng oanh liệt của dân tộc Việt Nam, một cuộc chiến đấu và chiến thắng kỳ diệu, góp phần đập tan chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ. Trong cuộc chiến đấu đó, trên mảnh đất Biên Hòa - Đồng Nai cũng đã làm nên nhiều chiến công xuất sắc, mà trận mở màn thắng Mỹ là trận đánh vào phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) tại văn phòng ở nhà máy của BIF ngày 07-07-1959.



Nhà máy cưa BIF (Bien Hoa Industrielle de Forestier - Biên Hòa kỹ nghệ rừng) là một trong những cơ sở công nghiệp đầu tiên ở Biên Hòa và miền Đông Nam bộ được Pháp xây dựng từ năm 1907 tại thôn Tân Mai, xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa. Đây là nhà máy có phong trào công nhân phát triển mạnh và nơi sớm hình thành tổ chức Công hội đỏ và chi bộ Đảng Cộng sản vào

những năm 30 thế kỷ 20. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhà máy có hàng trăm công nhân thoát ly đi kháng chiến, số công nhân ở lại đều tham gia tích cực ủng hộ kháng chiến. Trong chín năm thực dân Pháp lấy nhà máy làm Bộ chỉ huy trung đoàn bộ binh thuộc địa số 22 (22è RIC), đồng thời là Sở chỉ huy tiểu khu Biên Hòa, trụ sở Phòng Nhì Pháp để tìm kiếm đánh phá phong trào kháng chiến ở Biên Hòa và các tỉnh miền Đông.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, ngày 1-7-1958 dưới sức ép của chính quyền Ngô Đình Diệm, chủ nhà máy phải bán cơ sở này cho Trần Lê Xuân lập ra "công quản khai thác nhà máy cưa BIF". Sau đó văn phòng nhà máy trở thành cư xá của chuyên gia cố vấn quân sự Mỹ trong phái đoàn MAAG (Mission Army American Group), làm nhiệm vụ cố vấn, huấn luyện cho Sư đoàn 7 ở Biên Hòa.

Đánh Mỹ, diệt cố vấn Mỹ, ý định táo bạo đó bắt đầu hình thành trong suy nghĩ của một số cán bộ lãnh đạo Liên Tỉnh ủy miền Đông từ những tháng đầu năm 1959.

Tháng 2-1959, đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) đại đội phó C250, nguyên là Thị ủy viên thị xã Biên Hòa cùng một số chiến sĩ trong đơn vị được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử vào thị xã Biên Hòa để nắm tình hình đoàn cố vấn quân sự Mỹ. Sau khi bắt liên lạc và trao đổi nhiệm vụ với đồng chí Trương Văn Lễ, Bí thư Thị ủy Biên Hòa, các đồng chí thống nhất chọn mục tiêu tiến công là đoàn cố vấn Mỹ ở BIF.

Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Kiến Quốc) Trưởng ban Quân sự miền Đông viết thư và giao nhiệm vụ cho đồng chí Năm Hoa phối hợp với Thị ủy Biên Hòa, đồng thời phân công đồng chí Lâm Quốc Đăng, Phó ban Quân sự miền Đông trực tiếp chuẩn bị, tổ chức trận đánh.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Công tác chuẩn bị được tiến hành hết sức khẩn trương và tuyệt đối bí mật cả bên trong thị xã và bên ngoài căn cứ.

Cuối tháng 6-1959, Liên Tỉnh ủy và Ban Quân sự miền Đông thông qua phương án trận tập kích vào cư xá bọn cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa. Thời gian được ấn định vào 19 giờ ngày 7-7-1959.

Chiều tối ngày 5-7-1959, từ căn cứ Chiến khu Đ, phân đội đặc công gồm 6 đồng chí Hưng, Huệ, Bé, Phú, Sắc do Nguyễn Văn Hoa chỉ huy nhận lệnh xuất phát. Ngay đêm hôm đó, đơn vị đã về đến gò Cây Trâm Muối, rừng Tân Phong - khu căn cứ của Thị ủy Biên Hòa.

Tại đây, các đảng viên mật của chi bộ Sở cao su Bàu Hang đã lo sẵn địa điểm trú quân, chuẩn bị cơm nước phục vụ cho đơn vị.

Ngày 6-7-1959, đồng chí Bí thư Thị ủy vào căn cứ gặp mặt toàn đội, trao đổi thêm tình hình và kế hoạch tác chiến. Vũ khí phân đội mang theo ngoài mỗi người một khẩu tiểu liên còn có một quả mìn kích nổ bằng điện nặng hơn 3 kg. Quả mìn được giao cho đồng chí Huệ và đồng chí Sắc sử dụng đánh địch trong mũi chủ công. Đêm 6-7, phân đội bí mật hành quân về một vạt rừng chồi ở Gò Me, ém quân phía sau nhà má Nguyễn Thị Xuân (Ba Xuân), một cơ sở cốt cán của Thị ủy Biên Hòa.

17 giờ ngày 7-7-1959, đồng chí Hưng và anh Năm Lũy (con trai má Xuân) được lệnh ra quan sát mục tiêu lần cuối. Trong lúc đó, các đội viên tự vệ mật do đồng chí Bí thư Thị ủy chỉ huy cũng bắt đầu triển khai lực lượng phối hợp chiến đấu.

Khoảng 19 giờ, trời nhá nheo tối, phân đội hóa trang như một toán lính đi tuần từ Gò Me dọc theo bờ ruộng tiến thẳng vào khu cư xá. Các ám hiệu, tín hiệu của cơ sở cho thấy bí mật vẫn đảm bảo.

Bên trong cư xá, 6 tên cố vấn Mỹ đang chăm chú xem bộ phim "Cái áo rách" do diễn viên Kanne Grain đóng, chiếu bằng một máy chiếu nhỏ ở phòng khách tầng trệt.

Khi bọn lính đến phiên đổi gác, các chiến sĩ đặc công nhanh chóng theo lối công phụ tiến vào áp sát khu cư xá. Hai đồng chí bí mật núp sau cửa sổ chĩa súng vào bên trong sẵn sàng nhả đạn. Hai đồng chí Sắc và Huệ mang mìn theo lối cửa hông (lối xuống nhà ăn), lợi dụng lúc địch tắt đèn xem phim, đưa mìn vào đặt sẵn trong phòng.

Nhưng khi các anh mới vào phòng, đèn bỗng bật sáng. Cuốn phim thứ nhất đã kết thúc, tên trung sĩ Ovmand mở công tắc đèn để thay phim. Trước tình huống bất ngờ, đồng chí Năm Hoa ra lệnh nổ súng. Mấy loạt tiểu liên từ hai phía cửa sổ bắn thẳng vào phòng. Thiếu tá Buis mới tới Biên Hòa hai ngày và trung sĩ Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Cùng lúc, đồng chí Huệ ôm quả mìn bước lên bậc tam cấp cửa hông thì đụng phải tên bồi

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

bàn đang hốt hoảng chạy xuống. Tiếp đó, một tên Mỹ khác cũng nhảy xuống trườn qua phòng bên để tắt đèn. Không để cho địch kịp thời phản ứng và nhận rõ thời cơ diệt địch, đồng chí Huệ đã chấp nhận hy sinh. Anh hô to: “chấm điện”. Đồng chí Sắc ở phía sau chấp mạch hai đầu dây khối pin. Một quầng lửa chớp sáng kèm theo một tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả khu vực cư xá. Hệ thống đèn điện trong phòng phụt tắt. Đồng chí Huệ đã anh dũng hy sinh, đồng chí Sắc bị thương. Bốn đồng chí còn lại xông vào nhà quét vài loạt đạn vào nơi có tiếng kêu gào, rên la của bọn Mỹ và nhanh chóng dìu đồng chí Sắc, đưa tử sĩ rút ra ngoài.

Ngay lúc trận đánh diễn ra, đồng chí Nguyễn Thành Long, tự vệ mật đã kịp thời nổ súng diệt tên lính gác cổng. Một số tự vệ mật khác cũng nhanh chóng cho nổ thủ pháo ở khu nhà tên chỉ huy lính bảo vệ và trại lính, làm nhiệm vụ kèm chân địch, không cho chúng phản công đánh vào sau lưng phân đội đặc công.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút. Tất cả các đơn vị địch đều không kịp phản ứng, kể cả bọn lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án định sẵn, các chiến sĩ đặc công vượt lỗ hồng hàng rào, qua sân banh, băng lộ 15 hướng suối Sơn

Máu rút về chiến khu an toàn. Các chiến sĩ tự vệ nhanh chóng cất giấu vũ khí, thay đổi trang phục, trở lại cuộc sống bình thường của người dân phố thị.

Mãi một giờ sau trận đánh, bọn địch từ các nơi mới đến được cư xá Mỹ. Bọn quân cảnh, cảnh sát ở Sài Gòn cấp tốc kéo về Biên Hòa phối hợp truy lùng dấu tích các chiến sĩ cách mạng. Nhưng chúng không thấy gì ngoài những xác chết của đồng bọn. Suốt đêm tới sáng, lính địch nhón nháo khắp nơi nhưng chẳng phát hiện gì thêm ngoài một vài dấu vết chân do các tự vệ mật nghi trang để đánh lạc hướng truy tìm của địch.

Thế là sau mấy tháng âm thầm chuẩn bị với bao công sức của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Đông, trực tiếp là phân đội đặc công C250 và Đảng bộ nhân dân thị xã Biên Hòa, trận tập kích vào trụ sở phái đoàn quân sự Mỹ ở BIF (nhân dân thường gọi là Nhà Xanh) đã giành được thắng lợi.

Trận đánh ở "Nhà Xanh" đêm 7 rạng 8-7-1959 là trận đánh Mỹ đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Đông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngày nay, tại thủ đô nước Mỹ Oa-sinh-ton (Washington) trên bức tường đá ghi tên những quân nhân Mỹ chết trận tại Việt



Di tích Nhà xanh nằm trong khuôn viên trường Cơ điện Đồng Nai nay là trường Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai.
Ảnh tác giả chụp

Nam theo thứ tự thời gian thì Dale. R. Buis và Chester. M. Ovmand là hai lính Mỹ đầu tiên trong danh sách.

3. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa.

Sân bay Biên Hòa là một căn cứ quân sự do thực dân Pháp xây dựng trước năm 1945. Ban đầu chỉ là một sân bay dân dụng của Pháp. Đến năm 1943 phát xít Nhật xây dựng thành sân bay quân sự, đồng thời là xưởng sửa chữa máy bay thuộc xã Tân Phong. Năm 1958, Mỹ bắt đầu mở rộng xây dựng thành một sân bay quân sự lớn ở miền Nam. Đến năm 1964, thành sân bay quân sự thuộc loại tối tân nhất ở Đông Nam Á bấy giờ.

Sân bay quân sự Tân Phong Biên Hòa nằm ở tả ngạn sông Đồng Nai, cách thành phố Biên Hòa 1 km về phía bắc, cách Sài Gòn 30 km hướng đông bắc, diện tích 40 km vuông với hai đường băng dài 1.000 mét và 3.600 mét có trang thiết bị hiện đại, đảm bảo cho các loại máy bay cất cánh hạ cánh bất cứ ngày đêm, bất cứ thời tiết.

Sân bay có 5 khu chứa máy bay các loại, có lúc lên đến 460 chiếc. Đây là căn cứ xuất phát của các loại máy bay Mỹ đi đánh phá khắp miền Nam, miền Bắc, Lào và Campuchia. Đồng thời là căn cứ huấn luyện giặc lái cho không quân Sài Gòn. Ở đây, thường xuyên có 2.000 nhân viên kỹ thuật, lính thợ. Từ 1966 trở đi, sân bay là căn cứ của Sư đoàn 23 không quân Sài Gòn.

Sân bay được bố phòng nghiêm ngặt. Vòng ngoài được bao bọc bởi các lớp rào kẽm gai các loại có gài mìn, lựu đạn, trái sáng, bên trong có nhiều chướng ngại, hầm hố. Ngoài cùng là các ấp chiến lược, hệ thống đồn bót bao quanh.

Bên trong có nhiều con đường trải nhựa để xe cơ giới tuần tra; cách 100 - 150 mét lại có một lô cốt do 1 tiểu đội đóng giữ. Sân bay có hệ thống đèn pha soi sáng vào ban đêm. Lực lượng bảo vệ sân bay có một đại đội pháo binh, một đại đội thiết giáp, một đến hai tiểu đoàn bộ binh. Cổng ra vào sân bay có một đại đội an ninh quân đội kiểm soát. Thị xã Biên Hòa luôn túc trực 2 tiểu đoàn bộ binh ứng chiến sẵn sàng chi viện khi cần. Trên sông Đồng Nai thường xuyên có các giang thuyền tuần tra. Máy bay địch từ Tân Sơn Nhất có thể chi viện bất cứ lúc nào.

Từ tháng 4-1964, Bộ Tư lệnh Miền đã có chủ trương mở trận tập kích vào sân bay Biên Hòa để tạo điều kiện mở một chiến dịch vào cuối năm. Tổ điều nghiên của đoàn pháo binh Miền do Huỳnh Thành Đồng chỉ huy lên đường làm nhiệm vụ từ tháng 4. Biệt động thị xã Biên Hòa đã hỗ trợ rất tích cực để đội trinh sát hoàn thành nhiệm vụ.

Tháng 9-1964, đồng chí Lương Văn Nho, Đoàn trưởng pháo binh U80 Miền và bộ phận trinh sát về Chiến khu Đ trực tiếp làm việc cùng Tỉnh ủy, Tỉnh đội Phước Thành chuẩn bị cho trận đánh.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Trên đường hành quân, lực lượng phải mang vác vũ khí nặng qua nhiều ruộng lầy, rừng chồi, vượt qua nhiều đồn bót, áp chiến lược, trong đó có khoảng gần 10 km địa hình trống trải ở ngoại vi sân bay Biên Hòa. Nhân dân Chiến khu Đ đã cho mượn ghe xuồng để lực lượng bí mật vượt sông.

Đêm 31-10-1964, 7 khẩu đội cối 81 ly, 2 khẩu đội ĐKZ 75 ly, 2 khẩu pháo bộ binh 70 ly với 176 quả đạn đã bí mật chiếm lĩnh, xây dựng trận địa.

23 giờ 20 phút ngày 31-10-1964, các loạt pháo nổ đồng loạt vào các mục tiêu trong sân bay Biên Hòa. Các đồng chí Tô Thái, Tiêu Ngọc Tiên cán bộ chỉ huy trực tiếp đứng trên một chạc cây cao để quan sát và hiệu chỉnh cho pháo bắn.

Sân bay Biên Hòa bị bao trùm bởi tiếng nổ và khói lửa. Tiếng nổ làm chấn động cả thị xã Biên Hòa và thành phố Sài Gòn. Khi máy bay địch từ Tân Sơn Nhất lên bắn chi viện xuống các đường băng, các chiến sĩ pháo binh đã rút về Chiến khu Đ an toàn.

Kết quả ta bắn cháy, làm hư hại nặng 59 máy bay các loại, trong đó có 21 máy bay ném bom chiến lược B57 Mỹ vừa đưa sang, 11 phóng pháo cơ Xca-rai-đơ, một máy bay do thám U2, 3 máy bay lên thẳng, 1 kho đạn pháo 105 ly, 1 đài quan sát sân bay... Nhiều sĩ quan kỹ thuật, binh lính bị chết.



**Một máy bay của Mỹ bị hư hỏng sau cuộc tấn công của Pháo binh Miền vào Sân bay Biên Hòa.
Ảnh tư liệu (Ảnh baodongnai.com.vn)**

Trận tập kích bằng pháo vào sân bay Biên Hòa là đòn đánh bất ngờ gây choáng váng cho địch. Tổng thống Mỹ đang đi vận động tranh cử phải vội vã quay về Nhà Trắng để nghe báo cáo về sân bay Biên Hòa bị quân ta tiến công.

Taylor, đại sứ Mỹ ở miền Nam khi đến sân bay sáng ngày 1-11-1964, trước cảnh hoang tàn đổ nát khủng khiếp đã phải than vãn: "Rõ ràng Việt cộng đã làm một việc mà trước đây họ chưa hề làm, tôi không thích những chuyện như thế". Các báo chí phương Tây đều đưa tin về trận đánh với nội dung: Nếu Việt cộng đã đánh được sân bay Biên Hòa, thì họ có thể đánh bất cứ đâu khi họ muốn.

Trên báo Nhân Dân số ra ngày 12-11-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bài bình luận, kết thúc bằng 4 câu thơ:

"Uy danh lừng lẫy khắp năm
châu Đạn cối tuôn cho Mỹ bẽ đầu
Thành đồng trống vắng lay Nhà
Trắng Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu"

Đoàn pháo binh U80 của Miền đã được Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng huân chương Quân công giải phóng hạng nhất.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa lần này có ý nghĩa quan trọng, góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ, cũng là trận mở đầu cho hàng loạt trận tiến công vào sân bay chiến lược Biên Hòa sau này của các lực lượng vũ trang quân giải phóng miền Nam. Từ năm 1965 đến khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, các lực lượng vũ trang quân giải phóng ở Biên Hòa đã liên tục tiến công sân bay với mức độ hỏa lực mạnh hơn, tiêu diệt nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ và ngụy quyền, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường toàn miền Nam giành thắng lợi hoàn toàn.

4.Đặc công đánh căn cứ, kho tàng Mỹ ngụy ở Biên Hòa.

***Đánh kho Long Bình.**

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ đã tiến hành san ủi rừng lập Tổng kho Long Bình để đảm bảo hậu cần cho lực lượng quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Long Bình là kho hậu cần vào loại lớn nhất của Mỹ ở miền Nam, cung ứng bom đạn và các thiết bị chiến tranh cho quân đội Mỹ ở miền Nam.

Kho liên hợp hậu cần Long Bình chiếm diện tích khoảng 24 km vuông, cách thành phố Biên Hòa 7 km, Sài Gòn 30 km về hướng đông, phía bắc có một dãy đồi gồm 16 mỏm nối tiếp nhau chạy dài từ bắc xuống nam theo hình cánh cung. Phía nam có sông Đồng Nai chảy từ thành phố Biên Hòa xuống tây nam căn cứ Long Bình đổ ra sông Lòng Tàu. Phía đông có sông Buông chảy từ đông sang tây. Phía bắc có đường Quốc lộ 1 và đường sắt đi Long

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Khánh. Phía tây giáp xa lộ Biên Hòa Sài Gòn. Kho liên hợp Long Bình là khu kho dự trữ quan trọng, ngoài bom đạn, xăng dầu, còn tập trung nhiều loại thiết bị và phương tiện chiến tranh khác. Long Bình còn là nơi đóng các bộ chỉ huy của Mỹ như: Bộ Tư lệnh hậu cần số 1, Bộ Tư lệnh lục quân, Bộ Tư lệnh dã chiến 2... Lực lượng chiếm đóng và bảo vệ thường xuyên tại đây có 2.000 tên Mỹ, chủ yếu là nhân viên kỹ thuật, lực lượng bảo vệ, vận tải, sửa chữa. Bao quanh khu kho Long Bình có từ 7 đến 9 lớp rào kẽm gai các loại, có hướng đến 10 - 12 lớp, có gài mìn, lựu đạn. Từng khu một trong kho đều có hàng rào ngăn cách. Bên trong khu kho có nhiều đường để cơ giới tuần tra.

Ngoài lực lượng bảo vệ tại chỗ, về phía đông nam Long Bình có căn cứ Nước Trong, đông bắc có cứ điểm Long Lạc và nhiều đồn bót xung quanh thuộc Quân đoàn 3, sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất... sẵn sàng chi viện khi kho bị tấn công.

Trong Tổng kho Long Bình, hai khu quan trọng là khu kho đôi 53 và 50. Kho đôi 53 có diện tích khoảng 3,75 km mét vuông (rộng 1,2 km, dài 2,5 km), có 18 dãy với khoảng 200 gian kho, chia thành 3 khu lớn, mỗi khu 6 dãy, mỗi dãy cách nhau 100 mét, các nhà cách nhau 60 mét. Nhà kho rộng 25 mét, cao 5,5 mét, có ụ đất dày bao bọc xung quanh chống được các loại pháo bắn thẳng, cửa làm bằng sắt dày 10 ly, có khóa kim loại cứng.

Từ cuối năm 1965, đặc công U1 (Biên Hòa) đã tiến hành nghiên cứu Tổng kho Long Bình. Nhiều lần đột nhập vào bên trong kho để trinh sát, lên sơ đồ, đặc biệt là kho đôi 53 và đôi 50. Bom đạn chất thành từng dãy, cách nhau một con đường hẹp, chỉ cần nổ một kho sẽ gây chấn động làm nổ lan ra các kho khác trong khu vực.

Ngày 22-6-1966, sáu đặc công gồm: Nguyễn Tấn Vàng (Ba Vàng) mũi trưởng, Nguyễn Văn Thái (Tur Già) mũi phó, Bùi Văn Hòa, Trịnh Văn Toàn, Phạm Văn Hòa, Nguyễn Văn Rô vào được mục tiêu, chia làm 3 tổ do Nguyễn Văn Vàng, Nguyễn Văn Thái, Bùi Văn Hòa làm tổ trưởng. Ba tổ bí mật vượt qua các lớp rào, lọt vào khu kho đôi 53. Theo kế hoạch, cứ cách 1 hoặc 2 kho các anh đặt một quả mìn.

Đêm 22-6, khi các chiến sĩ đã đặt trái xong, rút khỏi mục tiêu, khu kho đôi 53 bắt đầu nổ tung. Tiếng nổ làm chấn động cả Biên Hòa và Sài Gòn. Lửa khói từ trong kho Long Bình cuộn lên thành hình cây nấm khổng lồ. Tiếng nổ liên



*Hình ảnh tổng kho Long Bình
bị đặc công U1 tấn công.
Ảnh: baodongnai.com.vn*

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

tục đến ngày hôm sau. Bốn mươi ngàn quả đạn đại bác ở khu kho đồi 53 bị phá hủy.

Báo chí của địch ở Sài Gòn đã đưa tin Tổng kho Long Bình bị Việt cộng tấn công. Sáng 23-6, tên tướng Tư lệnh hậu cần Mỹ lên hiện trường đã chứng kiến cảnh đổ nát hoang tàn của khu kho 53. Khi được hỏi có biết Việt cộng tấn công kho không, hắn trả lời: "Nếu tôi biết Việt cộng đánh kho, tôi đã là họ rồi".

Đây là trận tiến công đầu tiên vào Tổng kho Long Bình của Mỹ, phá hủy và gây thiệt hại nặng cho địch, ta giành thắng lợi lớn, mở đầu cho hàng loạt trận tiến công sau này của đặc công Biên Hòa.

Đặc công Biên Hòa đã được Trung ương Cục, Quân ủy Miền tặng Huân chương Quân công hạng 3 cho đơn vị và 4 Huân chương Chiến công hạng 3 cho các chiến sĩ đã lập công đầu.

Nét nổi bật của đặc công Biên Hòa là sẵn sàng chiến đấu phối hợp kịp thời, nhịp nhàng cùng chiến trường miền Nam theo chỉ đạo của Bộ chỉ huy Miền. Trong 3 tháng 10, 11, 12-1966, để hỗ trợ toàn miền đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 của Mỹ, đặc công U1 đã ba lần tấn công kho Long Bình, phá hủy 353.000 quả đạn pháo 105, 155, 175 ly.

Tháng 2-1967, khi đế quốc Mỹ chuẩn bị mở trận càn Gian-xon-xi-ty (Junction City) vào căn cứ bắc Tây Ninh, các lực lượng đặc công, biệt động Biên Hòa đã liên tục tấn công vào hai mục tiêu sân bay Biên Hòa và kho Long Bình.

Cùng lúc đội 1 đặc công tấn công sân bay Biên Hòa, đêm 3-2-1967, đội 2 đặc công U1 đánh vào khu kho đồi 53 với 4 quả mìn hẹn giờ. 2 giờ 45 phút ngày 4-2, khu kho đồi 53 lại bị nổ tung, tiếng nổ kéo dài suốt 30 giờ đồng hồ. Ta phá hủy 40 dãy kho với 800.000 quả đạn đại bác của Mỹ.

Địch chưa hết bàng hoàng trước các trận đánh của đặc công thì đầu tháng 3-1967, biệt động thị xã Biên Hòa do hai chiến sĩ Sáu Châu, Sáu An chỉ huy đã đánh vào kho xăng dầu Biên Hòa nằm cách cầu Gành 200 mét, dùng mìn hẹn giờ làm nổ tung 2 bồn chứa xăng dầu và 200 phuy xăng, thiêu hủy hàng triệu lít xăng dầu.

Đợt đánh của đặc công, biệt động Biên Hòa cuối năm 1966, đầu năm 1967 đã thực sự đánh thủng "dạ dày" của Mỹ, phá hủy một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh của chúng, hỗ trợ đặc lực cho chiến trường toàn miền. Thắng lợi lớn của đặc công Biên Hòa chào mừng một sự kiện lớn: "Bình chủng Đặc công Quân đội nhân dân Việt Nam chính thức thành lập ngày 19-3-1967"

Trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, Tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh vào khu kho đồi 53, phá hủy 127 dãy kho bom đạn. Đặc công Biên Hòa (tiểu đoàn 1) cùng Sư đoàn 5 (chủ lực Miền), Trung đoàn ĐKB

pháo binh Miền tiến công vào sân bay quân sự Biên Hòa, phá hủy 120 máy bay các loại. Chiến dịch xuân Kỷ Dậu 1969, đại đội 9 Tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh khu kho đồi 50, 53, bom pháo bị phá hủy, nổ liên tục trong 7 ngày đêm.

Mùa xuân 1972, chiến dịch toàn miền, chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra ở miền Đông Nam bộ. Tiểu đoàn 1 và 2 đặc công Biên Hòa được Bộ chỉ huy Miền quyết định điều động làm nòng cốt để xây dựng đoàn đặc công 113.

Trên cơ sở điều nghiên trước đó của đặc công Biên Hòa, ngày 12-8-1972, tiểu đoàn 9 đặc công Đoàn 113 gồm 57 chiến sĩ chia làm 3 mũi đột nhập vào khu kho đồi 53. Thuận lợi là trong đêm đó, địch mở cửa kho để xả hơi, do đó đặc công ta vào được trong kho đặt mìn vào các dãy kho. Từ 1 giờ 40 phút đến 4 giờ 30 phút ngày 13-8-1972, khu kho đồi 53 bị nổ tung, phá hủy 5.430 tấn bom đạn, 200 tấn thuốc nổ và một số kho tàng, nhiên liệu khác, phá hủy 17 gian nhà lính, 300 lính Mỹ ngụy đền tội.

Các đơn vị tham gia trận đánh đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng 3, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng 2, 16 Huân chương Chiến công giải phóng cho các chiến sĩ.

***Tấn công kho Thành Tuy Hạ và đánh tàu trên sông Lòng Tàu.**

Thành Tuy Hạ là kho dự trữ bom đạn lớn của Mỹ ở miền Nam, có tính chất trung chuyển đi các nơi. Kho đạn Thành Tuy Hạ do Pháp xây dựng, được Mỹ sửa chữa, nâng cấp và mở rộng.

Kho nằm về phía đông nam Sài Gòn khoảng 18 km, kẹp giữa hai con lộ 25 và 19 thuộc huyện Nhơn Trạch, Biên Hòa (cũ). Kho có chiều dài 1,5 km, rộng 1 km. Phía bắc, sát hàng rào kho có lộ 25 từ cảng Cát Lái xuống kho Long Bình. Con sông Sâu song song với lộ 17 từ Cát Lái chảy vào sông Đồng Nai, chiều rộng 400 mét, sâu 13 mét, nước chảy xiết, bờ nam sông có 3 cảng cách nhau từ 200 đến 250 mét. Tàu trọng tải 6.000 tấn ra vào cảng dễ dàng. Phía đông, kho giáp rừng cao su, rừng chồi Phú Hội, có nhiều trảng trống. Phía nam có nhiều khoảng rừng trống, ruộng và các ấp chiến lược: Soài Minh, Ông Kèo ven lộ 19. Phía tây có ấp chiến lược Phước Lý và lộ 19.

Bao bọc quanh kho là 14 lớp hàng rào kẽm gai tổng hợp, chia làm 3 tuyến phòng thủ. Mỗi tuyến đều có hệ thống lô cốt, hầm hào và nhiều chướng ngại vật.

Lực lượng địch bảo vệ kho có một tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn quân cụ, một trung đội cảnh sát và khoảng 100 chó béc giê, một số xe jép có gắn đại liên để cơ động tuần tiễu quanh kho. Kho còn được yểm trợ của lực lượng giang thuyền (18 chiếc) từ Nhà Bè, Cát Lái đến kho Long Bình.

Từ năm 1965, sông Lòng Tàu trở thành đường vận chuyển chiến lược của Mỹ để đưa thiết bị chiến tranh vào miền Nam. Hàng ngày có đến 30 tàu vận tải quân sự 6.000 đến 13.000 tấn ra vào sông Lòng Tàu.

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Tháng 6-1966, đặc khu Rừng Sác được thành lập, sau này gọi là Đoàn 10 đặc công Rừng Sác. Đặc khu là một khu vực quân sự đặc biệt rộng 60.000 hecta.



Những hình ảnh tái hiện về Đoàn 10 đặc công trong Rừng Sác trước giờ ra trận. Ảnh baophapluat.vn

Nhiệm vụ của Đoàn 10 đặc khu Rừng Sác là: đánh tàu chở hàng quân sự trên sông Lòng Tàu, đảm bảo một hướng tiến công vào đầu não, sào huyệt cuối cùng của địch và đánh cảng quân sự nhằm phá hủy các phương tiện chiến tranh, nhiên liệu của địch; hỗ trợ phong trào cách mạng địa phương; xây dựng bàn đạp hành lang, tạo thế vững chắc để có thể hoạt động trong mọi điều kiện...

Đoàn 10 đặc công Rừng Sác hoạt động ở địa hình sông nước, phức tạp, thường xuyên thiếu nước ngọt, lương thực, lại phải liên tục chống địch càn quét. Đoàn phải bám dân xây dựng cơ sở cách mạng, phát huy tinh thần tự lực tự cường, ngoài vũ khí được trang bị, Đoàn 10 còn phải tự sáng tạo vũ khí để đánh địch. Đoàn 10 đã rèn luyện thành thục, giỏi bơi lặn, nhờ vậy đã đánh được tàu địch đang di chuyển trên sông, tàu địch cập cảng, các kho tàng (mục tiêu trên bộ), các bến bãi (mục tiêu dưới nước), đánh giao thông đồn bót và pháo kích, áp sát các mục tiêu, đánh sâu vào nội thành.

Trên địa bàn Biên Hòa, hai trận đánh kho Thành Tuy Hạ của Đoàn 10 đặc công Rừng Sác phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Đêm 11-11, lực lượng đặc công do Nguyễn Hữu Hòa chỉ huy đã vượt qua các lớp rào kẽm gai với nhiều bãi mìn, lựu đạn. Mười sáu khối thuốc nổ hẹn giờ được gắn vào các kho bom, chất nổ. Kho bom Thành Tuy Hạ nổ tung, gây thành đám cháy lớn. Hơn 10.000 tấn bom đạn, 33 nhà kho bị hủy diệt.

Sau trận tháng 11, địch tăng cường phòng thủ kho càng nghiêm ngặt hơn, lập thêm nhiều hàng rào thiếc cao 2,5 mét, chôn sâu xuống đất 3 tấc quanh chu vi kho, không thể cắt được. Địch tăng cường phục kích giữa hai lớp rào, cách 15 mét lại có đèn cao áp soi sáng.

16 giờ ngày 10-12, chiến sĩ đặc công Đoàn 10 do đội trưởng Quyết chỉ huy lên đường từ khu lòng chảo (Nhơn Trạch) đến bàn đạp thị trấn. 23 giờ ngày 11-12, đội đặc công với 24 khối chất nổ C4 hẹn giờ và dụng cụ chiến đấu thả người theo dòng nước. Cả tổ đến khu kho vào lúc 3 giờ ngày 12-12 và ém lại trong kho. 19 giờ, đội trưởng Quyết vận động về phía nam 500 mét đã tìm thấy kho bom. Anh quay trở lại đưa cả tổ vào khu vực đánh.

Mỗi dãy kho cách nhau từ 15 đến 20 mét. Các chiến sĩ đặt khối thuốc nổ theo cách nổ lan truyền từ trong ra với các dãy 1,3,5,7,9. 2 giờ 55 phút ngày 13-12-1972, kho bom Thành Tuy Hạ lại nổ tung.

Tiếng nổ làm chấn động cả Sài Gòn. Tiếng nổ và cháy liên tục đến ngày 14-12 mới chấm dứt. Ta đã phá hủy 8 dãy nhà (80 gian) gồm 47 gian kho đạn pháo 105 ly chiếm 109.557 mét khối; 14 gian kho bom CBU chiếm 33.937 mét khối, 19 gian kho chứa bom khác chiếm 60.192 mét khối. Tính về trọng lượng, đặc công đã phá hủy 18.057 tấn, bằng 80% số lượng bom đạn của khu kho.

Bộ chỉ huy Miền đã tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng 3 cho tổ chiến đấu và 5 Huân chương Chiến công cho 5 chiến sĩ đặc công.

Đặc công ra đời ở Biên Hòa thời kỳ chín năm đã phát huy tác dụng chiến đấu lấy ít đánh nhiều, thắng to, ta ít thương vong. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đặc công Biên Hòa tiếp tục phát huy đánh sân bay Biên Hòa, kho liên hợp Long Bình, Thành Tuy Hạ, làm thiệt hại tiềm lực chiến tranh của địch ở miền Nam, hạn chế khả năng chi viện hỏa lực của chúng, tạo điều kiện cho các chiến trường bạn đánh thắng địch. Những chiến thắng ở sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, Thành Tuy Hạ mãi mãi ghi truyền sử sách.

5. Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 là một sự kiện quan trọng có ý nghĩa chiến lược, làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải ngồi vào bàn hội nghị tại Pa-ri và từng bước rút quân viễn chinh Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Tháng 10-1967, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có Nghị quyết mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy, tiến công vào toàn bộ các đô thị của địch ở miền Nam Việt Nam. Nghị quyết của Bộ Chính trị đã được Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 14 thông qua vào tháng 1-1968.

Chuẩn bị cho cuộc tiến công, chiến trường Đồng Nai có sự điều chỉnh lại gồm các đơn vị chiến trường như sau:

- Tỉnh U1 (thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom)
- Hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch và Sở cao su Bình Sơn thuộc về Phân khu 4.
- Huyện Long Khánh, Định Quán thuộc tỉnh Bà Rịa-Long Khánh.

Cùng với quân dân toàn miền Nam, trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân 1968, quân và dân Đồng Nai đã tiến công đồng loạt vào các thị xã, thị trấn làm chủ được địa bàn. Tuy nhiên, thắng lợi và ác liệt nhất là ở thành phố Biên Hòa.

Thị xã Biên Hòa, một trọng điểm của chiến trường miền Đông, các mục tiêu tiến công quan trọng là: sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, Bộ Tư lệnh

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

2 dã chiến Mỹ (trong khu vực Long Bình), Quân đoàn 3 ngự, Nha cảnh sát miền Đông...

Đồng chí Lê Đức Anh, Tư lệnh phó - Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền đã trực tiếp về căn cứ Tỉnh ủy ở Bàu Sao (Trảng Bom) để triển khai Nghị quyết Trung ương cục, Bộ chỉ huy Miền, giao nhiệm vụ cho Tỉnh ủy Biên Hòa (U1) và Bộ Tư lệnh sư 5.

Đồng chí Lê Đức Anh chỉ định Bộ chỉ huy mặt trận Biên Hòa gồm có: Tư lệnh: đồng chí Trần Minh Tâm, Sư trưởng Sư đoàn 5 Miền; Phó tư lệnh: đồng chí Trần Công An, Tỉnh đội trưởng U1; Chính ủy mặt trận: đồng chí Sáu An; Chính ủy Sư đoàn 5 Miền: đồng chí Dũng; đồng chí Phan Văn Trang là Phó chính ủy mặt trận.

Bố trí lực lượng tại mặt trận thị xã Biên Hòa gồm Sư đoàn 5 chủ lực Miền; lực lượng phối hợp thuộc Trung đoàn 4, Trung đoàn DKB và tiểu đoàn 1 và 2 đặc công 1, đội biệt động thị xã; bộ đội địa phương và du kích các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom.



Sân bay Biên Hòa bị tiến công bốc cháy trong trận đánh Tết Mậu Thân 1968.

Ảnh tư liệu

2 giờ sáng ngày 31-1-1968 (đêm 30 tết Mậu Thân), trận địa pháo Trung đoàn DKB tại Hiếu Liêm đúng giờ G ngày N đã bắn cấp tập vào sân bay Biên Hòa, làm hiệu lệnh cho cuộc tiến công và nổi dậy ở Biên Hòa. Ngay phút đầu, đoàn pháo 724 đã bắn trên 120 viên đạn pháo tên lửa trúng khu nhân viên kỹ thuật, Sở chỉ huy sân bay, kho xăng, kho đạn trong sân bay Biên Hòa. Những cột khói lớn bốc lên từ sân bay xen lẫn với tiếng nổ, ánh chớp của lửa đạn.

Đại đội 1 thuộc Tiểu đoàn 1 đặc công Biên Hòa, Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn 4 có biệt động dẫn đường đã dùng bộc phá đánh bung các lớp rào kẽm gai, tiến vào sân bay, dùng B40, thủ pháo tiến công các khu vực chứa máy bay, phá hủy 120 máy bay các loại. Máy bay Mỹ từ sân bay Tân Sơn Nhất đã lên phản kích ác liệt, xe tăng địch từ Hóc Bà Thức tấn công vào sườn của Tiểu đoàn 1, bịt kín lối ra sân bay. Đại đội 1 đã kiên cường bám trụ đánh trả máy bay, xe tăng, bộ binh của địch. Đại đội 1 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời phát triển vào khu cư xá của giặc lái và chuyên viên kỹ thuật, diệt và làm bị thương hàng trăm tên. Đại đội 1 Tiểu đoàn 1 đã hy sinh anh dũng trong sân bay (chỉ còn 1 đồng chí trở về).

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Đặc công Sư 5 và Biệt động thị xã đã tiến công phía tây Sở chỉ huy Quân đoàn 3. Lực lượng đã bám trụ đánh địch phản kích ác liệt, kiên quyết giữ bàn đạp để hỗ trợ Tiểu đoàn 1 ở sân bay. Lực lượng tuy có bị thương vong, nhưng đã chiến đấu kiên cường.

Cùng thời gian, Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 5 Sư 5 và đặc công sư đoàn tiến công vào Bộ Tư lệnh Dã chiến II của Mỹ ở Long Bình. Đại đội 6 tiến công vào sân bay phá hủy nhiều máy bay trực thăng. Máy bay địch từ sân bay Tân Sơn Nhất lên bắn rốc két ngay vào đội hình và triển khai xe tăng bao vây tiểu đoàn. Tiểu đoàn 2 bị thương vong. Ở khu ngoại vi kho Long Bình, Đại đội C92 pháo mặt đất chống trả quyết liệt với Lữ đoàn 199 Mỹ, anh dũng chiến đấu đẩy lùi 5 đợt phản kích của địch. Tiểu đoàn 2 đặc công U1 do đồng chí Nguyễn Văn Thái (Tur Già) chỉ huy đột nhập kho kho đò 53, đặt trái đã phá hủy 127 kho chứa bom đạn của Mỹ. Tiếng nổ kéo dài đến mấy ngày sau chưa dứt.

Tại các vùng ngoại và nội ô như: Hiệp Hòa, ấp Bình Đa, Lân Thành, Tân Thành... cơ sở tại chỗ nổi dậy treo cờ, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân, diệt một số tên tay sai ác ôn. Em Lê Minh Tâm (15 tuổi), con của má Bảy Vết đã dũng cảm đưa hơn 20 chiến sĩ biệt động đang trụ tại trường Mỹ nghệ vượt vòng vây địch để về Hòa An. Gần 20 cán bộ chiến sĩ của Sư 5 đi lạc đã được nhân dân ấp Bình Đa nuôi dưỡng trong nhà, mấy ngày sau cơ sở lại tìm cách lườn lách đưa 20 cán bộ, chiến sĩ về căn cứ an toàn.

Sáng mùng 3 Tết (2-2-1968), Bộ chỉ huy Mặt trận cho các lực lượng rút khỏi thị xã để củng cố đội hình tiếp tục đánh địch phản kích và chuyển hướng đánh địch ở khu vực Định Quán (đường 20).

Xuân Mậu Thân 1968, lần đầu tiên lực lượng quân giải phóng đã xuất hiện và tiến công địch tại thị xã Biên Hòa và các thị trấn, huyện lỵ trong tỉnh. Cuộc tiến công đồng loạt cho thấy tinh thần dũng cảm của quân giải phóng. Nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm của bộ đội được nhân dân khâm phục. Tấm lòng của nhân dân thị xã Biên Hòa thể hiện rõ trong việc tiếp tế lương thực, che giấu chiến sĩ, chỉ đường cho bộ đội về căn cứ.

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân ta ở Biên Hòa đã cùng với toàn miền Nam giáng một đòn nặng nề vào kẻ thù, đe dọa ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh.

6. Chiến dịch Xuân Lộc đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Xuân Lộc - Long Khánh luôn luôn là một trong những trọng điểm "bình định" của Mỹ ngụy ở miền Đông Nam bộ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ địa phương, quân dân Xuân Lộc - Long Khánh đã lập nên những chiến công xuất

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

sắc, đặc biệt trong trận quyết chiến chiến lược mùa xuân 1975, đập tan cánh cửa thép của Mỹ nguy ở phía đông bắc Sài Gòn, góp phần to lớn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cuối tháng 3-1975, trước sức mạnh tiến công và nổi dậy của quân và dân ta trên khắp chiến trường miền Nam, Quân đoàn I và II của nguy bị đập tan, các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên được giải phóng, chế độ tay sai ở Sài Gòn đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, ngày 28-3-1975, trung tướng Mỹ Uây-en, đại sứ Mỹ Mác-tin cùng phái đoàn quân sự cao cấp của Nhà Trắng đến Sài Gòn bàn định việc cứu nguy cho chế độ nguy ở Sài Gòn.

Uây-en quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ mới chốt tại thị xã Phan Rang, nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm và Tây Ninh là chốt phía tây bắc. Uây-en nhấn mạnh với Thiệu là "Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn". Ngay trong ngày 28-3, Uây-en cùng tướng nguy Cao Văn Viên bay lên Xuân Lộc để thị sát và trực tiếp chỉ huy xây dựng tuyến phòng thủ Xuân Lộc. "Tuyến phòng thủ thép Xuân Lộc" được xây dựng với hàng ngàn lính thuộc các đơn vị tinh nhuệ nhất của chúng ở Quân đoàn 3 như: Sư đoàn 18, Lữ đoàn dù số 1, Liên đoàn 7 biệt động quân, Lữ đoàn 3 thiết giáp... Nguyễn Văn Thiệu đã hứa hẹn với quan thầy: "Dù có chết, tôi cũng quyết giữ cho được Xuân Lộc".

Nhận thức rõ tính chất quan trọng và vị trí chiến lược của thị xã Long Khánh, Hội nghị của Khu ủy miền Đông (từ 31-1-1975 đến 8-2-1975) đã xác định: "Thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân của mình"

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Khu ủy và Tỉnh ủy, Thị ủy Long Khánh đã hạ quyết tâm: Dùng ba mũi chính trị, binh vận kết hợp với vũ trang và cơ sở mật bên trong để bức hàng, bức rút các đồn, bót địch ở các xã vùng ven, tạo bàn đạp cho chủ lực (Quân đoàn 4) tiến công tiêu diệt địch ở thị xã Long Khánh.

Đến cuối tháng 3-1975, bằng lực lượng tại chỗ, thị xã Long Khánh đã giải phóng 4 ấp phía bắc thị xã: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chòn, Bình Lộc. Trong lúc đó, bộ đội tỉnh, huyện tiến công giải phóng Suối Cát, ngã ba Ông Đồn đến Trà Tân 2 (lộ 3), đồn điền cao su Ông Quế, bức rút đồn Nam Hà, Mai Thọ Bích, tua Mã Trắng, bộ đội khu giải phóng Định Quán, làm chủ lộ 20.

Như vậy, trước chiến dịch Xuân Lộc, các lực lượng vũ trang Long Khánh đã giải phóng các vùng ven thị xã, tạo bàn đạp đứng chân cho chủ lực Quân đoàn

Mặt khác, nhân dân thị xã Long Khánh đã chuẩn bị lương thực, thực phẩm cung cấp cho chiến dịch. Nhân dân đã đưa vào các kho dự trữ 7.500 tấn gạo,

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

17.000 ống thuốc cầm máu, 43.000 lọ thuốc kháng sinh, 4.000 kg bột ngọt, hàng chục triệu đồng và nhiều hàng hóa khác phục vụ chiến dịch.

Thắng lợi của Đảng bộ, quân dân Long Khánh trước chiến dịch Xuân Lộc đã được Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đánh giá cao: “Việc áp sát của quân khu chung quanh thị xã đã tạo điều kiện cho Miền quyết định đánh chiếm tiểu khu Long Khánh”.

Từ ngày 4-4-1975, đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã bí mật dẫn đường cho trinh sát Sư đoàn 1, Sư đoàn 7 (Quân đoàn 4) vượt qua các hàng rào, tua, chốt gác của địch vào thị xã điều nghiên, nắm tình hình và lên phương án tác chiến. Hàng ngàn lá cờ Mặt trận đã được Thị ủy Long Khánh chuyển vào cho các cơ sở bí mật bên trong. Truyền đơn binh vận được rải nhiều nơi, đánh vào tư tưởng, làm rệu rã thêm tinh thần của binh lính ngụy.

Sáng ngày 9-4-1975, chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu. Sau các loạt pháo bắn cấp tập vào những mục tiêu trong thị xã, các cánh quân của ta nổ súng tiến công trên hai hướng đông bắc và tây bắc. Chỉ sau một giờ chiến đấu, quân ta đã chiếm được căn cứ biệt động quân, trụ sở tình báo CIA Mỹ ở nội ô thị xã.

Trên hướng tây thị xã, Sư đoàn 6 vẫn làm chủ lộ 1 từ đèo Mẹ Bồng Con đến ấp Phan Bội Châu. Hướng bắc thị xã, Tiểu đoàn 445 bộ đội địa phương tỉnh và K8 - bộ đội huyện đánh tan Liên đoàn 936 tại Bình Phú, Suối Cát, bắt sống 117 tên. Từ ngày 11 đến 13-4, các lực lượng du kích và bộ đội địa phương bao vây căn cứ Núi Thi, giải phóng các xã và các đồn điền cao su.: Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Suối Râm... mở rộng bàn đạp đứng chân cho các đơn vị bộ đội chủ lực.

Ngày 12-4, địch cho máy bay oanh kích dữ dội xuống các vị trí trong nội ô thị xã Long Khánh và khu vực phía bắc chi khu Tân Phong. Lữ đoàn dù ngụy số 1 được máy bay đổ xuống ngã ba Tân Phong phối hợp cùng Sư đoàn 18 bên trong đánh ra để giải tỏa áp lực của quân ta.

Để tránh thiệt hại cho dân, Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ đạo tập trung hóa lực mạnh, sử dụng pháo binh cấp tập diệt các cứ điểm quân sự bên trong thị xã, kéo địch ra ngoài thị xã từ công ngã ba Dầu Giây lên giáp với Lâm Đồng. Ngày 15-4, Sư đoàn 6 diệt gọn Chiến đoàn 52 thuộc Sư 18 ngụy ở ngã ba Dầu Giây, giải phóng hoàn toàn lộ 20, làm chủ phía tây thị xã. Địch đưa bộ chỉ huy nhẹ Quân đoàn 3 lên Trảng Bom để chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa, nhưng các mũi ứng cứu của địch trên quốc lộ 1 đều bị đập tan.

Liên tục trong các ngày từ 16 đến 19-4, quân ta bắn hàng ngàn quả đạn pháo vào các mục tiêu quân sự của địch trong thị xã. Đảng viên, cơ sở cốt cán và quần chúng đã vận động làm tan rã hàng trăm binh lính địch.

Trong cơn tuyệt vọng, địch càng tỏ ra điên cuồng, chúng cho máy bay trút bom đạn vào thị xã và vùng ven (trong đó có hai quả bom hơi ngạt CBU).

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Thế cùng, bọn đầu sỏ chỉ huy lập kế hoạch rút chạy. Ngày 18-4, Lữ đoàn dù số 1 nhận lệnh rút về phía nam chi khu Tân Phong để yểm trợ cho hướng rút chạy trên liên tỉnh lộ 2. Tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 ngụy ra lệnh "tùy nghi di tản".

22 giờ ngày 20-4-1975, hơn 220 xe quân sự của địch chen nhau rút chạy về hướng lộ 2. Quân ta tổ chức chốt chặn và truy kích, bắt sống tên đại tá Tỉnh trưởng Phạm Văn Phúc và đám tùy tùng. Rạng sáng ngày 21-4-1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch tại thị xã Long Khánh ở phía đông bắc Sài Gòn hoàn toàn bị phá vỡ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng. Thị xã Long Khánh hoàn toàn được giải phóng.

Ngày trong đêm 2-14, khi phòng tuyến Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức, tìm đường trốn chạy ra nước ngoài. Cùng trong thời điểm này, bên kia bờ đại dương, tổng thống Mỹ cũng công khai nhìn nhận: Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc với Mỹ.

Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng khẳng định sự sáng suốt lựa chọn điểm yếu của địch; chỉ đạo mở chiến dịch tiến công có ý nghĩa quyết định toàn cuộc của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền; giúp Trung ương hạ quyết tâm mở chiến dịch mang tên Bác Hồ "chiến dịch Hồ Chí Minh" giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Đây là một điểm son chói lọi ghi đậm dấu ấn lịch sử trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Long Khánh, Đồng Nai, là tài sản vô giá của quê hương, là niềm tự hào của thế hệ hôm nay và mai sau.



*Tiếp quản Tiểu khu Long Khánh. Ảnh tư liệu
(Ảnh từ nguồn <http://www.qdnd.vn>)*



*Bộ đội ta tiến vào giải phóng Xuân Lộc. Ảnh: Tư liệu
Ảnh từ nguồn <http://www.bienphong.com.vn>*

7. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai.

Ngày 10-3-1975, trận đánh chiếm Buôn Ma Thuột mở đầu cho chiến dịch mùa xuân 1975 trong tháng 3-1975, Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng. Kế tiếp sau đó là chiến dịch Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, ta giải phóng hoàn toàn Quân khu 1 và 2 của ngụy, giải phóng một vùng rộng lớn ở miền Trung và duyên hải miền Trung. Trong cơn hoảng loạn, địch phải thực hiện chiến thuật "tùy nghi di tản", rút bỏ hàng loạt vị trí để xây dựng tuyến phòng thủ phía đông cố giữ cho được Sài Gòn, miền Đông và miền Tây Nam bộ, hy vọng tìm một giải pháp chính trị hòng duy trì chế độ tay sai ở Sài Gòn.

Trước thời cơ cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các lực lượng tiến công giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Tuyến phòng thủ thép Xuân Lộc bị đập tan, thị xã Biên Hòa là tuyến phòng thủ án ngữ cuối cùng của chế độ Sài Gòn. Biên Hòa cũng là cửa ngõ của đại quân ta vào Sài Gòn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh đã triển khai trên hướng Biên Hòa với quân đoàn 2 và quân đoàn 4.

* Quân đoàn 2 từ lộ 2 Xuân Lộc tiến về Long Thành, Nhơn Trạch để về Sài Gòn. Quân đoàn 2 đã đánh dứt điểm các cứ điểm mạnh của địch ở Suối Râm, Nước Trong, một phần kho Long Bình, chi khu Long Thành, Nhơn

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Trạch, giải phóng hoàn toàn hai huyện này vào ngày 7-4-1975.

* Quân đoàn 4 từ Sở cao su Bình Lộc bắt đầu đánh địch vào ngày 25-4-1975, triển khai lực lượng đánh dứt điểm địch tại ngã ba Dầu Giây, Sông Thao, chi khu Trảng Bom... Quân đoàn đánh địch, giải phóng đến đâu, chính quyền địa phương tiếp quản đến đó. Quân đoàn đánh chiếm Quân đoàn III nguy, sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình. Sư đoàn 6 ở lại cùng địa phương tiếp quản giữ sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, Quân đoàn III vào 10 giờ sáng ngày 30-4-1975. Bộ phận Quân đoàn 4 gồm xe tăng, pháo binh, bộ binh tiến về Sài Gòn tiếp quản dinh Độc Lập và các cơ quan đầu não của ngụy quyền.

Kết hợp với lực lượng bên ngoài, lực lượng quân chúng bên trong nổi dậy cướp chính quyền tại chỗ. Thành ủy Biên Hòa đã chủ động triển khai công tác chuẩn bị từ ngày 9-4-1975, đến 15-4-1975 thì hoàn tất trong nội thành Biên Hòa. Kế hoạch dự kiến hai khả năng: 1/ Đánh dài ngày phải di tản dân sang hướng đông bắc. 2/ Đánh giải phóng ngay, tiếp quản gọn. Kế hoạch gồm các điểm chính như sau:

* Phổ biến chủ trương giải phóng miền Nam, giải phóng Biên Hòa. Cán bộ, đảng viên, cốt cán đều vui mừng phấn khởi, ai cũng bắt tay ngay vào việc. Ủy ban khởi nghĩa được tổ chức ở nội thành Biên Hòa, các xã, phường ngoại ô và Khu kỹ nghệ Biên Hòa.

* Lực lượng tại chỗ là đảng viên, đoàn viên, cốt cán nắm quần chúng và phòng vệ dân sự của địch là cơ sở của ta có trang bị súng để cùng quần chúng nổi dậy giành chính quyền tại ấp, xã, huyện, tỉnh

* May cờ lớn nhỏ; ghi âm sẵn lời kêu gọi của Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời và Mặt trận Giải phóng Biên Hòa để kêu gọi nhân dân nổi dậy; ghi âm 10 điều kêu gọi binh lính địch, quay về với Tổ quốc lập công đầu.

* Giải phóng tù nhân ở nhà tù Tân Hiệp và nhà tù Biên Hòa.

Tất cả mọi người đều phải hành động kết hợp theo tiếng súng của lực lượng vũ trang từ bên ngoài. Lúc bấy giờ phải phóng tay phát động không còn rụt rè do dự, phải mạnh dạn đứng lên giành chính quyền về tay mình.

Các bộ phận được phân công cướp chính quyền, chiếm giữ các mục tiêu khi giải phóng

* Lực lượng biệt động, an ninh và các bộ phận đánh giải phóng 4 xã: An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Long Bình từ 23 đến 29-4-1975.

* Ban Công vận thành phố tiếp quản khu Kỹ nghệ Biên Hòa vào ngày 29-4-1975.

* Địch ở các cứ điểm quan trọng, các cơ quan đầu não như Quân đoàn III và tiểu khu Biên Hòa, chi khu Đức Tu rút chạy từ đêm 9-4-1975.

* Lực lượng cán bộ, đảng viên bên trong cắm cờ ở Tòa hành chính Biên Hòa lúc 6 giờ sáng ngày 30-4-1975; sau đó là dinh Trung tướng Toàn, Tư

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

lệnh Quân đoàn III, Nha cảnh sát miền Đông, Quân đoàn III, Ty cảnh sát Biên Hòa, Quận Đức Tu.

* Sở chỉ huy tiền phương và lực lượng vũ trang Trung đoàn 5, lực lượng chính trị chiếm Tòa hành chính Biên Hòa vào lúc 10 giờ 30 ngày 30-4-1975.

* Sư đoàn 6 chiếm giữ sân bay, Quân đoàn III vào 10 giờ 30 cùng ngày.

* Ban An ninh T1 chiếm giữ Nha cảnh sát miền Đông, Ty cảnh sát Biên

* Ban An ninh thành phố Biên Hòa, chiếm giữ Quận Đức Tu.

* Lực lượng Trung đoàn 5 triển khai chốt canh gác các ngã ba trong thành phố và giữ khu Kỹ nghệ Biên Hòa.

Ba mươi năm chiến tranh giải phóng, mùa xuân 1975 đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của nhân dân Biên Hòa Đồng Nai. Lần đầu tiên trong lịch sử cận hiện đại đất nước ta không còn bóng quân xâm lược. Thắng lợi to lớn mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc và nhân dân Biên Hòa Đồng Nai: Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



Nhân dân vui mừng sau khi Biên Hòa hoàn toàn giải phóng năm 1975
Ảnh baodongnai.com.vn

CẢM NHẬN VỀ TRUYỀN THÔNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN ĐỒNG NAI

Lịch sử quốc gia dân tộc Việt Nam từ khi ra đời tới nay là lịch sử dựng nước và giữ nước gắn bó với nhau. Dựng nước luôn luôn gắn chặt với giữ nước, trong đó dựng nước là yếu tố cơ bản. Phải xây dựng được đất nước hùng mạnh về mọi mặt mới có điều kiện, khả năng chiến thắng các thế lực thù địch và phải giữ được nước mới có điều kiện để xây dựng đất nước. Trong quá trình hình thành và phát triển, truyền thống đó có ảnh hưởng sâu sắc đến hệ tư tưởng và các thành quả tinh thần và vật chất của nhân dân ta.

Nhân dân ta phải đấu tranh với kẻ thống trị để giữ vững bản sắc văn hóa, để giữ gìn tiếng nói, phong tục tập quán của mình, đồng thời tranh thủ tiếp thụ những yếu tố tiên bộ, hợp lý của văn hóa Hán nhằm hoàn thiện và nâng cao nền văn hóa, văn minh của người Việt, củng cố tinh thần tự lực tự cường, tăng thêm ý chí đấu tranh giành độc lập tự chủ. Đây là giá trị to lớn nhất của sự nghiệp chuẩn bị cho công cuộc dựng nước sau khi giành được quyền tự chủ trên cơ sở những thành tựu vật chất và tinh thần ngày càng phát triển trong quá trình dựng nước và giữ nước trước đó. ý chí đó ngày càng được bồi đắp vững chắc và phát triển trong quá trình bị nô dịch. Truyền thống dựng nước và giữ nước thấm sâu trong nhân dân như mạch nước ngầm trong lòng đất, nó bắt nguồn từ mỗi con người, từ mỗi làng xóm, lạng lẽ đổ vào biển cả tạo thành truyền thống của cả cộng đồng người Việt.

Truyền thống tốt đẹp của mỗi dân tộc bao giờ cũng được phát huy cùng sự trường tồn của dân tộc ấy. Qua mỗi giai đoạn lịch sử, dân tộc Việt Nam đã làm rạng rỡ thêm những bài học quý giá của quá khứ, biến chúng thành những nhân tố góp phần chiến thắng cho cuộc đấu tranh hiện tại và mở ra triển vọng tươi sáng cho tương lai. Các anh hùng dân tộc của chúng ta sở dĩ làm nên nghiệp lớn, vì không bao giờ họ tách mình khỏi truyền thống tốt đẹp của dân tộc, để học sinh, sinh viên tự hào, tin tưởng, nhận rõ giá trị của cuộc sống hiện tại, nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế chân chính, xây dựng thái độ lao động mới, ý thức tự lực tự cường, có trách nhiệm với xã hội, với tương lai của dân tộc, tu dưỡng đạo đức lối sống và rèn luyện kỹ năng sống, kế tục sự nghiệp của các thế hệ cha anh đi trước, góp phần trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, nhất là trong thời kỳ mở cửa và hội nhập quốc tế.

Đồng Nai – một mảnh đất hơn 300 hình thành và phát triển, 320 năm cùng đất nước đấu tranh, gìn giữ từng tấc đất của Tổ quốc. So với lịch sử mấy ngàn năm của dân tộc, nơi đây là một mảnh đất còn rất trẻ. Tuy nhiên, suốt 320 nay, mảnh đất non trẻ này chưa từng thôi công hiến, thôi đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc. Mà tiêu biểu là những chiến công chói lọi nên danh sử sách, những con người

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

không tiếc hy sinh thân mình vì đất nước. Đó là “lòng yêu nước nồng nàn” lòng yêu nước ấy “bắt nguồn từ tình yêu quê hương, yêu làng xóm, yêu từng cành cây ngọn cỏ, góc phố, con đường” tình yêu ấy không cho ta cúi đầu trước bọn giặc hung hăng, bất chấp mọi khó khăn và nguy hiểm để giải phóng quê nhà. Nó đã trở thành truyền thống đấu tranh của dân tộc Việt Nam nói chung và quân dân Đồng Nai nói riêng.

Trong suốt 320 năm thăng trầm lịch sử ấy, mảnh đất nơi đây đã sinh ra biết bao nhiêu nhân trung hào kiệt như: danh tướng Trần Thượng Xuyên đánh dẹp loạn Hoàng Tấn; thi tướng chiến khu xanh Huỳnh Văn Nghệ,.. với biết bao chiến công vang dội: Trận sân bay Biên Hòa, phục kích La Ngà hay chiến dịch Xuân Lộc lịch sử.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai cùng cả nước bước vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, từ hai bàn tay không, Đảng bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân Đồng Nai càng chiến đấu càng trưởng thành, vượt qua gian khổ hy sinh, làm nên những chiến công chói lọi như La Ngà, Trảng Bom, Bàu Cá... góp phần xây dựng và bảo vệ Chiến khu Đ oai hùng, sản sinh ra chiến thuật đặc công, làm rạng rỡ thêm trang sử đấu tranh hào hùng của miền Nam thành đồng Tổ quốc.

Trong kháng chiến chống Mỹ, kẻ thù quyết tâm biến Đồng Nai thành hậu phương an toàn của chúng. Quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu, nguy quân, nguy quyền đã sử dụng nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc và phương tiện chiến tranh hiện đại đánh phá ác liệt phong trào cách mạng hồng tiêu diệt và đánh bực lực lượng kháng chiến ra khỏi địa bàn Đồng Nai. Các cấp ủy Đảng địa phương, cán bộ đảng viên, các lực lượng vũ trang tại chỗ được sự hỗ trợ của các đơn vị chủ lực Quân khu và Miền, đã dựa hẳn vào nhân dân, cùng nhân dân kiên cường bám trụ, liên tục tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, đánh sâu, đánh hiểm vào cơ quan đầu não, hậu cứ, kho tàng của địch, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng, giữ vững địa bàn, căn cứ, mở hành lang chiến lược tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân tỉnh ta đã phối hợp nhịp nhàng với quân dân Sài Gòn – Gia Định, với cả miền Nam, cả nước hoàn thành nhiệm vụ giải phóng tỉnh nhà, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai đã vận dụng đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đoàn kết một lòng, tập hợp các tầng lớp nhân dân

không phân biệt thành phần giai cấp, dân tộc, tôn giáo hướng vào mục tiêu lý tưởng đấu tranh chung là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thực hiện tốt chính sách dân vận, Đảng bộ đã xây dựng được cơ sở cách mạng sâu rộng trong nhân dân, do đó đã vượt qua nhiều thử thách quyết liệt, đặc biệt trong những giai đoạn lịch sử 1945 – 1959, 1969 – 1971 cực kỳ khó khăn. Với tinh thần bám trụ kiên cường, tổ chức lực lượng cách mạng tại chỗ phù hợp từng vùng, từng địa bàn; với cách đánh, phương thức đấu tranh kết hợp lực lượng tại chỗ với lực lượng cấp trên, đấu tranh vũ trang gắn chặt với đấu tranh chính trị và binh vận, Đảng bộ Biên Hòa – Đồng Nai đã phát huy được sức mạnh của nhân dân, lập nên nhiều chiến công vang dội. Truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng Bộ và nhân dân Đồng Nai được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống thực dân, đế quốc vì sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước

Thực hiện đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Cục, Quân ủy Miền và của Khu ủy; được sự chi viện của Trung ương, sự giúp đỡ và phối hợp chiến đấu của các tỉnh bạn, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai đã phát huy cao độ lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng vừa chiến đấu, vừa xây dựng, phát triển lực lượng, liên tục tiến công địch, góp phần đánh bại hai đế quốc to là Pháp và Mỹ.

Tinh thần kiên cường, bất khuất của quân dân ta bất chấp mọi rào cản về vũ khí, về trình độ, về giai cấp xã hội, cứ hễ mỗi khi có chiến tranh thì tinh thần ấy lại bùng cháy rực rỡ như lửa trong trái tim mỗi con người. Từ đó xây dựng được khối liên minh công nông vô cùng vững chắc, tập hợp quần chúng rộng rãi, biết kết hợp tài tình đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đấu tranh du kích với khởi nghĩa từng phần ở nông thôn. Tất cả hòa quyện, đan xen vào nhau làm nên những chiến công vĩ đại!

Những chiến công mà chúng ta nhìn thấy hôm nay là nhờ có sự đoàn kết, trên dưới một lòng, không màng khó khăn của quân và dân Đồng Nai. Là sự lãnh đạo tài tình, đường lối sáng suốt của người lãnh đạo. Sự táo bạo, quả quyết, nhận định đúng thời cơ, đổi mới trong chiến lược, chiến thuật của những nhà Cách mạng; chúng là yếu tố không thể thiếu trong mỗi trang sử vàng của quân dân ta!

Truyền thống đấu tranh của quân dân Biên Hòa- Đồng Nai trong xã hội ngày nay cũng được phát huy đến cao độ. Khi mà nổi nhục mất nước đã được rửa, nhưng nổi nhục nghèo đói thì vẫn còn đó. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch trong và ngoài nước vẫn đang từng ngày, từng giờ âm mưu chống phá nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng. Chính vì vậy, mỗi người con Đồng Nai_ từ lớn đến bé, từ già đến trẻ đều nỗ lực đóng góp xây dựng quê hương bằng những hành động thiết thực. Người trẻ đi du học quay trở về xây dựng nước nhà. Người lớn hăng say lao động phát triển kinh tế người làm ông, làm bà thì dạy dỗ con cháu trở thành những công dân có ích cho xã hội,

Bài dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa lịch sử năm 2018”

Qua hội thi này bản thân tác giả đã hiểu được những giá trị văn hoá lịch sử của tỉnh Đồng Nai cũng như tinh thần đấu tranh, kiên cường, bất khuất của nhân dân tỉnh Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế Quốc Mỹ và ngày nay tỉnh Đồng Nai đã và đang phát triển đời sống nhân dân ấm no và hạnh phúc trải qua 320 năm hình thành và phát triển; Chúng ta vô cùng trân trọng và tự hào về sự cống hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, đồng chí trong suốt ba mươi năm ròng rã chiến đấu ngoan cường, và đã để lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu.



Câu 2: Hãy cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai; từ đó giới thiệu một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà anh (chị) từng biết hoặc tham gia? Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay anh (chị) sẽ làm gì?

NHỮNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

Với tỷ lệ đa số (trên 90% dân số) trong tỉnh, người Việt ở Đồng Nai đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội ở địa phương. Tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Đồng Nai là một phức hệ bao gồm nhiều nhân tố hiện gắn bó thiết thực với đời sống tinh thần của người địa phương, thể hiện trong sinh hoạt gắn với vòng đời người (việc sinh, dưỡng, tang, cưới, mừng thọ...) với sinh hoạt cộng đồng (thờ cúng trong nhà, cúng đình, cúng miếu, lễ chùa...).

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có 38 dân tộc đang sinh sống. Người Kinh chiếm 92,3% dân số. Người Hoa xếp thứ nhì, với 5,3%. Thứ đến là các dân tộc bản địa như Chơ-ro, Mạ, Xtiêng... Nhiều dân tộc đã có ngôn ngữ riêng, cư trú trên địa bàn Đồng Nai lâu đời, có bề dày về lịch sử, văn hóa. Thế nhưng, tiếng Việt vẫn là ngôn ngữ phổ thông.

Do đặc điểm lịch sử lâu đời, Đồng Nai cũng là một trong những tỉnh có đông tín đồ của những tôn giáo lớn như: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo, Hồi giáo...

Ngoài các tôn giáo khác, trong đồng bào của các dân tộc anh em còn có những tín ngưỡng của riêng mình.

I.NHỮNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HOA – ĐỒNG NAI

1 Việc sinh dưỡng

Vòng đời người được tính từ khi "đậu thai" trong bụng mẹ cho đến khi "mãn tang". Bắt đầu là chuyện "dưỡng thai". Khi có biểu hiện "đậu thai", người phụ nữ có mang phải kiêng giữ và được bảo vệ kỹ lưỡng. Việc kiêng giữ tập trung ở các mặt: ăn uống, cử động và giao tiếp.

Về ăn uống, phải kiêng cử: Không ăn cua để tránh đẻ ngang, không ăn tôm để tránh đẻ con lưng còng, ăn cá không được trở xương để bào thai khỏi động; không ăn sò, ốc, hên để con không dãi nhớt, không ăn trái cây sinh đôi để tránh đẻ song thai, không ăn chuối già để kiêng kỵ chuyện tục tằn, không ăn những thứ dị hình dị dạng để con khỏi khuyết tật, tránh ăn nhiều gia vị để con cái hiền lành; một số người còn kiêng ăn trầu cau và những loại trái "gai góc" (như sầu riêng, chôm chôm, măng cầu) để việc sinh nở được "tron tru". Ngược lại người phụ nữ có mang được động viên ăn nhiều muối để con cái có tình cảm mặn mà, ăn nhiều trứng để "mẹ tròn con vuông". Việc cử động cũng nhiều điều kiêng giữ: Không được chửi mắng hoặc cười nói lớn tiếng, không được đến những nơi thờ cúng, không được bước qua mương hoặc nhảy qua hào, không được chui qua sào (dây) phơi quần áo; không được ngủ trưa quá buổi, không được đứng lâu ở ngã ba đường hoặc bến, ngã ba sông; không được dắt hoặc đuôi theo trâu, đi xuống ghe không được chèo hoặc ngồi mũi... Ngược lại, người phụ nữ có mang luôn phải có việc làm, cử động chân tay nhẹ nhàng để sinh nở được

dễ dàng. Việc giao tiếp thường phải kiêng gặp người nóng nảy, nặng vía, tính khí li lợm hoặc đã có nhiều lần sinh nở không thành.

Việc "dưỡng thai" được xem trọng, việc sinh nở còn quan trọng hơn. Giai đoạn "dưỡng thai" gắn với mẹ ruột, mẹ chồng, việc sinh nở gắn với vai trò của các "mụ vườn". Mỗi làng thường có một bà mụ lo việc sinh đẻ cho cộng đồng; mụ thường được học tập kinh nghiệm ở các mụ tiền bối và tự tích lũy thêm kinh nghiệm, biết đỡ đẻ, làm thuốc và cúng bái. Có những mụ giàu kinh nghiệm (như mụ Bảy Mạnh ở cù lao Phố, mụ Hồng ở Phước Thiên chẳng hạn) nắm sửa được thai, đoán định chính xác cả giới tính của thai nhi.

Sinh con đầu lòng thường ở nhà mẹ ruột, lần sinh thứ hai mới ở nhà chồng "con so nhà mẹ, con rạ nhà chồng". Khoảng một tháng trước khi sinh, bà mụ tiến hành lễ đầu tiên, gọi là lễ đơm lể, bà mụ khấn "Mười hai Mụ Bà mười ba Đức Thầy" phù hộ độ trì cho mẹ tròn con vuông. Những bà mụ dày dặn kinh nghiệm thường khấn có vắn, có điệu.

Về mười hai Mụ Bà, mười ba Đức Thầy, theo truyền dân gian phổ biến cả nước, mười hai Bà Mụ được Trời giao nhiệm vụ chọn đất tinh túy nặn thành con người nên mười hai Bà Mụ ứng với con số 12 tháng trong năm trở thành người mẹ sanh trong niềm tin của cư dân Việt. Nhưng mười ba Đức Thầy là ai? Đúng ra là: "Mười hai Mụ Bà và Ba Đức Thầy". Ba Đức Thầy là Tiên sư, Tổ sư và Thánh sư, cùng lo việc "giáo", còn Mười hai Mụ Bà lo việc "sinh".

2.Hôn nhân

Quan niệm về hôn nhân không khe khắt, chỉ những nhà gia thế mới tính chuyện môn đương (đăng) hộ đối, còn lại số đông trong dân dã vốn ít phân biệt giàu - nghèo, chủ - tớ, sang - hèn, chuyện hôn nhân thường chọn lựa theo tiêu chuẩn "vừa đôi phải lứa", không cùng trục hệ và "được tuổi". Trường hợp chênh lệch tuổi giữa trai gái, người ta dễ dàng chấp nhận sự "lệch chuẩn: "Gái hơn hai, trai hơn một".

Việc tìm hiểu giữa trai gái cũng được tự do, phóng khoáng; ít có chuyện ràng buộc phải tìm hiểu người cùng làng. Làng Việt ở Đông Nai có cơ cấu mở, thường gồm nhiều họ, đa nguồn gốc, nhiều người làng khác đến phụ canh. Thanh niên nam nữ được dịp giao tiếp rộng cho nên việc tìm hiểu cũng trong mối quan hệ rộng và trong vòng kiểm soát nói lỏng của gia đình.

Trai gái tìm hiểu khi thuận lòng nhau, về thưa với ba má để gia đình nhà trai "bước tới". Tục xưa, người Đông Nai theo tập tục Trung Hoa, thực hiện đủ sáu lễ: Nạp thái, vắn danh, nạp kiết, nạp tỳ, thỉnh kì, thân nghinh. Theo thời gian, các lễ thức cưới xin phức tạp giảm dần. Theo Lương Văn Lựu (123), một đám cưới bình thường của cư dân Việt thường được chú trọng các lễ: Lễ hỏi, lễ biếu (xêu), lễ xuất giá (cô gái khấn cáo ông bà, cha mẹ sáng mai về nhà chồng), lễ rước dâu, lễ lại mặt. Gần đây, lễ thức còn đơn giản hơn, chủ yếu là lễ hỏi và lễ cưới. Có nơi thêm lễ thăm nhà, còn gọi là lễ chạm ngõ trước lễ hỏi. Trước ngày cưới 8 ngày, có nơi còn làm lễ khai bát nhật (lập hôn ước, khai tên tuổi, sức khoẻ của trai gái). Lễ này xuất hiện từ khi thực dân Pháp cầm quyền.

Lễ cưới được họ hàng, làng xóm cùng chăm lo. Trai lo việc dựng cổng, trang trí bàn ghế, gái lo việc làm bánh, bếp núc. Chăm lo phụ giúp cho lễ cưới là niềm vui và trách nhiệm của cộng đồng. Đôi vợ chồng mới cưới được chăm lo cảm thấy hạnh diện, ấm cúng và có trách nhiệm với nhau hơn trong cuộc sống

Về nhà trai, lễ thức cũng khẩn vái ông bà, lễ ra mắt họ hàng đơn giản như ở nhà gái. Xong lễ là nhập tiệc.

Ba ngày sau, cô dâu chú rể mang một mâm trầu rượu, một cặp vịt sống về lại nhà gái cảm ơn ba má và làm lễ lạy ông Táo gọi là phản bái hoặc là lễ lại mặt. Ngày xưa, trong lễ phản bái, chú rể thường mang về nhà vợ một cái đầu heo cúng ông bà, nếu đầu heo bị cắt mất tai (một hoặc hai) thì đó là dấu hiệu chú rể muốn bảo rằng: Cô dâu không còn trinh trắng trước khi động phòng. Đó cũng là nỗi sĩ nhục của gia đình nhà gái. Tục này vắng bóng đã lâu. Gần đây, quan niệm về "tiền dâm hậu thú" không nặng nề như nhiều nơi khác.

3. Việc tang

Vì quan niệm "chết" là điều ắt phải và cái chết luôn được cộng đồng chăm sóc chu đáo cho nên đa phần cư dân Việt chấp nhận "chết" một cách thanh thản, nhiều khi có sự chuẩn bị trước chu đáo. Chỗ "yên nghỉ" chọn sẵn, có khi xây mộ trước gọi là kim tĩnh; hòm được đóng gỗ tốt dành sẵn gọi là cỗ sự. Nếu không phải là "bất đắc kỳ tử" (chết đột ngột), dù đang ở đâu, vì lý do gì, cái chết được mong muốn luôn là cái chết ở quê nhà.

Khi gia đình có người vừa trút hơi thở cuối cùng, việc đầu tiên là phải "hú vía", đến khi không còn hy vọng, mới tắm rửa cho xác chết gọi là "mộc dục". Sau đó, người chết được đặt trong buồng hoặc nhà dưới, bỏ vào miệng ba hột gạo (có nơi bỏ thêm một đồng tiền xu) gọi là phạn hàm, rồi đắp mặt, đốt nhang trên đầu nằm. Trường hợp chết bệnh, thường đặt trên bụng một nải chuối sứ gọi là để hút tà khí.

Khi báo tang xong, gia chủ nhờ người coi tuổi, coi ngày giờ để phân xếp việc tang lễ. Giờ tắm liệm được chọn là giờ tốt, có tính đến thời gian hội đủ mặt người thân thích. Trước khi chưa tắm liệm, chó, mèo trong nhà được nhốt lại, có người luôn canh xác để không con vật gì có thể vượt ngang qua. Tục này gắn với hàng loạt truyện quỷ nhập tràng lưu truyền ở địa phương. Những gương kiếng, tranh tượng Phật trong nhà phải che (dán) lại bằng vải (giấy) đỏ có dấu vôi trắng, nhiều nơi còn quay mặt tượng Phật về bên phải.

Đám tang giàu có theo lối xưa, còn có tục đánh động phá hoàng diển tích thầy trò Tam Tạng mở đường đi thỉnh kinh ở chùa cầu siêu hoặc mở đường đưa vong hồn người chết về Tây phương cực lạc.

Tại Đồng Nai xưa, không có tục cải táng. Gần đây, do đất đai khó khăn, nhiều biến động; lại do điều kiện làm ăn xa; nhiều người bốc mộ, hỏa táng, cho đi cốt vào hũ sành đậy nắp kín gửi ở chùa với ý nghĩ rằng: vong linh người chết sẽ nương cửa Phật, được ôn định, được nhang khói ngày đêm.

Trong vòng đời người, còn có những tập quán khác: lễ thọ đối với người cao tuổi, lễ khao đối với người hiển vinh... Những sinh hoạt như trên thường theo thông lệ chung...

4. Thờ cúng trong nhà

Căn nhà dù nhỏ vẫn dành nơi trang trọng nhất (gian chính) thờ ông, bà. Theo Lương Văn Lựu, trước đây người địa phương thờ 3,4 đời; đến đời thứ 5 trở lên nếu có thần chủ phải đem chôn gọi là "Ngũ đại mai thần chủ" (năm đời thì chôn thần chủ). Ông bà từ đời thứ tư trở lên được thờ chung, phối hưởng ở bàn thờ chính trong nhà hoặc bàn thờ họ ở nhà từ đường.

Ở Đồng Nai, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, ít thấy có nhà thờ họ riêng biệt; phổ biến là bàn thờ họ trong nhà từ đường do con trai lớn hoặc con trai út dòng trưởng đảm nhiệm, nếu không con trai thì con gái thực hiện. Những hộ không phải là nhà từ đường cũng thường có bàn thờ ông bà (thờ vọng hoặc thờ tượng trưng) ở bàn thờ giữa gian chính. Bàn thờ cha mẹ bên trái, thờ ông bà nội (ngoại) bên phải. Những người khuất mặt khác như anh, chị, em, con được thờ một góc trong nhà. Người mới chết (dù là cha mẹ, ông bà) được thờ riêng cho đến khi xả tang mới được thỉnh lư hương, di ảnh, vào bàn thờ chung.

Cách bày trí bàn thờ không khác mấy so với phong tục phổ biến, ngày càng có phần đơn giản hơn nhưng không kém vẻ trang nghiêm. Bàn thờ họ thường có hai lớp: Lớp trong là bàn giỗ để bày đồ cúng, lớp ngoài là tủ thờ để bày đồ thờ gồm: Cặp chân đèn tượng trưng cho nhật nguyệt quang minh; bát nhang, khay trầu rượu tượng trưng cho sự vuông tròn của trời đất. Lư hương tròn như là thái cực; "bình bông" ở bên trái và "chò quả tử" ở bên phải (đồng bình tây quả), một giá gương ghi họ hoặc một chữ nho biểu niệm như: Phước, Thọ, Khang, Đức... Những nhà khá giả bày đồ thờ bằng đồng theo bộ tam sự (3 món: chân đèn, lư hương, bình bông), ngũ sự (5 món, gồm: tam sự có thêm cặp hạc - rùa và hộp trầu), thất sự (7 món, gồm: ngũ sự có thêm hai món khác). Tủ thờ, vật thờ bằng gỗ, thường được chạm cẩn xà cừ tinh xảo, đồ đồng luôn giữ bóng, đồ gốm sứ càng cổ càng quý giá.

Thờ phụng ông bà không chỉ ở bàn thờ mà còn thể hiện ở việc bài trí hoành phi, liễn đối trong nhà. Nhà khá giả của cư dân Việt xưa thường có hoành phi treo cao ở giữa nhà với các đại tự (chữ nho) ý nghĩa thâm thúy.

Hoành phi, liễn đối trong nhà cư dân Việt không phải chỉ để trang trí mà trong đó kết tinh tinh thần, ý chí, truyền thống của ông bà để lại được con cháu trân trọng giữ gìn và lấy đó làm nền tảng cho sinh hoạt gia đình.

Trong ngày giỗ, nhất là giỗ ông bà nội ngoại; cha mẹ, anh em, con cháu họp mặt, góp công sức chung lo bữa giỗ. Đây là dịp họp gia đình, nhắc nhở người chết và trao đổi việc nhà việc họ. Người trong họ không đến dự được có thể gửi đồ cúng đến cúng gọi là gửi giỗ. Cũng có thể cúng tại gia cùng lúc với giỗ chính ở từ đường gọi là cúng vọng. Đồ cúng tùy theo phong tục của gia đình, thường đủ các món: Kho, xào, nướng, canh, rau, bánh, trái cây, giải khát. Thường chuẩn bị ít nhất là 3 mâm cúng: Một mâm cúng bày ở bàn thờ người được cúng, một mâm bày ở bàn giữa nhà cho các vị phối hưởng, một mâm đất đai âm trạch (có nơi gọi đất đai như trạch) cho những người khuất mặt hữu danh vô vị, hữu vị vô danh.

Thờ cúng ông bà trong gia đình là truyền thống đẹp của cư dân Việt được thể hiện thống nhất trong cả nước. Cư dân Việt ở Đồng Nai lưu truyền, gìn giữ tục thờ cúng ông bà như gia bảo, có khuynh hướng đơn sơ, giản tiện hơn nhưng vẫn giữ được ý nghĩa của nó. Ấy là: Lòng tôn kính, biết ơn, kế thừa công đức tổ tiên; và sự cảm hóa giáo dục con cháu "uống nước nhớ nguồn", "ăn trái nhớ kẻ trồng cây". Tục thờ cúng ông bà đã kết dính các lớp cư dân Việt ở Đồng Nai với nhau: Lớp trước lớp sau, vùng này vùng khác, làng này làng nọ, tôn giáo này tôn giáo kia...; các Phật tử và giáo dân (Cao Đài, Hòa Hảo, Thiên Chúa giáo) đều coi việc thờ cúng ông bà là phận sự hiển nhiên.

5. Những lễ thức gia đình trong năm

Tết là lễ tiết quan trọng trong năm của cư dân Việt đánh dấu một điều gì đó hệ trọng trong đời sống tinh thần của công chúng. Người Biên Hòa - Đồng Nai lưu tâm đến các Tết phổ biến: Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ và Tết Trung thu.

Tết Nguyên Đán là lễ tiết quan trọng nhất trong năm, là ngày hội bắt đầu năm mới. Không khí Tết được khởi đầu từ ngày 23 tháng chạp, tức là ngày đưa ông Táo về trời. Sau ngày đưa ông Táo là ngày chạp mả. Chạp mả là việc thăm, sửa sang phần mộ của ông bà, tổ tiên: Ngày cụ thể tùy theo sự ấn định của từng họ, từng gia đình, thường là trong tháng chạp, trước ngày 25. Đến ngày quy định của gia đình, người trong họ, trong nhà hội về; đàn ông lo việc làm cỏ, sửa sang phần mộ, đàn bà lo việc bếp núc. Trong tục chạp mả, có một quy ước truyền đời: Khi làm cỏ, sửa sang xong một cái mả, người ta đánh dấu bằng một cục đá (hoặc hòn đá), đặt lên tờ giấy vàng bạc ở năm mả để biết mả đã có chủ. Sau ngày 25, nếu thấy ở khu vực ấy còn mả chưa đánh dấu, tức mả vô chủ thì người ta huy động người trong nhà đến đốt nhang, làm cỏ, cột không để một mả nào "hoang vắng, lạnh lùng" trong những ngày Tết.

Ngày 25 tháng chạp, dân làng thường dọn một bữa cúng đạm bạc gọi là tiễn ông bà, thần thánh đi thăm viếng họ hàng, người thân đầu đó. Ấy cũng là ngày quan chức trong làng khếp ấn, thợ thầy được nghỉ việc.

Những ngày cuối tháng chạp là những ngày bận rộn: Hàng quán sửa soạn để vào phiên chợ Tết (28 đến 30 tháng chạp), thanh toán các khoản nợ nần, làm nốt các công việc đang dở dang, gửi quà biếu Tết đến thầy học, sui gia, họ hàng thân thuộc. Ngày 30 tháng chạp, mọi nhà đều soạn lễ cúng đón ông bà. Việc chưng cúng ở bàn thờ luôn thể hiện sự tươi mới, lâu bền, sung túc cho nên, hoa: thường có hoa mai (may mắn), vạn thọ (sống lâu); trái: thường có mâm ngũ quả gồm sung (sung túc), dưa (vừa), đu đủ (đủ), xoài (sài, tiêu xài), măng cầu (thỏa mãn điều cầu mong)... Dưa hấu được chọn chưng phải là dưa ruột đỏ thắm. Nếu ngày Tết dưa không đỏ gia đình sẽ kém may mắn, cho nên các phiên chợ Tết thường có tục "bói dưa". Đặc biệt, trên bàn thờ ông bà, thường có một gói đường phôi, đường phèn, bánh tỗ, bánh nỏ đặt trên trái dưa có dán giấy đỏ. Tục này có lẽ để tưởng nhớ xứ sở Trung bộ.

Lễ cúng đón ông bà thịnh soạn như một bữa giỗ. Tục xưa, còn có gia đình gánh thức cúng (rất nhiều bánh trái, giấy vàng bạc) cúng đón ông bà tận ngõ.

Trong ngày 30 (nếu tháng thiếu thì ngày 29), mọi nhà ở trước cửa lớn đều dựng một cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trầu, cau, vôi; ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là "lên nêu"(130). Cây nêu được dựng như thế cho đến mùng 7 thì hạ. Việc đòi nợ để sau ngày hạ nêu.

Lễ giao thừa có ý nghĩa thiêng liêng nhất trong các ngày Tết. Đó là lễ "tống cựu nghênh tân" đúng vào lúc năm cũ bước qua năm mới. Người miền Bắc và người Hoa gọi là lễ Trừ tịch, người Đồng Nai gọi nôm na là lễ đón giao thừa. Đúng vào phút giao thừa, con vật nào lên tiếng trước người ta tin rằng tính khí của con vật ấy chi phối cả năm mới. Lễ giao thừa, gia chủ lên đèn sáng trong sáng ngoài, mở toang các cửa lớn nhỏ, đốt nhang khấn cúng; văn cúng ngắn gọn, nêu rõ năm tháng, họ tên gia chủ, kể tên các phẩm vật cúng, khấn các vị hành binh hành khiển mới và các vị Thổ Địa, Táo quân, Thần độ mạng, ông bà... phù hộ cho toàn gia năm mới tăng phúc, tăng thọ, an khang thịnh vượng. Cư dân Việt tin rằng mỗi năm có một vị hành binh, hành khiển và một vị phán quan coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao cho thần kia. Cho nên, người ta cúng Tết để tiễn ông cũ và đón ông mới; ví dụ, năm Bính Tý, các vị hành khiển hành binh đương niên là: Châu Vương hành khiển, Thiên Tôn hành binh, Lý Tào phán quan. Tết năm Sửu, các vị này sẽ bàn giao cho: Triệu Vương hành khiển, Tam Thập Lục Thương hành binh, Khúc Tào phán quan. Cứ vậy đến tròn một con giáp, bắt đầu trở lại từ năm Tý.

Những ngày rằm. Ngoài rằm tháng tám là Tết Trung thu, có ba ngày rằm quan trọng được người Biên Hòa - Đồng Nai thực hiện lễ thức cầu cúng đặc biệt; đó là rằm tháng giêng, rằm tháng bảy, rằm tháng mười.

Rằm tháng giêng là ngày rằm đầu tiên của các ngày rằm trong năm, dân gian tin là ngày Phật giáng nên tổ chức lễ trọng, lễ hội ở chùa và lễ cúng ở gia đình; "lễ Phật quanh năm không bằng rằm tháng giêng". Cũng có cách giải thích rằm tháng giêng theo sách vở của người Hoa nên còn gọi rằm tháng giêng là Tết Thượng Nguyên, Tết Trạng Nguyên, Tết Nguyên Tiêu... nhưng dân gian Đồng Nai thiên về ngày lễ đậm tính dân gian của Phật giáo.

Rằm tháng bảy là rằm "xá tội vong ân" gắn với tích truyện Mục Kiền Liên và Lễ Vu lan của Phật giáo. Dân gian tin rằng, ngày này vong nhân ở địa ngục chuẩn bị cúng Kỳ yên. Rằm tháng mười ở Nam bộ nói chung, ở Đồng Nai nói riêng có ý nghĩa như Tết cơm mới của một số vùng thuộc đồng bằng Bắc bộ, nhưng nghi thức theo Phật giáo, lễ cúng như rằm tháng giêng, rằm tháng bảy.



**Phó chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Hòa Hiệp
đã tới dự Lễ Vu Lan và thay mặt Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ
tỉnh tặng lễ hoa chúc mừng chùa Tỉnh hội, xã Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa.
Ảnh baodongnai.com.vn**

Vào những ngày rằm tháng giêng, tháng bảy, tháng mười, các chùa mở hội lễ Phật, cúng cầu siêu, có thể có chay đàn ứng phú. Ngoài việc dự lễ chùa, người địa phương còn có lễ cúng tại gia, cúng Phật, vào ngày 15 bằng lễ chay và cúng thí cô hồn vào ngày 16 bằng lễ mặn. Đáng chú ý là lễ cúng thí. Lễ cúng thí nhằm cầu siêu và thí của cho thập loại cô hồn mang ý nghĩa nhân văn. Lễ cúng thí luôn có món bánh cúng, bánh cấp.

Với tục cầu siêu, cúng thí, các lễ cúng rằm của cư dân Việt Đồng Nai thể hiện lòng nhân đạo qua nghĩa cử "chăm lo cho người khác" mang đậm sắc thái dân tộc và màu sắc Phật giáo. Chính vì vậy, nó được phổ biến và có sức sống lâu dài.

Ngoài những ngày Tết, ngày rằm, người Biên Hòa - Đồng Nai còn có những lễ thức cúng vía vào những ngày vía trọng trong năm. Như ngày mùng 8 tháng 5 cúng sao hội; cúng vía trời đất; cúng vía Ngâu, vía Bà như rằm tháng giêng: Linh Sơn Thánh Mẫu; 19 tháng 2 và 19 tháng 6: Quan âm Bồ tát; 24 tháng 4: Bà Chúa Xứ; mùng 5 tháng 5: Bà Ngũ hành; mùng 9 tháng 9: Cửu Thiên

6. Những tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội.

Con người gắn bó với gia đình, gia đình không thể tách rời cộng đồng xã hội. Cư dân Việt ở Đồng Nai do "tứ chiếng" hợp lại, gặp cảnh "xứ sở lạ lùng", "chim kêu vượn hú" càng có nhu cầu hợp quần, nương tựa, tương trợ nhau trong

đời sống; từ đó hình thành tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội; phổ biến là những sinh hoạt xoay quanh cái đình, cái miếu.

Do đặc điểm hình thành cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai, đình thần ở Đồng Nai ra đời muộn, tuổi đời còn ngắn, không có lai lịch giàu thành tích như đình ở miền Bắc, miền Trung. Nhưng so với vùng đồng bằng Nam bộ, đình ở Đồng Nai thuộc dạng đình hình sớm. Gọi là hình thành sớm ở đất Nam Bộ nhưng đình thần ở Đồng Nai không phải bắt nguồn từ đình trạm như xứ Bắc, cũng không phải được tái hiện theo "nguyên mẫu" được mang theo trong hành trang di cư. Có lẽ, ý niệm về "cái đình" của cổ hương chưa được hiện thực hóa ngay khi lập làng, lập ấp ở Đồng Nai, mà bắt đầu từ cái miếu, một trú sở của thần thánh nói chung phù hợp với qui mô của làng và tài lực của người thời khai phá. Bằng chứng rất rõ là cho đến nay, dân gian vẫn chưa thuận miệng với tên gọi "đình", thậm chí biến đình mới trùng tu vẫn còn giữ nguyên Hán tự là "cổ miếu" như: Bình Xương cổ miếu, Cẩm Vinh cổ miếu, Vinh Thị cổ miếu... Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức kể rõ các di tích ở trấn Biên Hòa nhưng vẫn không thấy nêu tên một đình nào. Các bô lão địa phương cho biết từ lúc triều đình Huế yêu cầu kê khai thần tích đình làng để xin sắc phong thì tên gọi "đình" mới xuất hiện trong văn tự rồi quen dần trong khẩu ngữ. Như vậy, trong thực tế, người địa phương phân biệt đình, đền, miếu chưa rạch ròi; về nguyên sơ của cái đình rõ nét

Quá trình lập làng ở Đồng Nai với mô hình "thôn - ấp" là chủ yếu làng ban đầu rất nhỏ nhưng phát triển rất nhanh, phân lập không chừng, tổ chức hành chính nhiều biến đổi, do đó "thân phận" của cái đình cũng thăng trầm, phân bố không đều, làng cũ đình miếu dày đặc, làng mới thưa thớt. Thành phố Biên Hòa có 34 đình ở 26 phường xã, nhưng các huyện: Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán lưu thừa vài đình nhỏ. Có xã hơn mười cái đình (xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu: 12 đình; xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa: 11 đình), có nơi hai ba xã chung một cái đình (phường Quyết Thắng và phường Thống Nhất chung đình Phước Lư). Kiến trúc đình ở Đồng Nai thường theo kiểu nhà rường tứ trụ bằng vật liệu tốt khai thác từ địa phương và bàn tay thợ đá, thợ gỗ, thợ gốm của Biên Hòa xưa, tạo cho đình vẻ đẹp đậm đà mang sắc thái địa phương. Đình Tân Lâm ở Biên Hòa, đình An Hòa ở Long Thành đình Phú Mỹ ở Nhơn Trạch được xem là những đình sắc nét của Đồng Nai. Việc bố trí trong đình cũng như các đình khác ở Nam bộ, chánh điện có khám thờ Thành Hoàng bốn cánh, hai bên là Tả ban, Hữu ban; phía trước là hai dãy các bàn thờ các chư vị phối tự như: Bạch mã Thái giám, Nhạc sư, Tiên sư...

Những vị thần được phụng thờ.

Cũng như đặc điểm chung của Nam bộ, đình ở Biên Hòa - Đồng Nai "thờ hàng chục, có khi đến ba bốn chục vị thần, gồm có Thành Hoàng, Phúc Thần, Thần Linh và những danh nhân sanh tiền có công xây dựng, kiến thiết địa phương... rất phức tạp". Việc kê danh sách cho đầy đủ các vị thần đã được thờ trong đình ở Đồng Nai đã khó, việc phân loại càng khó. Huỳnh Ngọc Trảng và

các đồng tác giả xét về nguồn gốc, tạm thời chia các vị thần ở thần điện Nam bộ làm hai nhóm:

+ Nhóm 1: Thành Hoàng và Phúc Thần do những người đi khai hoang đem từ quê hương cũ vào thờ.

+ Nhóm 2: Những vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian. Xét về cơ cấu, lại chia thành ba nhóm khác:

+ Tập hợp các thần linh thuộc đối tượng tín ngưỡng chính thống của đình.

+ Tập hợp các vị tiên bối hữu công của làng như: Tiên hiền, Hậu hiền, các anh hùng liệt sĩ, các tổ nghề: Tiên sư, Tổ hát bội, Tổ nhạc lễ.

Lễ hội cúng đình.

Lễ hội cúng đình thể hiện phần hồn của đình ở Nam bộ, phần lễ trội hơn phần hội. Do phối tự thờ nhiều vị thần trong đình, cho nên lịch lễ dày đặc lễ cúng quanh năm, có thể chia thành hai loại: Tập tế và cúng kỳ yên.

Tập tế là các lễ nhỏ vào các lễ tiết và ngày vía thánh thần trong năm, cúng chứ không tế, và không mở hội, thường là do các hương chức, hội tề hoặc Ban tế tự dâng cúng lễ vật rất đơn giản và lời khấn ngắn gọn. Không cần nghi thức và bài bản quy định.

Các đình không nhất thiết giữ đúng lệ theo lịch lễ tiết nhất định mà tùy theo Ban quý tế của từng đình mà thủ lễ, thêm hoặc bớt ngày cúng; có đình cúng đầy đủ các ngày sóc, vọng; lễ Thượng điền, Hạ điền; cúng cô hồn, liệt sĩ; cúng mặn hoặc cả chay lẫn mặn...

Lễ Kỳ yên là lễ chính của đình gọi là lễ vía thần, nhưng thực là lễ hội nông nghiệp đề cầu an: Cầu cho quốc thái dân an, phong điều vũ thuận. Mỗi đình định ngày cúng Kỳ yên riêng, phổ biến là trong 3 tháng đầu năm hoặc 3 tháng cuối năm âm lịch. Nghi thức cúng lễ Kỳ yên ở đình làng Nam bộ tuân theo điển lệ của triều đình nên trình tự cúng tế của các đình căn bản giống nhau. Sách "Gia Định thành thông chí" của Trịnh Hoài Đức có ghi vắn tắt về lễ cúng Kỳ yên của đình làng xưa, xét đến nay, không khác mấy: Lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày, gồm có 3 lễ chính: Túc Yết, Đàn cả (Đoàn cả), Tiên hiền - Hậu hiền. Những nghi lễ khác như: Rước sắc thần, Xây châu- đại bội, Đưa khách (Tống phong)... là những lễ thức phụng sự trong 3 lễ chính. Lễ vật dâng cúng các bàn thần gồm: hoa, trái, nhang, đèn và các món cúng mặn: thịt luộc, rau, mắm, muối, các món xào, kho... ở bàn La liệt, tế thần luôn phải có món xôi và thịt sống. Xôi thực ra là cơm nếp được chọn nếp ngon nhất, nấu khéo nhất, đơm đẹp nhất để tế thần. Xôi tế thần không có đậu (để tinh nguyên); thường là mâm xôi được rước từ nhà Chánh bái hoặc nhà người danh giá nhất làng. Xôi cúng ở các bàn khác có thể có đậu

Miếu và lễ hội cúng bà

Ở Đồng Nai, miếu đa dạng và số lượng nhiều hơn đình. Đình gắn với cộng đồng làng thì miếu gắn với đình, chùa, cụm dân cư, vườn nhà của gia đình, hương lộ, hương thôn; nhân vật chính là mẫu.

Những năm 1960, Lương Văn Lựu ghi nhận: "Ngoài đình làng: Nhân dân trong ấp thường dựng lên những "Thổ Chủ" (miếu nhỏ), dưới cội đa hoặc cây to bóng mát, trên đường vắng, hay trong góc vườn để thờ Thổ Địa hay bà Chúa

Tiên, Chúa Xứ, Liễu Hạnh và tùy theo ngày kỷ niệm của mỗi vị mà hành cúng hàng năm một cách thành kính". Xét về hình thức, miếu ở Đồng Nai có mấy dạng chính:

Miếu độc lập ở làng xã: Gắn với cụm dân cư trong làng ấp. Quy mô hơn các dạng miếu khác, thờ "thánh thần", những làng, xã chưa có đình đều có lập miếu; dạng miếu này như là tiền thân của cái đình.

Thờ các phúc thần: Thần Hồ, Rái Cá, Mãng Xà vương... là những linh vật giáng hạ nhưng cũng được thờ ở đình miếu và được đãi lễ như là phúc thần, dạng này không nhiều, có sự tích hợp nhiều yếu tố, như miếu thờ Rái Cá ở Hòa Quới (Cù lao Phố), đã hội nhập vào bàn thờ Lang lại đại tướng quân, miếu thờ rắn (Mãng xà vương) ở Mỹ Lộc (Tân Uyên) đã đổi dạng thành thờ Ngũ Hành; miếu thờ thần Hồ thì còn ít nhiều ở các đình, các làng còn đậm nét vùng sơn cước. Phổ biến là các miếu thờ thần Đất dưới dạng Thổ Chủ, Thổ thần hoặc Ông Tà. Thánh mẫu: Đa phần miếu ở làng, ấp cũng như ở đình đều có thờ Thánh mẫu, người địa phương quen gọi là thờ Bà. Các Thánh mẫu đã thâm nhập sâu vào đình, chùa, gia đình; lại chiếm lĩnh hầu hết thần điện của các miếu, chứng tỏ tín ngưỡng thờ nữ thần "sâu rễ bền gốc" trong tâm linh của cư dân Việt ở Đồng Nai.

Tục thờ cúng nữ thần gắn liền với cư dân Việt ở Đồng Nai từ buổi đầu mở đất, đồng hành với quá trình phát triển của xã hội, có sự tích hợp nguồn gốc nhập cư và nguồn gốc bản địa; có sự phát triển từ rời rạc vươn lên mang tính "đạo thờ mẫu" rồi lại địa phương hóa các mẫu được phụng thờ. Ở đầu thế kỷ XIX, Trịnh Hoài Đức đã chú ý đến đặc điểm này của đất Gia Định - Đồng Nai: "...Nhiều người trung đồng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dù hàng phụ nữ cũng thế, có nhiều giai nhân mỹ nữ, mà trong hạng người giàu sang, trường thọ khôn khéo cũng có xuất hiện tên tuổi của giới phụ nữ. Họ hay chuộng đạo Phật, tin việc đồng bóng, kính trọng nữ thần, như: Bà Chúa Ngọc, bà Chúa Động (quen gọi người phụ nhân tôn quý bằng bà), bà Hỏa tinh, bà Thủy Long, và Cô Hồng, Cô Hạnh. Lễ hội cúng Bà ở mỗi miếu một khác, tùy vào ngày vía của mỗi Bà. Những ngày sóc, vọng, ngày Tết, ngày vía đất, các miếu Bà được mở cửa cúng một lễ nhỏ bằng nhang, đèn, bông, bánh trái. Ngày vía mới là lễ chính. Có nơi cúng thường niên như nhau, có nơi đảo lệ 2, 3 năm một lần. Lễ cúng Vía Bà thường vào ban đêm (thuộc âm), do Ban tế tự của làng đứng cúng hoặc có khi do tổ chức Hội mẫu ở địa phương làm chủ lễ. Miếu thuộc hệ dân dã nên nghi thức cúng Bà không đóng khung theo khuôn phép điển lệ; cởi mở, sinh động hơn cúng đình. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn áp dụng nghi thức cúng đình trong cúng miếu

II. CẢM NHẬN VỀ NHỮNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI; GIỚI THIỆU MỘT HOẠT ĐỘNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI TỪNG BIẾT

Từ sau khi Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn, kinh lược đến Nam Bộ năm 1698, ông đã sắp đặt bộ máy quản lý hành chính trên vùng đất này và chiêu mộ người dân từ miền Trung vào đây khai khẩn. Dân số Đồng Nai có sự phát triển ngày càng tăng với mức độ đẩy mạnh chính sách khai phá Nam Bộ của nhà Nguyễn, thể hiện qua việc tăng số làng, thôn, ấp và nâng cấp các đơn vị hành chính cấp tổng, huyện.

Từ năm 1698 đến nay, có 5 đợt nhập cư lớn của các nguồn di dân đến Đồng Nai làm tăng dân số và thành phần dân cư. Đó là cuộc di dân từ các tỉnh miền Trung (vùng Ngũ Quảng) đến Đồng Nai theo chính sách khai khẩn của thời nhà Nguyễn; đợt mộ dân các tỉnh miền Bắc, miền Trung vào làm phu tại các đồn điền cao su trên địa bàn Đồng Nai những thập niên 30, 40 thế kỷ XX; đợt di dân đồng bào Công giáo miền Bắc sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954; đợt di dân từ các vùng thành thị ở miền Nam xây dựng vùng kinh tế mới tại Đồng Nai sau năm 1975; các đợt đồng bào các tỉnh phía Bắc theo kế hoạch nhà nước đến Đồng Nai xây dựng cuộc sống mới những thập niên cuối thế kỷ XX.

Ngoài ra các cuộc chuyển cư lớn trên, trong từng giai đoạn lịch sử, có một số trường hợp một bộ phận dân cư cũng khá đông đảo tìm đến Đồng Nai sinh sống với nhiều lý do, hoàn cảnh khác nhau như tránh sự khủng bố của chính quyền Mỹ - Diệm, hoặc chuyển theo chế độ chuyển đi của binh sĩ thời Mỹ Diệm (1954 – 1975); và nhiều trường hợp những nhóm cộng đồng dân cư chuyển đến tự do... Mỗi đợt di dân làm dân số ở Đồng Nai từng thời kỳ tăng đột biến; số di dân lên con số trên hàng vạn người mỗi đợt.

Hiện nay tỉnh Đồng Nai là địa bàn có thành phần dân tộc cộng cư khá đông đảo. Theo số liệu thống kê, có 38 dân tộc sinh sống ở đây qua nhiều thời kỳ lịch sử. Trước năm 1698, người Việt và người Hoa đã đến vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai sinh sống nhưng không nhiều. Các cư dân được xem là bản địa là Choro, Mạ, Koho, Xtiêng.

Có thể thấy Tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Đồng Nai đa dạng, phong phú gắn bó thiết thực với đời sống tinh thần của người địa phương, thể hiện trong sinh hoạt gắn với vòng đời người (việc sinh, dưỡng, tang, cưới, mừng thọ...) với sinh hoạt cộng đồng (thờ cúng trong nhà, cúng đình, cúng miếu, lễ chùa...).

Ở Đồng Nai, tập đoàn người Hoa xuất hiện gần như là cùng lúc với quá trình khai phá lập làng của cư dân Việt với thế và lực chẳng thua kém, nếu không nói là hơn về quân sự, thương mại và tiềm lực kinh tế. Người Hoa đã sớm khẳng định vai trò của mình ở địa phương, họ khuyến khích thương mại và nghề thủ công, phát huy lực lượng quân sự, thiết lập hệ thống trú sở cho mình lẫn thần linh. Người Hoa có truyền thống sống có tổ chức, biết tương trợ nhau, tín ngưỡng của mình trong quan hệ với dân tộc khác. Với những đặc điểm như thế,

người Hoa ở Đồng Nai có đầy đủ điều kiện để chi phối, thậm chí làm chủ sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cư dân Việt ở Đồng Nai. Nhưng điều ấy đã không xảy ra, Những di sản tín ngưỡng của người Hoa mang theo hiện dễ tìm thấy trong đời sống sinh hoạt của người Đồng Nai: tục đốt nhiều vàng bạc, thờ cúng các vị thần Thiên Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Quan Thánh đế quân, Ngũ phương Ngũ thổ long thần, Tiền Hậu địa chủ Tài thần, bà mẹ Thai sanh... Nhưng đó là sự bổ sung chứ không phải thay thế. Trong 320 năm sống trên quê hương mới, cộng đồng người Hoa với truyền thống văn hóa lâu đời luôn ý thức giữ gìn và phát huy đời sống văn hóa xã hội trong cộng đồng các dân tộc. Ngày nay, người Hoa cùng với người Việt và các dân tộc cùng đoàn kết chung sức chung lòng xây dựng quê hương Đồng Nai ngày càng trở nên vùng đất giàu tiềm năng và đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

Sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai mang tính đa dạng và phong phú không khép kín, không bảo thủ, mà thích ứng, dễ “làm quen” với văn hóa Đông - Tây, kim - cổ... trên cơ sở giữ được truyền thống của cư dân Việt; Sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai ít thần bí, sự lý giải về thần linh thường dựa vào lôgic hiện thực hơn là trí tưởng tượng thần thoại. Cho nên, các yếu tố phi lý bị giản lược, hủ tục không nhiều, thần linh có lý lịch và thần tích giản đơn, hợp lý, ít được cường điệu hoặc kỳ diệu hóa; từ đó gần gũi và thân thiết với cõi người hơn.

Thần linh trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai không đối lập, cũng không cách biệt với cõi người, nhân tính nhiều hơn thiên tính, ban phúc hơn là giáng họa, hiếm thấy tà thần, dâm thần; do vậy, người Đồng Nai đối với thần linh bằng lòng thành tri ân hơn là sự sợ hãi, phục tùng; thậm chí thần linh còn bị con người hành hạ, khiển trách, bỡn cợt. Bởi vậy, sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai không xa cách với đời sống hiện thực, tính tích cực xã hội của nó được hiện thực hóa trong sinh hoạt xã hội rất rõ nét: nó thường nối kết giữa đời sống tâm linh và hoạt động xã hội: Mụ Vườn vừa trong vai trò thầy cúng thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng dân gian, vừa là thầy thuốc góp phần chăm lo việc sinh sản ở nông thôn khi hệ thống y tế cơ sở chưa hoàn chỉnh; tục lệ về hôn nhân có cốt lõi là hợp đồng trách nhiệm giữa đôi vợ chồng mới với gia đình hai bên và xã hội; việc tang nghiêng về ý nghĩa báo hiếu cái chết; hội đình, hội miếu tham gia tích cực trong công tác xã hội của làng như tang tế, bốc thuốc, dạy học, hòa giải, từ thiện... Sự nhích gần giữa sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian với đời sống hiện thực cũng là sự nhích gần giữa trú sở của thần linh với thiết chế văn hóa cơ sở.

Sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai thể hiện ý nghĩa nhân bản ở mức độ cao. Người Đồng Nai thành kính thờ phụng thần linh nhưng không lệ thuộc vào thần linh, càng không chịu đóng khung trong khuôn mẫu có sẵn. Nghi thức cúng đình thần tuân theo điển lệ nhưng thực hiện không “nghiêm túc”, như việc sử dụng cờ, long, lỗ bộ chẳng hạn.

Với số nữ thần được thờ cúng đa dạng, đa hệ; tính nhân bản trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai bộc lộ rõ nhất. Những nữ thần của

khắp ba miền đất nước gần như hội nhập đủ mặt và khuếch đại uy lực ở Đồng Nai, nó thâm nhập vào thần điện của đình, chùa; lôi kéo cả nữ thần của Phật giáo, Thiên Chúa giáo, thậm chí lấn át cả nam thần.

Do hình thành muộn và bị ảnh hưởng bởi nhiều biến cố lịch sử, sinh hoạt văn hóa – tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai hiện tồn tại trong mâu thuẫn giữa niềm tin và tri thức. Niềm tin ở tín ngưỡng dân gian còn cội rễ trong lòng người nhưng tri thức về nó đã rơi rụng nhiều dẫn đến sai lạc, chấp vạ và sự phục hồi tùy tiện, thậm chí trảm với bản tính ban đầu. Hiện tượng tâm lý "có thờ có thiêng", "tứ tung linh tàng" đang phổ biến. Đó là mảnh đất hoang để những kẻ vụ lợi gieo cấy mầm mống có hại. Việc phục cổ một cách máy móc và hành vi mua thần bán thánh tinh vi cũng có nguồn gốc từ đây. Tín ngưỡng có lòng tin mà thiếu hiểu biết rất dễ đồng hành với mê tín, dị đoan.

Sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai là một hiện tượng thực tế không thể phủ nhận được. Nó đã từng là “món ăn tinh thần” để người Việt ở Đồng Nai hình thành, phát triển, vượt qua gian khổ, chiến tranh; và nay tiếp tục gắn với đời sống tinh thần của con người trên bước đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Dù muốn hay không muốn thì vai trò, ý nghĩa của sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian vẫn tác động đến công cuộc xây dựng và phát triển xã hội. Hiệu quả tác động thế nào tùy thuộc vào thể chế xã hội ứng xử với nó. Nếu biết nuôi dưỡng, dẫn dắt, khai thác và cải biến "hạt nhân hợp lý trong nó" thì có thể hướng tín ngưỡng dân gian đi vào mục tiêu nhân văn, xây dựng được xã hội bình ổn đậm đà bản sắc dân tộc.

Trải qua 320 năm, vùng đất Đồng Nai đã diễn ra quá trình giao lưu văn hóa sống động, tạo thành các nét đặc trưng. Đó là nét đặc trưng của các dân tộc, vùng miền đem lại cho vùng đất Đồng Nai nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

LỄ HỘI KỶ YÊN - NÉT VĂN HÓA ĐẶC TRƯNG



Đình Tân Lâm (hay còn gọi là Tân Lâm thành phố Miếu) xưa thuộc Tân Lâm Thôn, huyện Phước Chánh, Dinh Trấn Biên. Nay tọa lạc trên phố đi bộ đường Nguyễn Văn Trị, thuộc phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ban đầu đình Tân Lâm là một ngôi miếu nhỏ dựng bên cạnh Thành Biên Hòa, do dân làng Tân Lâm dựng lên để thờ Đô đốc tướng quân Trần Thượng Xuyên - Người có công khai phá đất đai và mở mang thương mại vùng đất Biên Hòa xưa. Đến năm 1861, thực dân Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa, Miếu được rời về bên gốc cây điệp già gần Tòa sơ thẩm (Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai). Năm 1906, do điều kiện về phong thủy miếu lại được rời về vị trí hiện nay (bên tả ngạn sông Đồng Nai, phường Hòa Bình) và lấy tên là Tân Lâm Thành Phố Miếu. Trải qua thăng trầm lịch sử, nắng mưa thời gian tác động ngôi đình xuống cấp, năm 1935 nhân dân xây dựng lại đình với quy mô, kiến trúc khá đồ sộ. Mặt bằng



Người dân dâng hương tưởng nhớ Đức ông Trần Thượng Xuyên tại đình Tân Lâm (phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa) (ảnh chụp chiều 9-3-2018). Ảnh baodongnai.com.vn

tổng thể được bố trí theo hình chữ Tam (三) gồm: Tiền đình, Chánh điện và Hậu đình nối tiếp nhau theo kiểu kết cấu kiến trúc truyền thống của dân tộc. Năm 1951, đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương trong việc thờ cúng, đình xây dựng thêm miếu Ngũ Hành Nương Nương và Thánh Thạch Cổ Miếu và bia tiêu sử đã tạo nên diện mạo như ngày nay.

Đề tỏ lòng ngưỡng mộ và đền đáp công ơn người đã có công tổ chức khai phá, mở mang vùng đất Đồng Nai - Gia Định, nhân dân

ở những nơi này gọi Trần Thượng Xuyên là “Đức Ông”.

Đình Tân Lâm (Xóm Mới) ở Biên Hòa, nơi thờ chính tướng Trần Thượng Xuyên đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia theo Quyết định số 457/QĐ, ngày 25 tháng 3 năm 1991.

Đến với đình Tân Lâm, chúng ta sẽ không khỏi ngạc nhiên trước một công trình kiến trúc tôn giáo bề thế, trang nghiêm tọa lạc trong khuôn viên rộng gần 3000m², mang đậm dấu ấn văn hóa Hoa Nam kết hợp với phong cách nghệ thuật thời Nguyễn. Bắt đầu là kiến trúc phần mái - thế giới tầng trên với việc trang trí các mảng tượng gốm sứ thể hiện các đề tài và điển tích: Lưỡng Long Tranh Châu, Lý Ngư Hóa Long, Bát Tiên Quá Hải, Quan Công Phò Nhị Tẩu, Múa Hát Cung Đình, ông Nhật, bà Nguyệt... là những tác phẩm nghệ thuật độc đáo phản ánh ước vọng về một cuộc sống hạnh phúc, phồn thịnh, tước lộc, công hầu, trường thọ... của người phương Đông. Mặc cho thời gian qua đi nhưng các tác phẩm tạo hình nghệ thuật vẫn tro gan cùng tuế nguyệt, vẫn một màu nguyên sơ thuở ban đầu để tôn lên vẻ đẹp riêng biệt cho mái đình cổ kính.

Mặc cho thời gian qua đi nhưng các tác phẩm tạo hình nghệ thuật vẫn tro gan cùng tuế nguyệt, vẫn một màu nguyên sơ thuở ban đầu để tôn lên vẻ đẹp riêng biệt cho mái đình cổ kính.

Đình Tân Lâm cũng giống như nhiều ngôi đình làng Nam bộ khác được các triều đại vua chúa sắc phong tôn thần Thành Hoàng bốn cảnh như một sự xác định chủ quyền đất đai của nhà vua và lòng biết ơn sâu sắc các bậc tiền nhân. Ngày nay, đình còn lưu giữ sắc thần của vua Tự Đức ngũ niên (1852) ban tặng với nội dung “Bảo an, chính trực, hữu thiện đôn ngưng chi thân”. Ngoài ra còn có nhiều bức hoành phi, liễn đối gỗ, bát bửu và chuông đồng... rất giá trị trong việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa của ngôi đình trong quá trình phát triển vùng đất Biên Hòa xưa.

Có thể nói, kiến trúc đình Tân Lâm đã thể hiện được sự hoành tráng mà tinh xảo, tôn nghiêm mà trữ tình. Tất cả các yếu tố văn hóa được tuyền tải hòa quyện trong ngôi đình là kết quả quá trình nhập cư của người Hoa vào vùng đất phương Nam để sinh sống cùng người Việt nhiều thế kỷ qua.

Tại đây, Đình Tân Lâm không chỉ là nơi thờ phụng Thành hoàng, vị thần của làng mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hoá gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng văn minh lúa nước Việt Nam.

Hàng năm, vào ngày 23 tháng 10 âm lịch, đình tổ chức lễ hội Kỳ yên. Thông qua lễ kỳ yên các giá trị di sản văn hóa của dân tộc được bảo tồn và truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Các giá trị văn hóa đó là ngôn ngữ (văn cúng, văn tế), nghi lễ, nghệ thuật cũng là ngày lễ trọng thu hút đông đảo người dân không k diễn xướng (hát bội, Bóng rối – Địa Nàng), phong tục, tập quán (trò chơi dân gian, quy định ứng xử)... Ngoài ra lễ kỳ yên là nơi có kết các quan hệ cộng đồng giúp cho nhân dân hun đúc tinh thần yêu nước, đoàn kết vượt qua những khó khăn thách thức trong cuộc sống.



Đình Tân Lâm chuẩn bị Lễ hội kỳ yên năm 2018
Ảnh tác giả chụp

Lễ cúng kỳ yên đình Tân Lâm được tổ chức quy mô, có đầy đủ các nghi lễ truyền thống như lễ khai kinh cầu an, lễ cúng nhập đàn, lễ cung thỉnh sắc Ông đi chu du, lễ Tinh sanh, lễ Tiên yết, lễ xây châu đại bội, ...với sự tham gia của đông đảo cộng đồng người Hoa, Việt.

Lễ cúng kỳ yên đình Tân Lâm đã đáp ứng

nhu cầu đời sống tinh thần, tâm linh, giải quyết những khát khao, những ước mơ của cộng đồng các dân tộc ở địa phương. Qua lễ hội cúng đình Tân Lâm tạo cho con người niềm tin lạc quan yêu đời, yêu chân lý, trọng cái thiện và làm cho tâm hồn, nhân cách mỗi con người như được sưởi ấm tình nhân đạo, nhân văn để rồi thấm thấu vào cuộc sống đời thường, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần, tâm linh về giao lưu, làm cho đời sống có ý nghĩa hơn, tốt đẹp hơn

Trong những ngày này, dân chúng khắp nơi thường tụ tập về đây trẩy hội, thấp nhang, đưa đức ông đi chu du trong thành, xem hát bội, hát tuồng. Những người trong ban tổ chức trước khi tham gia các hoạt động làm lễ phải thực hiện tẩy uế bản thân bằng rượu trắng. Trước khi rước đức ông đi chu du trong thành, phải làm lễ khai sắc ông: đưa đức ông ra tắm rửa bằng rượu, mặc áo bào... Ngoài ra, trong lễ hội còn có nghi thức cúng tiên yết, là hoạt động cầu nguyện cho quốc thái dân an. Tất cả các nghi thức trong lễ Kỳ Yên đều được Ban tế tự, học trò lễ,... thực hiện có bài bản, trang nghiêm theo quy định từ xa xưa và cũng thể hiện sự tôn kính với thần linh.

Lễ hội Kỳ Yên ở đình Tân Lâm thu hút đông đảo nhân dân tham gia không chỉ bởi phần lễ long trọng mà còn bởi có phần hội đó là hát bội. Hoạt động lễ hội đã đem lại cho dân làng sự vui vẻ quên hết những lo âu, nhọc nhằn đời thường, hòa vào không khí linh thiêng, màu nhiệm của lễ hội nhưng cũng rất gần gũi với cuộc sống, hoài niệm về tổ tiên - những người có công đức khai nghiệp cho làng xã, đồng thời thể hiện sự gắn kết cộng đồng trong mỗi giao cảm với nhau.

Trải qua thời gian lâu dài, nhưng những nội dung quan trọng trong lễ hội Kỳ yên vẫn giữ nguyên bản sắc như ngày đầu sơ khai. Cùng với đình Tân Lâm, lễ hội góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa của dân tộc, nhất là của vùng đất Đồng Nai. Đây cũng là nơi thể hiện đậm nét nhất truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc. Trước những giá trị lịch sử và văn hóa, năm 1991, đình Tân Lâm và lễ hội Kỳ yên đã được nhà nước công nhận là di tích văn hóa lịch sử, kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

III. GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY :

Bản sắc văn hóa là thiêng liêng, quý giá, nó tạo nên cái đặc thù của một dân tộc. Nó được hình thành trong lịch sử lâu dài của một dân tộc, được đúc kết từ kinh nghiệm sống, được lưu truyền qua nhiều thế hệ, gắn bó máu thịt với con người. Nó tồn tại tự nhiên không thể ép buộc nhưng đòi hỏi phải biết giữ gìn, bảo lưu. Nó có thể được biểu hiện ra bề ngoài nhưng cũng có thể ẩn sâu trong tâm hồn con người.

Bản sắc văn hóa của dân tộc có ý nghĩa quan trọng không chỉ trong đời sống của mỗi con người, mà còn có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc hiện nay. Cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng nói: Văn hóa còn thì dân tộc còn, mất văn hóa là mất tất cả. Vì vậy, việc phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đối với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc hiện nay cần phải được đề cao, coi trọng, như là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên để tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng mà ông cha đã dày công tạo dựng, vun trồng.

Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam là tài sản vô giá; là linh hồn của dân tộc được hun đúc qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước với bao biến cố thăng trầm của lịch sử; được viết lên bằng máu, nước mắt và mồ hôi của cả dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy nó là biểu tượng của sự trường tồn, là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai của dân tộc.

Người Việt Nam có những biểu hiện bản sắc văn hóa trong giao tiếp, ứng xử; đặc biệt là những nét văn hóa truyền thống rất nhân văn, nhân ái đã được tổng kết thành ngôn ngữ, thành ngữ, lời ca như: *“Lá lành đùm lá rách”*, *“Chị ngã em nâng”*, *“Uống nước nhớ nguồn”*, *“Bán anh em xa mua láng giềng gần”*, *“Tôn sư trọng đạo”*, *“Kính già yêu trẻ”*, *“Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ”*, *“Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”*. Những nét bản sắc văn hóa ấy đã góp phần to lớn làm nên sức mạnh vô địch của cộng đồng 54 dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam là thành trì vững bền trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

Bản sắc văn hóa một phần được thể hiện qua các di sản văn hóa. Đó là những sản phẩm văn hóa (có thể là thiên tạo cũng có thể là nhân tạo, là vật thể hoặc phi vật thể). Dù là thiên tạo nhưng nó phải được con người cảm xúc, rung động, thưởng thức và đặt tên theo cách hiểu của văn hóa Việt Nam. Nhiều yếu tố khác của văn hóa như phong tục, trang phục, nghệ thuật tạo hình, văn hóa ẩm thực... cũng phản ánh bản sắc văn hóa.

Hiện nay, đất nước ta đang tập trung cho Chiến lược văn hóa thời kỳ mới, *“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước”*. Chiến lược này xác định *“Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước”*.

Vì vậy *“Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc*

trung dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa”... “Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội...”

Tiếp tục kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, mạnh mẽ. Tất nhiên, “bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc” không có nghĩa là “giữ bằng được”, giữ một cách máy móc những cái đã có, mà phải biến những giá trị quý giá đó thành tài nguyên, thành lợi thế cạnh tranh của mình, dân tộc mình trong hội nhập và giao lưu quốc tế. Muốn vậy, phải có tri thức và bản lĩnh, phải có sự linh hoạt và sáng tạo, biến di sản văn hóa thành tài nguyên, thành sức mạnh nội sinh và động lực phát triển của đất nước.

Thế giới ngày càng vận động đến xu hướng hội nhập. Ảnh hưởng và giao lưu văn hóa ngày càng mạnh mẽ. Ngày nay chúng ta không thể không tiếp nhận văn hóa thế giới bởi lẽ nếu không tiếp nhận văn hóa thế giới thì tình trạng lạc hậu, chậm phát triển càng thêm trầm trọng và nặng nề. Điện thoại di động, máy vi tính, ti vi cũng như rất nhiều những sản phẩm điện tử, công nghệ sinh học, hóa học, lý học đang tràn ngập thế giới và trở thành những điều không thể thiếu trong đời sống vật chất và tinh thần của con người Việt Nam. Bên cạnh mặt tốt bởi ích lợi của nó cũng biểu hiện rất nhiều lo ngại về ảnh hưởng mặt trái của nó. Vì vậy trong giai đoạn hiện nay, để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc chúng ta cần có các giải pháp sau:

Đề cao trách nhiệm bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc

Muốn giữ được gốc gác cội nguồn dân tộc và bản sắc văn hóa Việt Nam, ngoài trách nhiệm của ngành văn hóa và những người làm công tác văn hóa, đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành và cả cộng đồng, xã hội.

Vì văn hóa gắn liền với mỗi con người, mỗi cộng đồng dân tộc, mỗi địa phương và gắn liền với các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, do đó, cả hệ thống chính trị phải cùng nêu cao trách nhiệm trong việc tham gia giữ gìn, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc

Hội nhập văn hóa trải qua các chặng: Giao lưu, hợp tác và đối thoại. Đối thoại là bình đẳng, không có cao thấp, nhưng muốn đối thoại được phải có bản sắc riêng. Hội nhập văn hóa có những đặc thù riêng, không giống hội nhập trong các lĩnh vực khác. Hội nhập văn hóa thống nhất giữa “nhận” và “cho”. “Nhận” cái mới của nước ngoài nhưng chúng ta cũng phải “cho” thế giới, đóng góp cho thế giới những điều đặc sắc trong văn hóa Việt Nam. Thực tiễn hội nhập văn hóa thời gian qua, chúng ta đang “nhận” nhiều mà “cho” ít. Ví như lĩnh vực sân khấu, ca nhạc, điện ảnh, nhiều nghệ sĩ bắt chước các yếu tố ngoại lai, ít có sáng tạo mang dấu ấn bản sắc văn hóa Việt.

Lịch sử cho thấy, sức mạnh nội sinh là văn hóa yêu nước, đó là sức mạnh trực tiếp, góp phần giữ nước, giải phóng và thống nhất đất nước. Điều quan tâm hiện nay là phải chú trọng xây dựng nhân cách con người Việt Nam, trong đó, nội hàm quan trọng nhất là ý thức bảo vệ Tổ quốc, tình yêu Tổ quốc, năng lực bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta phải giữ cho được bản sắc truyền thống, căn cước văn hóa Việt Nam để tự tin hội nhập quốc tế.

Phát triển công nghiệp văn hóa nội địa để làm giàu văn hóa Việt nói chung và văn hoá Đồng Nai nói riêng.

Sức mạnh nội sinh của một nền văn hóa phụ thuộc nhiều vào thành quả của nền văn hóa dân tộc. Nhưng sức mạnh nội sinh của dân tộc không tự nhiên mà có, mà cần quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển nền công nghiệp văn hóa nội địa có đủ khả năng phục vụ nhu cầu của người dân trong nước, tạo điều kiện cho việc tiếp cận, sử dụng, thưởng thức văn hóa của người dân được tăng lên. Mặt khác, chúng ta phải tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa Việt để giới thiệu, quảng bá, xuất khẩu ra nước ngoài

Cần có chính sách đồng bộ để bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số

Hiện nay, trước tác động của quá trình giao lưu, hội nhập văn hóa với thế giới, nhiều dân tộc thiểu số đang đứng trước nguy cơ mai một về bản sắc dân tộc. Điều quan ngại nhất là những nghệ nhân, những người cao tuổi am hiểu sâu sắc về giá trị văn hóa, phong tục tập quán, nghi lễ, truyền thống văn hóa của các dân tộc thiểu số sẽ ngày càng giảm dần. Vậy làm sao để những “báu vật nhân văn sống” đó có thể trao truyền những tinh hoa văn hóa của tổ tiên, ông cha mình cho thế hệ kế tiếp?. ngoài thực hiện chế độ hỗ trợ về vật chất cho các nghệ nhân văn hóa dân gian của các dân tộc thiểu số, cấp ủy, chính quyền và ngành văn hóa các cấp cần có chính sách tổng thể, giải pháp căn cơ, đồng bộ để bảo tồn và phát huy những nét văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Các địa phương cần tập hợp các già làng ở các buôn, làng, xã để tái hiện, tổ chức thành những điểm trình diễn văn hóa truyền thống nhằm giới thiệu, quảng bá sâu rộng đến thế hệ trẻ; đồng thời tăng cường mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao nhận thức, ý thức cho các em học sinh, sinh viên về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và cách thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế.

Giáo dục về bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số cho học sinh qua hoạt động ngoại khóa không chỉ được thể hiện qua những hoạt động văn hóa, văn nghệ mà còn thể hiện ở một số hình thức khác. Đó là thiết kế phòng trưng bày hiện vật gồm những sản phẩm văn hoá của các dân tộc như trang phục, trang sức, vật dụng gùi, nỏ, công chiêng, đình tút, ... của các dân tộc để các em học sinh tham quan, tìm hiểu và sử dụng trong các ngày lễ hội.

Việc sưu tầm, tập hợp, trưng bày, giới thiệu và gìn giữ những tài liệu, hiện vật có liên quan đến văn hoá dân tộc trong phòng truyền thống của nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, cung cấp thông tin, phổ biến tri thức để thực hiện nhiệm vụ giáo dục truyền thống cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Đó

cũng là cách để trực tiếp khơi gợi ở các em học sinh ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc từ ngàn đời của dân tộc.

Huy động sức mạnh của thế hệ trẻ tham gia bảo vệ nền văn hóa dân tộc

Lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta đã trải qua những bước thăng trầm, chúng ta đã vượt qua và tiếp tục phát triển nhờ dân tộc ta giữ được bản sắc văn hóa. Chúng ta không bị đồng hóa trong suốt chặng đường lịch sử bị ngoại bang nô dịch, để rồi chính những nét đặc trưng văn hóa dân tộc đã khẳng định khí chất, bản lĩnh con người Việt Nam. Trong thời kỳ hội nhập, nhiệm vụ bảo vệ nền văn hóa dân tộc càng khó khăn hơn.

Thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay, trước hết là đội ngũ sinh viên cần tích cực tham gia các hoạt động bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; chú trọng giữ gìn những nét văn hóa độc đáo mà cha ông ta đã chắt chiu, vun đắp; khơi dậy niềm tự hào, ý thức kế thừa văn hóa trên tinh thần sáng tạo... Từ câu nói của Bác Hồ: “Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”, có thể nói rằng, bản sắc văn hóa Việt thời nay tồn tại hay không tồn tại cũng một phần trông mong, cậy nhờ vào thế hệ trẻ.

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước vừa có những thuận lợi, vừa có những khó khăn, đặc biệt sự lai căng của văn hóa phương Tây đã làm cho văn hóa truyền thống của dân tộc bị mai một, ảnh hưởng ít nhiều thì việc phát huy những giá trị tốt đẹp của bản sắc văn hóa của dân tộc lại càng có ý nghĩa quan trọng hơn bao giờ hết. Chính bản sắc văn hóa sẽ tạo nên sự đồng điệu về tâm hồn, nhân cách và hành động, khơi dậy tinh thần, trách nhiệm, nghĩa vụ và bổn phận cho mỗi người trong quá trình bảo vệ tổ quốc hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Địa Chí Đồng Nai
- Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển
- Biên Hòa xưa;
- Biên Hòa – Đồng Nai xưa và nay;
- Đồng Nai- Di tích lịch sử Văn hóa Đồng Nai.
- Đồng Nai 30 năm chiến tranh giải phóng
- Đồng Nai những trận đánh điển hình trong chiến tranh giải phóng 1945-1975
- **Các website:**
<http://dost-dongnai.gov.vn>
<http://www.thuviendongnai.gov.vn>
<http://dongnai.vncgarden.com>
<http://baodongnai.com.vn>
<http://baobinhduong.vn>
<http://www.qdnd.vn>
<http://www.bienphong.com.vn>
<http://baophapluat.vn>

MỤC LỤC

Thông tin tác giả	Trang 1
Lời nói đầu	Trang 3
Khái quát vùng đất – con người Đồng Nai xưa và nay	Trang 4-7
Câu 1	Trang 8-61
Những cuộc kháng chiến đã trải qua trên vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai trong 320 năm hình thành và phát triển	Trang
I. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ I	Trang 9-23
II. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ II	Trang 23-36
III. Kháng chiến chống Mỹ cứu nước	Trang 36-57
Cảm nhận về truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Đồng Nai	Trang 58-61
Câu 2: Hãy cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa – Đồng Nai, Từ đó giới thiệu một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian với cộng đồng xã hội mà anh (chị) từng biết hoặc tham gia? Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay anh (chị) sẽ làm gì?	Trang 64-84
I. Những tập quán, tín ngưỡng dân gian của dân Biên Hòa – Đồng Nai	Trang 65-74
II. Cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa – Đồng Nai; Giới thiệu một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội từng biết	Trang 75-80
III. Giải pháp để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc	Trang 81-84
Tài liệu tham khảo	Trang 85